

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

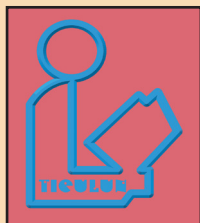
2



TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

QUYỂN 2

NGUỒN : VIỆT BÁO



MỤC LỤC

Giang Hồ, Hai Nghĩa Tương Phản	4
Chuyện Tình Trên Xe Greyhound	24
Mùi Hương Cũ	35
Cô Gái Giữ Xe	45
Yếu Diệu Tôn Nghiêm	47
Ra Trường	59
Nói Dài Câu Nói Dối	69
Bọ Ngựa	82
Những Câu Chuyện Bà Kể	92
Những Ngày Cận Tết	107
Hương Lay-ơn	112
Những Mùa Xuân Kỷ Niệm	120
Những Sợi Tóc Bạc...	130
Na Uy - Xứ Lạnh Tình Nồng	141
Phải Lòng Cô Gái Điếm	151
Ồn Trong Từng Phút Giây	163
Ái Nên Ôn Tình Nên Nghĩa	171
Tiếng Chuông Thiên Mục	180
Lên Đường	196
Nghĩ Về Cái Dũng Của Người Xuất Gia	208
Vancouver Ký Sự	214
Quê Ngoại	226
Sơn Tây Ngày Về	243

Giang Hồ, Hai Nghĩa Tương Phản

Vương Trùng Dương

Hai chữ giang hồ không mấy xa lạ trong đời sống của mỗi người đều thường đề cập trong thơ, văn, điện ảnh... và cũng là câu nói thường tình với cá nhân, nhóm người trong xã hội.

Tác phẩm Thủy Hử ban đầu là Giang Hồ Khách Truyện, sau lấy tên là Thủy Hử vì «căn cứ địa» Lương Sơn là vùng đầm, hồ nên Thủy Hử (bến nước). Truyện này qua bản dịch của La Thần và Á Nam Trần Tuấn Khải, gồm 3 cuốn, năm 1973, sau đó với Tử Vi Lang nên rất quen thuộc với độc giả Việt Nam.

Trong truyện Thủy Hử của nhà văn Thi Nại Am (1296-1372) ở Trung Hoa vào triều Nguyên-Mông (1295-1368), kể về câu chuyện của Tống Giang triều nhà Tống, nổi dậy kéo theo «giang hồ hảo hán» gồm 108 người đến núi Lương Sơn. Gọi là anh hùng Lương Sơn Bạc.

Tác giả phác họa chân dung từng nhân vật tầng lớp nông dân, võ biên «thế thiên hành đạo» chống lại ách độc tài của triều đình.

Sau khi Thi Nại Am đã sáng tác xong 70 hồi truyện Thủy Hử, vua nhà Nguyên tuy đã cướp ngôi nhà Tống nhưng đọc xong truyện đã nổi giận bắt giam Thi Nại Am và hạ lệnh phải viết tiếp đoạn sau, kể về việc Lương Sơn Bạc bị dẹp, nếu không sẽ bị xử tội. Lý do của vua Nguyên là sự nổi dậy của «nghĩa quân» sẽ ảnh hưởng cho chế độ hiện tại.

Thi Nại Am lo lắng, liên lạc với học trò là La Quán Trung (1330-1400, tác giả Tam Quốc Diễn Nghĩa) tới nhà lao cùng bàn bạc. Hai người cùng viết tiếp Hậu Thủy Hử kể việc thất bại của quân Tống Giang. Sau 1 năm, Hậu Thủy Hử hoàn thành, hai thầy trò mang dâng vua Nguyên. Vua Nguyên xem xong bằng lòng, hạ lệnh thả Thi Nại Am.

Chương đầu của Thủy Hử, khi kể về sự hình thành của nhóm hảo hán Lương Sơn Bạc, Thi Nại Am viết : «Những người trong giang hồ có nghĩa khí đều tụ hội ở Lương Sơn Bạc».

Khi Chu Nguyên Chương (1328-1398), xuất thân từ tầng lớp nghèo khổ, từng giữ dê chăn bò cho địa chủ, khi gia nhập nghĩa quân Quách Tử Hưng, dần dà lập công trạng tiêu diệt Trần Hữu Lượng rồi dẫn 25 vạn đại quân Bắc phạt chiếm được Sơn Đông. Quân nhà Nguyên chạy về Mông Cổ. Tháng Giêng năm 1368,

Chu Nguyên Chương xưng Đế, đặt quốc hiệu là Minh, trở thành vua Minh Thái Tổ. Chu Nguyên Chương gọi Thi Nại Am làm quan nhưng ông từ chối, ông nhuận sắc lại Thủy Hử viết chung với La Quán Trung (có tài viết chương, hồi và hư cấu) lưu lại hậu thế. Vì Chu Nguyên Chương gốc gác như như các nhân vật của Lương Sơn Bạc và sự đời «Được làm vua, thua làm giặc» nên chữ nghĩa văn chương biến hóa từ «giặc» (khi thua) thành «nghĩa quân» khi lật đổ quan quân, triều đình... Trong quyển Ý Thiên Đồ Long của Kim Dung đề cập đến Chu Nguyên Chương thống lĩnh Minh Giáo và nhờ binh pháp trong Vũ Mục Di Thư đánh đuổi người Mông Cổ, lập ra nhà Minh».

«Giang hồ» từ Việt gốc Hán. Chữ «giang» thuộc bộ thủy, nghĩa là «sông»; «hồ» cũng thuộc bộ thủy nên «giang hồ» chính là «sông và hồ». Danh từ «Giang» và «Hồ» khi đi với nhau thành tính từ, không còn liên quan gì đến nghĩa của từ gốc

Trong Tầm Nguyên Từ Điển của Bửu Kế (Sài Gòn 1955) : «Giang là sông; Hồ là hồ nước... nghĩa bóng là người sống lang bạt, bất định. Cảnh sống nay đây mai đó, tự do, phóng túng như «thú giang hồ, giang hồ lãng tử» không bị ràng buộc trong phép vua, lệ làng...

Theo học giả Đào Duy Anh «Nghĩa đen là sông hồ, xuất phát từ chữ Tam Giang (sông Trường Giang, sông Hán Giang và hồ Bành Lãi; Ngũ Hồ (năm hồ lớn của Trung Hoa) nơi người ta hay đến chơi, sau đó chữ giang hồ chỉ những người ngao du nay đây mai đó, hoặc những người lang thang không theo triều đình. Khi áp dụng cho đàn bà, nó chỉ người làm gái điếm».

Trong Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du đã linh động sử dụng hai chữ giang hồ uyển chuyển tùy theo mỗi trường hợp.

Từ Hải có ý chí độc lập ngang tàng, không chấp nhận sự khuất phục của triều đình nên :

*«Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.
Giang hồ quen thói vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo».*

(Câu 1791-1793)

Nhưng khi Thúc Sinh nói với Hoạn Thư về nàng Kiều thì Nguyễn Du đã dùng giang hồ theo một hàm ý khác :

*«Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài».*

(Câu 1989-1990)

Hay hình ảnh khi Hoạn Thư nổi cơn ghen vì vậy Thúy Kiều cảm thấy :

*«Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một màu quan tái bốn mùa gió trắng»*

(Câu 1595-1596)

Trong thi ca cũng thường đề cập đến hai chữ giang hồ, điển hình như các bậc tiền nhân :

Giang Hành, bài thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi

*«Tây tân sơ nghĩ trạo
Phong cảnh tiện giang hồ
Vũ quá sơn dung sáu
Thiên trường nhận ảnh cô...»*

*(Bến tây thuyền mới ghé mái,
Phong cảnh đã là giang hồ rồi.
Mưa qua rồi trông dáng núi gầy;
Trời rộng bóng nhận như đơn chiếc...)*

Bài thơ chữ Hán Giang Hồ Ngộ Hứng của Nguyễn Thượng Hiền :

*«Giang hồ ngộ khách,
Thiên địa tản nhân.
Nhất tháp nhàn ngâm,
Chung niên lẫn ngoạ...»*

Quốc Kêu Cảm Hứng của nhà thơ Nguyễn Khuyến

*«Khắc khoải sầu đưa giọng lữ lơ,
Đáy hồn Thục Đế thác bao giờ...
Ban đêm rờn rã kêu ai đó ?
Giục khách giang hồ dạ ngán ngờ».*

Vào thời tiền chiến với các nhà thơ :

Bài thơ Dân Tình của Vũ Hoàng Chương với hai chữ giang hồ :

*«Lũ chúng em chờ chàng qua chín kiếp
Tình giang hồ phong nhụy vẫn nguyên hương...
... Tình nhân thế chưa cay người lịch duyệt
Niềm giang hồ tan tác lệ Giang Châu»*

Bài thơ Mộng Xuân Hương của Bích Khê :

*«Nửa cánh giang hồ bạt nhớ thương
Đêm nay buồn lắm, gục bên giường
Ngoài ly Lý Bạch trời như mộng
Sau khói phù dung mộng cổ hương»*

Trong văn chương, ngày xưa hai chữ giang hồ liên quan với kiếm khách, điển hình như tác phẩm Giang Hồ Kiếm Khách của nhà văn Nhật Yoshikawa Eiji. Ban đầu truyện này đăng tải trên báo Asahi, tác giả dự tính chỉ vài chục chương nhưng rất lôi cuốn độc giả ái mộ nên tờ báo yêu cầu tác giả viết tiếp vì vậy đăng liên tục từ ngày 23 tháng 8 năm 1935 đến ngày 11 tháng 7 năm 1939. Sau đó in thành sách gồm năm tập khoảng một nghìn năm trăm trang.

Bối cảnh xảy ra ở thế kỷ 16 viết về cuộc đời kiếm sĩ Musashi từ thuở thiếu niên với nhiều bất trắc, quyết lập thân bằng kiếm đạo cho đến lúc trở thành kiếm sĩ vang danh thiên hạ. Kiếm khách thời đó dưới sự thống trị của kẻ quyền lực nên lộng hành trấn áp khắp nơi. Dĩ nhiên «tức nước vỡ bờ» nên có sự nổi dậy của kiếm sĩ chống lại ách độc tài. Đây là một trong những tác phẩm kinh điển nổi tiếng của Nhật.

Và, điển hình như tác phẩm hư cấu Tiểu Ngạo Giang Hồ của nhà văn Kim Dung trong chốn võ lâm. Nhà văn Cổ Long với Tuyệt Đại Song Kiêu hay Giang Hồ Thập Ác ở Đài Loan vào giữa thập niên 1960.

Tiểu Ngạo Giang Hồ là một trong những tác phẩm rất ăn khách với độc giả ở miền Nam Việt Nam cũng vào thập niên 1960' ở Hồng Kông. Tác phẩm đặt theo bản nhạc cầm tiêu hợp tấu giữa hai cao thủ võ lâm chánh/tà. Lưu Chính Phong của phái Hành Sơn và Khúc Dương của Nhật Nguyệt Thần Giáo cảm thấy chốn võ lâm gió tanh mưa máu nên quyết định rời khỏi chốn võ lâm «gió tanh mưa máu» dùng âm nhạc ngao du với đất trời nhưng rồi bị hai phe chính/tà truy sát. Khúc nhạc đó truyền lại cho Lệnh Hồ Xung, chánh phái Võ Đang và Nhậm Doanh Doanh, tà phái Nhật Nguyệt Thần Giáo... Trải qua bao sóng gió, oan nghiệt, cuối cùng hai người trai tài, gái sắc chán cảnh thị phi, chém giết, dắt tay nhau tiểu ngạo giang hồ.

Thú vị nhất trong truyện, phim kiếm hiệp (chương) luôn nhắc đến hai chữ giang hồ hầu như dành cho chánh phái, ơn đền oán trả, nghĩa khí võ sĩ, trượng phu với kẻ ngã ngựa... Hình ảnh Cain Bang ăn mặc rách rưới, sống «đầu đường xó chợ» nhưng hành hiệp đạo nghĩa.

Về âm nhạc, ca khúc *Dừng Bước Giang Hồ* của nhạc sĩ Hoàng Trọng với ban hợp ca Thăng Long đã một thời vàng son với giới mộ điệu âm nhạc :

*«Chiều nay sương gió, lũ khách dừng bên quán xưa
Mơ màng nghe tiếng chuông chiều, vương về bên
quán tiêu điều...»*

*Tới đây nơi xưa, gió êm êm đưa
Áng mây trôi tới xa xôi khuất nơi sau đồi
Quán tranh xiêu xiêu, chốn đây cô liêu,
Nhắc cho ta biết bao nhiêu dáng xưa yêu kiều...
Đã bao năm qua, sống nơi phương xa,
Về phương cũ đành dừng bước chân giang hồ»*

Ca khúc *Tình Kỹ Nữ* của nhạc sĩ Phạm Duy

*«Đêm nay đôi người khách giang hồ
Gặp nhau tình trăng nước
Sánh vai nhịp bước giang hồ
Kề vai ước xây nhà bên suối
Kề môi ước gảy vài đường tơ...
... Đêm nay khi tàn giấc mơ vàng
Ngồi đây sầu ngơ ngác
Ngắm bao tình khách giang hồ
Lòng ta nhớ duyên tình kỹ nữ
Lòng ta nhớ cung đàn mùa xưa».*

Hai chữ giang hồ với những dòng trích trên với hình ảnh đẹp trong tâm hồn lãng tử, phiêu bồng, không vướng bụi trần với thiên nhiên hữu tình. Ngày đó, hai chữ giang hồ đi kèm với lãng tử, những chàng trai nét phong trần ưa lang bạt nay đây mai đó vì «Thời lai đồ điều thành công dị. Vận khứ anh hùng ẩm hận đa» (Cảm Hoài của danh sĩ Đặng Dung) hay đâu đó «Chí lớn trong thiên hạ đưng không đầy đôi mắt mỹ nhân» của Phạm Thái.

Trong bài viết của Hà Khánh Quân (Luân Hoán) về người bạn cùng cố hương với tựa đề : Nguyễn Đông Giang, Thơ Của Người Giang Hồ. «Người Giang Hồ của đám chiến sĩ sớm ngã ngựa, có tên thật Nguyễn Văn Ngọc. Anh được ra đời vào ngày 06 háng 02 năm 1943 tại làng An Hải, Đông Giang, quận 3 thành phố Đà Nẵng. Anh theo học tiểu học tại trường Hoàng Diệu rồi vào Khóa 19 Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

Năm ngón tay của một bàn tay phải, là món quà lưu niệm, anh dành cho cuộc chiến tranh Việt Nam. Nguyễn Đông Giang thành thầy giáo tại các trung học Quốc Gia Nghĩa Tử, Đông Giang, Bồ Đề, Khiết Tâm, Vinh Sơn, Duy Nhân (Đà Nẵng), Trần Quý Cáp (Hội An)... Sau 1975, không thủ phận, nên anh có mặt trong tổ chức phục quốc. Được ghép vào thành phần «âm mưu lật đổ chế độ», Nguyễn Đông Giang có cơ hội ăn cơm tù Xã

Hội Chủ Nghĩa Việt Nam sáu năm. Ra tù bị quản chế tại gia, cấm vượt khỏi Đà Nẵng. Anh nhanh chóng trở thành một ông xe thô lành nghề.

Ngoài cái thân trần, không có mảnh giấy nào lặn lưng, kể cả bằng tốt nghiệp «cải tạo» tốt, Nguyễn Đông Giang đến Hồng Kông một mình năm 1991. Không có bất cứ thứ gì để chứng minh thân thế, sự nghiệp, anh bị giữ tại trại một thời gian năm năm. Có tay nghề tranh đấu, nên anh tiếp tục hành nghề trước những bất công trong trại tạm trú. Song song với công việc giúp mình, giúp người, anh làm thơ. «Cuối cùng, một số thơ, một số bài viết của ông, đã là đầu mối cho International Pen in London và Liên Hiệp Quốc can thiệp, vớt anh đến Hoa Kỳ vào năm 1996, theo diện nhà báo tị nạn chính trị».

* * *

Giang hồ mang hình ảnh xấu với băng đảng, các tay anh chị sống ngoài vòng pháp luật, mạnh được yếu thua. Giang hồ nghĩa xấu chỉ bọn lưu manh, du đảng, du côn, du thủ du thực, đầu gấu, trộm cắp, đâm thuê chém mướn... Ngày nay, người ta nói rằng nhiều người tự xưng là giang hồ thực ra là du đảng, lưu manh, họ không có tư cách và phẩm chất của những giang hồ xưa.

Nhà văn Duyên Anh với các tác phẩm Nặng Nợ Giang Hồ, Điều Ru Nước Mắt Luật Hề Phố, Dzũng Đa-Kao, Vết Thù Hằn Trên Lưng Con Ngựa. Nhà văn Nguyễn Thụy Long với Bước Giang Hồ, Loan Mất Nhung, Nợ Máu... Tuy nhiên trong vài tác phẩm này, tác giả cũng đề cao vài nhân vật trong băng nhóm có tính nhân bản, sống chết có nhau để hài hòa trong xã hội đen.

Trong quyển Điều Ru Nước Mắt với hình ảnh Trần Đại (Đại Cathya) đứng đầu «tứ đại giang hồ. Duyên Anh nghe Trần Đại kể lại cuộc đời giang hồ, những trận đấm đá, đem chém thư hùng đẫm máu trên đường phố, dựng nên tác phẩm.

Tác bài thơ tặng cho Đại Cathay.

Trần Đại trong Điều Ru Nước Mắt xuất thân là con nhà giàu, học giỏi nhưng chán ghét thời cuộc, bỏ nhà theo tiếng gọi giang hồ, làm đại ca nhưng vô cùng nghĩa hiệp, cứu giúp kẻ thân cô thế cô, dám đánh cảnh sát ăn hối lộ. Cuối cùng, vì chung thủy với mối tình cô gái (con nhà trâm anh thế phiệt, học trưởng Tây ở Đà Lạt và Sài Gòn, chán ghét xã hội thượng lưu dối trá nên gia nhập vào băng nhóm) vô cùng lãng mạn, đã dũng cảm chết bi tráng trên hàng rào kẽm gai...

Trong quyển Loạn Mắt Nhung của Nguyễn Thụy Long với hình ảnh Loạn có đôi mắt đen huyền đẹp như nhung, do biến cố cuộc sống, thời cuộc đẩy đưa, từ thiếu niên ngây thơ trong sáng thật thà gia nhập băng đảng, bản lĩnh lý lợm, trở thành đại ca giang hồ. Tuy sống trong xã hội đen nhưng bản chất lương thiện.

Hai nhà văn không đề cao xã hội đen, đâm thuê chém giết nhưng đề cập đến trong vũng lầy tội lỗi đó cũng có vài nhân vật có nghĩa, có tình trong giới giang hồ (?).

Trong ca dao có câu : «Trai tứ chiếng gái giang hồ. Gặp nhau làm nổi cơ đồ cũng nên» đề cập đến hình ảnh «trao tứ chiếng, gái giang hồ» thường bị khinh bỉ tùy theo môi trường và xã hội.

Thoạt đầu «trao tứ chiếng» xưa kia có nghĩa gốc là nơi quy tụ bốn kinh trấn xung quanh kinh đô Thăng Long, đã từng trải qua bốn phương trời tụ hội. Theo thời gian và môi trường xã hội xấu, nó trở thành trai «tứ cố vô thân» tụ tập nhau làm điều bất chính.

«Gái giang hồ» với nghĩa xấu ám chỉ hình ảnh gái làm điểm bụi đời, trộm băng đảng dụ dỗ, bắt cóc con gái vào tệ nạn buôn bán tình dục và cả móc túi... Trong những thập niên qua, báo chí trong nước đề cập rất nhiều loại «gái giang hồ» này từ nơi này đến nơi khác,

qua mặt luật pháp, làm ăn phi pháp.

Như đề ở trên, giang hồ, hai nghĩa tương phản (tốt/xấu, tích cực/tiêu cực) vì vậy khi đề cập đến hai chữ này không nên nhìn phiến diện mà xét từng nhân vật, thời điểm cũng như vai trò của nó trong cuộc sống.

* * *

Sau năm 1975 ở trong Nam có hai bài thơ viết về Giang Hồ rất thú vị.

Nhà thơ Linh Phương, Thư ký tòa soạn tuần san Tinh Hoa Nữ Sinh 1967. Tác giả bài thơ Kỷ Vật Cho Em, nhạc sĩ Phạm Duy phổ thành ca khúc trước năm 1975 được phổ biến rộng rãi. Tác phẩm đã xuất bản : Thơ Tình Linh Phương (Thơ - NXB. Ngựa Hồng - Sài Gòn 1967), Kỷ Vật Cho Em (Thơ - NXB. Động Đất - Sài Gòn 1971), anh đã phục vụ trong binh chủng Thủy Quân Lục Chiến.

Giang Hồ

«Giang hồ từ thuở ta thất thế
Chỉ lớn không thành thà ẩn cư
Viễn xứ. Ờ ! Thôi thì viễn xứ
Hết đời phiêu bạt chốn quê xa...
... Cha xưa cầm súng ra đánh trận
Bỏ xác trên rừng mấy mươi năm
Lần đi đưa tiễn - tay chưa nắm
Vạt áo che ngang mẹ khóc thầm...
... Giang hồ. Ta giang hồ trăm bận
Vẫn thấy lòng đau rứt ruột đau
Thèm nghe tiếng dế thời thơ ấu
Ngắm cánh diều bay giữa vô cùng
Giang hồ. Ta giang hồ trăm bận
Thăm hẹn mai này quy cố hương
Ta về làm bạn cùng chim chóc
Lần với muối mòng chín cửa sông»

Bài thơ Giang Hồ của Phạm Hữu Quang, quê An Giang, cựu sinh viên Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và Đại Học Cần Thơ, bị stroke lần thứ hai, qua đời ngày 28/4/2000 lúc 49 tuổi. Phạm Hữu Quang viết bài thơ vào tháng 5/1991.

Giang Hồ

«... Giang hồ đâu bạn lo tiền túi
Ngày ta đi chỉ có tay không...
Giang hồ ta ghé nhờ cơm bạn
Đũa lệch mâm suông cũng gọi tình...
Giang hồ có buổi ta ngồi quán
Quán vắng mà ta chữa chịu về
Cô chủ giả đồ nghiêng ghé trống
Đém thấy thừa ra một góc si
Giang hồ mấy bạn say như chết
Rượu sáng chưa lựa đã rượu chiều
Chí cốt cầm ra chai rượu cốt
Ừ. Thôi. Trời đất cứ liêu xiêu
Giang hồ ta chẳng hay áo rách
Sá gì chải lược với soi gương...
Giang hồ ba bữa buồn một bữa
Thấy núi thành sông biển hoá rừng
Chân sẵn dép giày, trời sẵn gió
Ngựa về. Ta đứng. Bụi mù tung...
Giang hồ tay nải cầm chưa chắc
Hình như ta khóc mới hôm qua
Giang hồ ta chỉ giang hồ vật
Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà».

Mấy câu thơ «Giang hồ. Ta giang hồ trăm bận. Vẫn thấy lòng đau rứt ruột đau» (LP) và «Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt. Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà» (PHQ) quá tuyệt.

Hai bài thơ của Linh Phương và Phạm Hữu Quang trong hoàn cảnh xã hội lúc đó của bản thân tựa như kẻ sĩ ngày xưa khi thất thế.

Lục Du viết «Chính xã hội thay đổi sau những biến cố lớn, quan niệm trong văn hóa truyền thống bị thay bằng những quan niệm duy vật, tôn sùng kim tiền, vật chất, không tin vào nhân quả, luân hồi đã tạo điều kiện cho cái xấu, cái ác lên ngôi, hình thành môi trường sống thuận lợi cho những người giỏi luôn lách ký ỨC».

Trong quyển Tiêu Sơn Tráng Sĩ của nhà văn Khái Hưng ấn hành năm 1967, dày hơn bốn trăm trang gồm hồi.

Hồi 3 : Tiêu Sơn Kết Nghĩa, «Trần Quang Ngọc, hai mươi năm tuổi, Phạm Thái hai mươi tuổi, Lê Báo mười chín tuổi, xin theo gương ngài cùng họ Lưu, họ Trương, kết nghĩa anh em, trước là để phò nhà Lê, sau nữa là để rửa thù cho cha chúng tôi. Tôi thề rằng tôi coi Phạm Thái, Lê Báo như hai anh em ruột, cũng hai người sống chết có nhau. Nếu tôi ở không đúng lời thề xin chết như

thế này». Hình ảnh 3 chàng trai trẻ với nghĩa khí vì vận mệnh đất nước lên vùng Kinh Bắc «kết nghĩa giang hồ» quá đẹp.

Hình ảnh Phạm Thái (1777-1813) quê làng Yên Thị, con của võ tướng Trạch Trung Hầu Phạm Đạt. Tuổi đôi mươi, Phạm Thái nối chí cha, kết giao với những người đồng chí hướng, khi bị truy nã thì cắt tóc, giả làm nhà sư vào tu ở chùa Tiêu Sơn, đặt đạo hiệu là Phổ Chiêu thiền sư. Đi tu được mấy năm, nhưng sự chưa đâu vào đâu thì Trương Đăng Thụ ốm chết, Phạm Thái hay tin liền vội vã về quê bạn ở làng Thanh Nê, Kiến Xương để điếu tang, rồi được gia chủ mến tài lưu lại trong nhà. Định mệnh run rủi, Phạm Thái gặp gỡ, xướng họa thơ văn rồi nảy lòng si tình Trương Quỳnh Như, em gái Trương Đăng Thụ. Cuộc tình không thuận, mẹ Trương Quỳnh Như nhất quyết muốn gả nàng cho gia đình giàu có Trịnh Nhị, khiến nàng phần uất tự vẫn. Đại nghiệp chưa thành, tình duyên đau khổ, Phạm Thái chẳng màng thế sự, trở hết tài hoa làm thơ và lang bạt, rồi ốm đau tử tận ở Thanh Hóa lúc mới 36 tuổi».

Trong tác phẩm này đề cập đến các tráng sĩ hoài Lê để chống lại nhà Tây Sơn. Nhân đây nhắc sơ về Quang Trung Nguyễn Huệ (1753-1792) xuất thân từ Tây Sơn, Bình Định. Ba anh em Tây Sơn tam kiệt, lãnh đạo của

cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã chấm dứt cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn phân tranh. Bắc Bình Vương Quang Trung đánh Nam dẹp Bắc lập nên nhiều chiến công hiển hách như Trận Ngọc Hồi - Đống Đa (Chiến Thắng Kỷ Dậu) làm quân Thanh xâm lược khiếp hồn bạt vía, và sau đó lên ngôi Hoàng Đế Quang Trung, chẳng may qua đời trong 4 năm làm vua, nên quân Tây Sơn như rắn mất đầu trong cuộc nội chiến và dẫn kết hậu quả thảm hại !

Trải qua một trăm năm mươi năm, Nguyễn Huệ không những chìm trong quên lãng mà lãng mộ thân xác cũng bị làm nhục ! Từ danh tướng, hoàng đế trở thành tội đồ !...

Danh dự nhân vật lịch sử được phục hồi, vinh danh trở lại, ghi trang sử mới trong lịch sử Việt Nam. Thời Việt Nam Cộng Hòa Quang Trung - Nguyễn Huệ : Thánh Tổ binh chủng Quân Vận (hình ảnh ngày xưa điều quân thần tốc). Chân dung Quang Trung được in trên tờ 200 đồng và nhiều con đường, ngôi trường mang tên Quang Trung, Nguyễn Huệ, ngay cả Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung... Đây cũng là giai đoạn bi thảm của lịch sử vì chỉ là chuyện văn nên không đề cập nhiều sẽ lạc đề.

Giang hồ ngày xưa là vậy, giang hồ của kẻ sĩ trước hoàn cảnh nhiều nhương của xã hội nên bôn ba kết nghĩa dấn thân cho đại cuộc. Giang hồ ngày xưa là hình ảnh những người chán cảnh ô trọc trong xã hội, không muốn vương lụy, bon chen nên tự chọn con đường phiêu lãng... Còn giang hồ ngày nay chỉ là phần tử «giá áo túi cơm» băng nhóm bất hảo, gian manh chỉ làm băng hoại xã hội !

Little Saigon, December 2024

Vương Trùng Dương

Chuyện Tình Trên Xe Greyhound

Song Thao

Chuyện xảy ra trên một chuyến xe Greyhound. Xe đồ Greyhound có vẽ con chó sói xoải cẳng phi nước đại bên hông là thứ nối liền các thành phố bên Mỹ và Canada. Nhiều người trong chúng ta chắc đã từng ngự trên những chuyến xe xuyên liên bang này. Tôi cũng đã từng xuôi ngược với Greyhound. Từ Montreal qua Washington D.C. thăm bạn bè dân thủ đô nước Mỹ như các ông Dzung Ngọc Hoán, Nguyễn Tường Đăng. Từ Vancouver qua Portland thăm ông Từ Công Phụng. Từ Seattle về Vancouver sau khi cưỡi du thuyền đi Alaska thăm mấy chú gấu tuyết. Nói như vậy để thấy tôi cũng có chút kinh nghiệm khi chen vai thích cánh cùng những người không có hoặc ngại lái xế riêng. Chỉ tiếc đó là những kinh nghiệm không muốn ghi lại trong ký ức. Xe đồ Greyhound khá cũ. Có chuyến tôi phải rời chỗ nhiều lần mới tạm thời kiếm được một chỗ ngồi được. Ghế xe cũ kỹ, chiếc thì đệm tróc lở nhem nhuốc, chiếc thì lò xo xẹp lép làm ê ẩm cái bàn tọa, xe chạy cà giạt như nước chảy của một bà già hom hem. Hành khách có nhiều người bốc mùi nhất là mùi của những chiếc tã của những ông bà hồng van phía dưới. Có nhiều quái nhân bộc lộ khi ngủ hoặc khi tỏ bày tình cảm một

cách quá riêng tư. Tóm lại, đó không phải là nơi thích hợp để khai sinh những chuyện tình.

Sau những lần cưỡi xe Greyhound, tôi đã viết một truyện ngắn mang tên «Trên Đường Thiên Lý». Dĩ nhiên trong truyện có một quái nhân. «Tôi xếp hàng sau đám trẻ nhộn nhịp. Bên cạnh tôi, sát tường, là một chiếc ghế dài cho khách ngồi nghỉ chân. Trên ghế nằm thẳng cẳng một đấng mày râu, râu thì nhiều nhưng tuổi chắc chẳng bao nhiêu, đầu kê lên ba lô, tay vắt ngang mắt, ngủ tự nhiên như ở nhà. Cha nội này chắc chẳng bao giờ tới được New York, tôi nghĩ thầm. Vậy mà tôi làm lớn. Gửi được chiếc va ly nhỏ vào hầm đựng hành lý dưới xe, bước lên cửa, đi dọc theo hai hàng ghế đầy nhóc người, cố kiếm một chỗ ngồi, tôi chẳng có chọn lựa nào khác là rón rén ngồi xuống chiếc ghế trống duy nhất bên cạnh người tôi đã tưởng là sẽ chẳng bao giờ lên xe. Đấng mày râu đã lại tiếp tục ngủ chẳng thèm biết bên cạnh có tôi. Xe lắc lư. Chiếc đầu nhắm mắt cũng lắc lư như đầu một con búp bê nhều nhẹt. Đường thiên lý có chi vất vả. Cứ nhắm mắt cũng tới. Mà tới cấp kỳ. Xe vừa dừng ở trạm thứ nhất phía bên kia biên giới, một thị trấn nhỏ loe ngoe ít mái nhà, bạn đồng hành của tôi đã dụi mắt, nắm chiếc túi xách tay méo mó nằm dưới chân, đứng dậy đi xuống, quên cả chào tôi một câu cho đúng phép lịch sự».

Khi anh chàng này xuống một trạm dừng, người mới lên xe ngồi cạnh nhân vật «tôi» là một cô gái. Cô và «tôi» mỗi người chúi mũi vào một cuốn sách sau khi hi vớ nhau kèm theo nụ cười. Hai pho tượng đọc sách tưởng là muôn đời sống trong hai thế giới riêng rẽ đã người nọ biết người kia vì một quái nhân. «Mũi tôi bỗng khụt khịt từ chối một mùi khó ngửi. Cô gái nhắc những ngón tay lên bịt mũi trong một cử chỉ cố làm cho bớt sỗ sàng. Một bà già nhỏ thó nhưng vui tươi đang đứng dựa vào ghế chờ tới lượt đi xuống. Cả tôi lẫn cô gái đều không hẹn mà cùng ngẩng mặt lên nhìn bà già. Bà già vui vẻ nhìn lại cười xã giao. Không hiểu bà vốn là người vui tính hay vì khoái chí trong bụng khi được đi ra ngoài đứng giữa nhiều người như thế này mà tôi thấy bà cười với tất cả mọi người. Mặt bà thì vui nhưng cái mùi toát ra từ người bà không được vui. Đó là mùi nước tiểu són ra tã lót. Thường thì mùi gì được lưu trữ lâu vẫn hay đậm đà hơn. Dòng người trên xe mỏng đi cuốn được bà già tiến lên phía trước. Mùi nồng nặc nhạt dần và biến mất khi bà già đứng dưới đường còn cổ ngoái cổ lên các vuông kính trên xe cười thêm một chút nữa. Mũi tôi thở ra thoải mái. Tay cô gái rơi lại xuống trang sách. Cô quay sang bắt gặp bộ mặt có chiếc mũi khụt khịt của tôi. Cô toác miệng cười không ra tiếng. Hàm răng trắng đều lộ ra khỏi đôi môi mỏng bóng nhẫy màu

mơ chín. Cô này có nụ cười đẹp. Tôi rung người cố chặn tiếng cười mà nếu không ngăn lại thì đám át tiếng máy xe vẫn đang ì ầm rền vang lăm. Chúng tôi quen nhau bằng tiếng cười đồng tình đó. Bảo rằng nhờ mùi khai của bà già thì có vẻ nhảm nhí nhưng quả đúng là như vậy».

Cô gái, Audrey, là một cựu sinh viên về nhận một project với một ông thầy cũ, «tôi» là một cựu sinh viên quay về trường cũ trong ngày họp lớp mong được sống lại với những bạn bè, nhất là những bóng hồng, ngày xưa. Cả hai sẽ cùng xuống New York. Khi đổi xe giữa đường, họ phân công nhau : Audrey xếp hàng chờ, «tôi» đi mua nước cam. «Audrey đứng trong hàng người chờ lên xe, vậy tôi lại khi nhắc thấy bóng tôi với hai chai nước trong tay, tỉnh bơ nắm chặt tay tôi đứng chung. Đầu cô ghé sát vào tai tôi, mắt nháy nháy thăm thẳm». Đóng kịch bỏ bịch một chút cho mấy người xếp hàng phía sau khỏi lầu bầu cái chỗ ngang xương của anh.» Tôi đưa chai nước cam cho Audrey. «Bao nhiêu vậy?». «Bỏ bịch ai hỏi thế !» «Xin lỗi !» «Bỏ bịch ai xin lỗi !» «Cám ơn vậy !» «Bỏ bịch ai cám ơn !» Miệng Audrey ép sát thêm vào tai tôi, mấp máy thân mật, ai trông vào cũng tưởng đang tình tứ lắm : «Còn lâu ạ !»

Hai người ỡm ờ tung hứng chuyện nói bên này nhưng ý bên kia trong những lúc kê vai nhau. Lấy xong hành lý, Audrey chìa má cho tôi hôn chia tay. «Tôi nay anh rảnh không ?» «Cũng chưa định làm gì.». «Lang thang xuống Harlem không ?» «Harlem hả ? Được quá đi chứ!» «Vậy tôi nay nghe ! Thử xem chân cẳng anh ra sao !» Thế là rồi cái lãng mạn muốn gặm nhấm lại những ngày sinh viên cũ. Đành cáo lỗi với hình bóng các em Karine, Lucy, Maria, Anne, Jane, Sharon... Cái số tôi nó vốn lặn lội như vậy !

Ông bạn tôi đọc truyện này, hỏi tôi về em Audrey nhân một buổi cà phê cà pháo. Khi tôi bảo đó chỉ là chuyện hư cấu, làm chi có em Audrey bằng xương bằng thịt, ông phán : «Mẹ kiếp ! Mình bị mấy thằng văn sỡi nó lừa dễ dàng thật !» Nhưng chuyện dưới đây là chuyện thật 99% phần dầu ! Đây là một chuyện tình do ký giả Francesca Street của đài CNN thuật lại.

Chuyện xảy ra vào ngày Giáng Sinh năm 1962. Cô Ruth Underwood, 18 tuổi, về nhà cha mẹ vui hưởng lễ Giáng Sinh với gia đình. Sau đêm ăn nhậu, vui chơi với gia đình tại Olympia, tiểu bang Washington, cô vội bắt chuyến xe đò Greyhound về nhà cô ở Seattle, cùng tiểu bang. Thực tình cô chưa muốn rời xa gia đình trong ngày lễ nhưng cô phải về làm việc vào ngày 26 tháng

12. Đây là công việc đầu tiên trong đời nên không muốn mất việc vì chậm trễ. Cô nói với đài CNN : «Tôi chui vào xe và ngồi tại chỗ trống đầu tiên tôi thấy, gần một thanh niên trẻ và khá điển trai. Vì mệt mỏi nên vừa ngồi xuống là tôi ngủ ngay. Khi thức giấc tôi thấy đầu mình dựa vào vai anh thanh niên». Cô lúng túng, mắt vẫn còn ngái ngủ nhưng má đã đỏ lên vì mắc cỡ. Cô vội lấp bắp xin lỗi, kéo lại váy áo và cố lấy lại dáng vẻ thiếu nữ. Anh thanh niên cười, nói không có chi và bắt lấy dịp may tự giới thiệu. Anh tên Andy Weller, 21 tuổi dân nhà binh. Anh lấy huyết từ nhà ở Astoria, tiểu bang Oregon, về trại ở Fort Lewis, tiểu bang Washington. Sau này anh kể lại với đài CNN : «Tôi đã chú ý tới cô gái ngay khi cô vừa bước lên xe. Vì cô có mái tóc đỏ rất đẹp». Khi cô gái ngủ ngả đầu trên vai anh, anh không biết phản ứng ra sao nên để kệ, trong lòng vừa vui vừa hồi hộp. Anh không biết cô muốn đi tới đâu nên sợ cô lỡ ga xuống. Khi xe đồ Greyhound dừng ở ga Nisqually Hill trên xa lộ số 5, không xa căn cứ Fort Lewis mấy. Anh chàng lính trẻ nhớ lại : «Phải mất một thời gian dài tôi mới lấy hết can đảm, nói với giọng run run : ‘Hi ! ’»

Khi Ruth thức giấc, họ có nói chuyện với nhau. Cô Ruth nhắc lại : Toàn những chuyện vớ vẩn làm quen. Đại loại như, Tên bạn là gì ? Bạn khỏe không ? Bạn đi đâu ? Và chúng tôi thấy có một điểm chung : cả hai đều

trở lại nơi làm việc tiếp tục cày sau những ngày nghỉ lễ». Khi xe dừng ở trạm Fort Lewis, Andy xách chiếc ba lô dậm bước xuống, anh quay qua Ruth hỏi : «Chúng ta trao đổi địa chỉ được không ?» Ruth đồng ý. Cô kể lại : «Vây là khi xe vừa dừng tại Fort Lewis, tôi đã cho anh địa chỉ. Bác tài hơi khó chịu khi phải chờ tôi viết. Bác cho biết xe của bác phải chạy đúng theo giờ quy định, không chậm trễ được. Vây là hai người mới vừa hết xa lạ đã phải rời nhau, chẳng biết có còn gặp lại không».

Trong thư đầu tiên Andy đã bóng gió hỏi Ruth có thể là «một người» của anh được không ? Ruth hỏi âm cho biết cô đã hứa hôn với một người quen nhau từ hồi còn nhỏ. Cô cho anh biết ý trung nhân của cô phục vụ trong Không Quân và hai người đã một năm chưa gặp nhau. Cô đã phân vân khi cho Andy địa chỉ nhưng cuối cùng cô vẫn viết trên giấy. «Tôi nghĩ chẳng có hại chi khi trao đổi thư từ với nhau». Andy có vẻ thất vọng khi là kẻ đến sau nhưng anh vẫn viết cho Ruth. «Tôi chẳng biết tôi đứng ở đâu». Vận may đứng ở phía anh khi anh chàng lính Không Quân bất thần hủy lời hứa hôn với Ruth. Cô nàng khá bất ngờ nhưng không buồn nhiều. Cô tâm sự với cô bạn chung phòng. Cô này có óc thực tế nên xúi Ruth : «Bồ không phải ngồi buồn bã trong căn phòng chật chội này làm chi. Hãy tìm người khác. Cái anh chàng bồ gặp trên xe buýt đâu ? Viết thư báo

tin cho chàng ta biết bồ không còn ràng buộc chi. Nếu bồ không lấy giấy bút ra viết thư ngay, tớ sẽ tìm cho vài anh chàng khác tới rủ bồ đi chơi mỗi đêm !» Ruth không phải là tốp người ưa la cà hàng quán vào ban đêm nên vội viết thư cho Andy. Andy mừng rỡ trả lời ngay. Thư đi tin lại, họ chờ thư của nhau mỗi ngày. Ruth cho biết : «Chúng tôi chia sẻ với nhau những sở thích hàng ngày, những ước muốn về tương lai».

Ít tuần sau, Ruth viết thư cho Andy biết nàng muốn dọn về ở lại với cha mẹ. Andy chớp ngay cơ hội muốn giúp Ruth dọn nhà. Anh kể lại : «Vây là tôi tới, gõ cửa nhà và Ruth vội mở cửa. Sau đó là... lịch sử !» Hai người hết sức hợp ý nhau. Andy vội hỏi ngày 22 tháng 8 này Ruth có bận chuyện gì không ? Cô nàng ngạc nhiên trả lời : «Sao mà biết được. Có chuyện chi không ?» Andy tỉnh queo trả lời : «Ồ ! Anh nghĩ chúng ta sẽ làm lễ cưới vào ngày đó». Ruth cho là chuyện giỡn nên trả lời : «Đừng tưởng bở !» Khi hai người ngồi cạnh nhau trên xe đò Greyhound lần thứ hai, lần này từ Seattle về Olympia, Ruth biết là cô sẽ không bao giờ xa Andy được nữa. Andy dùng chiêu chi để khiến Ruth ngã đổ: anh hát. Không biết anh nỉ non những chi nhưng đó là những tình ca lãng mạn. Anh có hát nhạc Ngô Thụy Miên không ? Chắc chắn là không nhưng tôi nghĩ tới tình ca Ngô Thụy Miên vì Olympia là chốn định cư của

nhạc sĩ này từ ngày ông qua Mỹ. Nếu Andy hứng chí ngâm thơ thì tôi lại nghĩ tới thơ tình của Trần Mộng Tú vì Seattle là quê hương thứ hai của nhà thơ nữ có những vần thơ mượt mà này.

Thư qua thư lại dồn dập hàng tuần chờ theo nỗi niềm của hai người yêu nhau. Cuối tuần, nếu Andy mượn được xe của quân đội, hai người lại dung dăng dung dẻ bên nhau. Andy nhớ lại : «Chúng tôi nắm tay nhau, vừa đi vừa chuyện trò rả rích».

Ngày 4/7/1963, hai người cùng nhau hưởng những ngày nghỉ lễ Độc Lập, Ruth trao cho Andy một bao thư dày cộm. Bên trong là tấm thiệp cưới. Andy hoảng hốt. Anh tưởng Ruth thành hôn với anh bạn thời thơ ấu cũ. Anh nhớ lại : «Tôi vội vàng mở ra đọc. Khi đó tôi rất hoang mang và thất vọng cho tới khi nhìn tên chú rể. Tên tôi !» Ruth cho biết vào một ngày trong tuần, ngồi nhớ Andy. Nhớ tới lời cầu hôn mà Andy nhắc đi nhắc lại vài lần trước đó, cô ra nhà in nhờ in thiệp cưới. Khi đó cô nàng chẳng có một kế hoạch chi cho đám cưới. Cô chỉ nhớ tới cái ngày 22 tháng 8 mà Andy định ra trước đây khi hai người gặp nhau lần thứ hai mà khi đó cô tưởng là một trò đùa vui. Vậy là trò đùa thành sự thật. Họ quyết định tay trong tay tiến lên cung thánh vào ngày 22/8/1963. Nhà thờ mà họ chọn là thánh đường Ruth

vẫn dự lễ từ ngày nhỏ. Ruth trở thành bà Ruth Weller !

Họ mời khoảng một trăm khách nhưng số người tới tham dự lên tới hai trăm, gấp đôi. Vui nhưng làm họ nhức đầu. Chiếc bánh cưới không thể tự nó phồng lên gấp đôi được. Đôi tân hôn phải cho người ra tất cả các tiệm bánh trong vùng, vơ vét hết mọi thứ bánh.

Đôi vợ chồng trẻ thu xếp công việc để có thể sống bên nhau. Andy giải ngũ, về làm công chức tại tiểu bang Washington. Ruth cũng cùng làm công chức tại đây. Họ sanh được ba người con và dọn về Yakima, cũng trong tiểu bang Washington. Bên cạnh niềm vui với con cái, họ cũng gặp những trường hợp bất như ý. Cô con gái lớn Joanne khi sanh ra bị «hội chứng Maffuci», một chứng bệnh hiếm về xương. Cô là khách hàng thường xuyên của xe cấp cứu ngay từ khi sanh ra nhưng lớn lên trở thành một phụ nữ xuất sắc, sanh hạ được một bé trai. Cô mới mất vài năm trước. Ruth nhắc lại thời kỳ khó khăn này : «Đúng, chúng tôi đã trải qua một thời gian khó khăn. Nhưng chúng tôi cũng có những ngày sống hạnh phúc. Đó là những gì chúng ta phải gánh chịu và làm cho chúng ta gắn bó với nhau hơn. Hãy nhớ chính những sự việc này làm cho chúng ta đi tới tốt hơn... Kể ra cũng hơi hiếm khi hai người không quen biết chi nhau lại nối kết trên một chuyến xe Greyhound.

Tôi cho là một phép lạ khi chúng tôi vợ chồng với nhau lâu dài tới vậy».

Tháng 8 năm nay, Andy 83 tuổi và Ruth 80 tuổi, đã kỷ niệm 61 năm ngày cưới. Nhưng Giáng Sinh cũng là một kỷ niệm đáng nhớ của hai người. Mỗi năm, vào dịp Giáng Sinh, con cháu gồm 4 cháu và 10 chắt về tụ họp để nhắc nhở lại cuộc gặp gỡ của hai người vào Giáng Sinh 62 năm trước. Năm 1962 !

Chúng ta đang bước vào những ngày Giáng Sinh tung bừng. Tôi kể lại chuyện tình này như một món quà Giáng Sinh cho tất cả chúng ta, món quà mà Andy và Ruth tin là do Thiên Chúa mang tới cho họ. Riêng tôi, từ nay tôi nhìn những chiếc xe đò Greyhound với cặp mắt khác, như là những chuyến xe hạnh phúc.

12/2024

Website : www.songthao.com

Mùi Hương Cũ

Kim Loan

«Em có hay chẳng anh về ?
Lặng nhìn người yêu ngổ trong mộng mê !
Ai dám mơ chi xuân về ?
Nào ngờ vườn đêm có bông hoa kẻ !»

- Nhạc Phạm Duy -

A nh cho xe dừng lại nơi góc đường rồi đi bộ về phía căn nhà. Tuyết đang rơi dày đặc trắng xóa cả bầu trời, đúng là một White Christmas như nhiều người mong muốn. Những ánh đèn màu trang hoàng trước sân các nhà nhấp nháy vui tươi như đang mừng đón Chúa Hài Đồng giáng trần. Anh bước lên bậc thềm gỗ, bước rón rén đến cửa sổ nhìn qua tấm rèm mỏng, hơi giật mình sững lại khi thấy ba mẹ con cô ấy đang dọn bữa ăn đêm Noel. Hẳn là họ vừa đi lễ về, anh thầm nghĩ. Nhìn đứa con trai mười ba tuổi và đứa con gái mười một tuổi giúp mẹ sắp xếp bày biện thức ăn trên bàn, anh thoáng chút xúc động và an tâm vì các con đã lớn, có thể đỡ đần mẹ trong nhiều việc nhà, anh cũng thấy bớt đi mặc cảm tội lỗi của mình.

Cách đây hai năm, trong một chuyến công tác ở Winnipeg, anh đã tình cờ gặp lại được người yêu đầu đời thuở còn chung trường đại học khi còn ở Việt Nam. Anh chỉ là chàng sinh viên tay trắng chưa có công danh nên người con gái ấy là hoa khôi của trường đã rời bỏ anh sau khi ra trường, để lại trong anh vết thương lòng sâu nặng. Suốt hai tuần lễ ở Winnipeg, tình xưa như bừng sống lại mãnh liệt nhất là khi biết hoàn cảnh người bạn gái bây giờ là một phụ nữ ly dị đang sống một mình. Trở về nhà, anh như người mất hồn, và vợ anh là người nhận ra ngay lập tức những đổi thay từ tâm hồn anh. Như một con chiên ngoan đạo trước tòa giải tội, anh thú thật tất cả. Cô ấy không la lối, trách móc mà chỉ khóc nhiều, và cũng chính cô ấy đã bình tĩnh cho anh một tháng để suy nghĩ và quyết định. Cuối cùng anh cũng dứt áo ra đi theo tiếng gọi của «tình cũ không rủ cũng đến».

Chọn lựa này đã làm anh bị gia đình, bạn bè xa lánh, họ cho rằng anh bạc tình bạc nghĩa, đổi trắng thay đen, nhưng con tim có sức mạnh của nó, anh chấp nhận điều tiếng thị phi cho cuộc sống mới của mình. Dù sao, anh cũng vẫn làm tròn bổn phận với hai đứa con. Ngoài tiền trợ cấp hàng tháng, anh vẫn gọi phone về thăm hai con, một vài lần trong năm khi có dịp về thăm bố mẹ, anh lại tạt qua nhà đưa các con đi chơi, ăn uống, chuyện trò.

Vợ anh tuyệt đối không bao giờ cho anh gặp mặt, ngay cả đôi lúc nói chuyện qua điện thoại với con, anh có ngỏ ý muốn hỏi thăm cô ấy vài lời nhưng lần nào cũng bị từ chối.

Công bằng mà nói, cuộc sống mới của anh không phải lúc nào cũng xuôi chèo mát mái, thỉnh thoảng cũng đã có những xung đột, vì tình đầu thuở thanh xuân không còn thơ mộng khi hai người đã trưởng thành, trải qua đời sống hôn nhân. Hơn nữa, trong anh còn có bóng đen của mặc cảm tội lỗi luôn đè nặng, ám ảnh, và đã hơn một lần anh thực sự ray rứt ăn năn, muốn quay về tạ tội với vợ con nhưng mãi sao anh vẫn chưa dám, vì anh như người đã phóng lao phải theo lao, không còn đường để quay về.

Anh biết anh là người có lỗi, cô ấy giận anh lắm, chắc sẽ không bao giờ tha thứ cho anh. Lần này nhân dịp về thăm người anh ruột bệnh nặng, anh quyết định dành cho hai con sự bất ngờ khi mang quà Giáng Sinh đến tận tay chúng chứ không phải gửi qua đường bưu điện.

Đêm nay anh là vị khách không mời mà đến, cô ấy sẽ lạnh lùng hoặc mời anh ra khỏi nhà, anh cũng chấp nhận. Anh để túi quà xuống bệ cửa, xoa hai bàn tay vào nhau nhiều lần để có hơi ấm, rồi bấm chuông. Cô ấy mở cửa, nhìn anh như một người xa lạ bấm lộn cửa. Cái

nhìn này làm anh đau xót, anh vội nói ngay :

- Anh có thể vào nhà ăn cơm tối với em và hai con được không ?

Cô ấy lùi lại nhường chỗ cho anh bước vào, hai đứa con cũng vừa chạy ra, vui mừng đón quà từ tay bố, rồi kéo anh vào bàn ăn. Cô ấy sai bảo hai con lấy thêm chén đĩa, trong khi cô ấy vào bếp lấy thêm các món ăn. Chỉ mới vài phút vào nhà, anh cũng kịp nhận thấy không có gì thay đổi như cách đây hai năm anh còn ở nhà. Góc phòng khách vẫn là cây giáng sinh ấy, vợ chồng con cái đã mất hơn một tiếng để chọn nó ở khu shopping Sears. Bức tranh phong cảnh thật lớn vẫn treo trên tường mà anh đã mua được trong một dịp đấu giá từ thiện. Phòng ăn vẫn còn nguyên vẹn bộ bàn ăn với bốn chiếc ghế, cái ghế dành cho anh vẫn là cái ngay góc cửa sổ, bên cạnh chiếc tủ buffet để anh có thể dễ dàng với tay lấy những chai rượu đỏ bên trong tủ, và cảm động hơn là những món quà lưu niệm nho nhỏ mà anh và gia đình đã mua về sau những chuyến đi công tác, đi du lịch vẫn còn đầy đủ trong tủ xen kẽ với những tấm hình gia đình thưở còn đầy đủ bốn người. Tất cả vẫn còn như ngày nào, anh cảm thấy như mình mới trở về sau một chuyến công tác xa.

Cô ấy mang ra một ổ cháo gà, ngồi xuống hỏi thăm anh mấy câu xã giao, rồi nhanh nhẹn ăn hết phần thức ăn trong đĩa của mình, đứng dậy đi vào bếp. Anh thoáng buồn nhưng vui nhiều hơn vì được ở bên con trong ngày lễ quan trọng nhất trong năm.

Khi ba bố con ăn xong, cô ấy đã dọn sẵn mấy ly hot chocolate nóng với mashmallow, và một khay bánh ngọt ngoài phòng khách. Anh gật gù, đây là một «truyền thống» rất dễ thương của gia đình, từ khi các con mới vào học tiểu học, chúng muốn tráng miệng theo kiểu người Canada, sau bữa tối đêm vọng Giáng Sinh, cả nhà sẽ quay quần xung quanh cây thông, ăn bánh uống hot chocolate, vừa nói chuyện, rồi sau đó ai muốn thức khuya một chút tùy ý thích để bắt đầu tận hưởng những ngày nghỉ Lễ thoải mái, không vướng bận âu lo.

Trên đường lái xe đến đây, anh từng có ý nghĩ xin cô ấy cho anh ở lại thật khuya với các con, rồi anh ngủ tạm ngoài ghế sofa để sáng sớm ghé về nhà bố mẹ anh trước khi về Winnipeg, nhưng thấy thái độ lạnh lùng của vợ cũ, anh cảm thấy bất tiện nên khi gần nửa đêm, anh nói lời tạm biệt với hai con. Chúng miễn cưỡng đứng dậy, ôm hôn bố rồi đi lên phòng ngủ trên lầu.

Anh thu dọn mấy chiếc ly, muống, đĩa mang ra sink, cô ấy đứng trong góc bếp đang bận rộn cắt rau quả, thấy anh đi vào cô ấy nói nhỏ :

- Anh cứ để đó, sáng mai em sẽ rửa.

Anh nhìn một lô thức ăn chưa chế biến trên mặt bàn, ái ngại nhìn cô :

- Em làm thức ăn nhiều vậy, ngày mai nhà có khách à ?

Cô lắc đầu :

- Không ! Chỉ là potluck ở nhà bên ngoài thôi.

Anh lại chợt nhớ ra một «truyền thống» dễ thương khác của gia đình. Đó là sau thánh lễ buổi sáng ngày Chúa Giáng Sinh, cả gia đình các anh chị em cô ấy sẽ tụ tập ăn uống tại nhà má ruột, tức bà ngoại của các cháu. Đó là một ngày vui bất tận và ấm cúng tình gia đình. Mọi người rộn ràng mở quà, trẻ con vui chơi, người lớn ăn uống, chuyện trò mà không cần biết thời gian bên ngoài. Anh nhớ có một vài lần gia đình anh đã ở lại qua đêm bên nhà ngoại, chờ sáng sớm hôm sau cùng các anh chị em trong đại gia đình đi shopping cho ngày Boxing Day.

Anh không nỡ để cô ở lại một mình với cái bếp bộn bề, nên anh đề nghị :

- Thôi để anh rửa xong đồng ly chén này rồi về cũng không muộn.

Nói xong, anh xắn tay áo, tìm chai xà bông và bắt đầu rửa chén. Cô ấy vốn là người ít nói, nên không khí im lặng giữa hai người không còn làm anh buồn như khi mới bước vào nhà. Hơn nữa, anh còn phải cảm ơn cô vì đã cho anh một đêm ấm áp với hai con. Quả thật, đây là lần đầu tiên kể từ ngày ra đi, anh được hưởng trọn vẹn một bữa tối trong căn nhà của mình, lại là đêm Giáng Sinh mà sự màu nhiệm thiêng liêng của nó đã hâm nóng tình cha con, tình gia đình, cho anh một niềm vui lâng lâng, ngọt ngào.

Anh đang tìm cách mở lời cảm ơn thì cô ấy đi lại mấy cái kệ chén ngay bên cạnh anh, mở tủ với tay lấy cái đĩa lớn, anh nhích sang một bên cho cô lấy đĩa, bỗng một mùi hương quen thuộc chợt thoảng qua, khiến anh xao động, tim đập nhanh hơn và hồi hộp như chờ đợi một điều gì. Anh chưa kịp định thần thì cô lại đi về phía anh, lần này là ngồi xuống lục lọi món gì đó ở tủ dưới, và mùi hương ấy trở lại với anh một lần nữa, thật rõ ràng, nhắc nhở anh biết bao kỷ niệm đã qua.

Mùa Valentine đầu tiên thuở mới yêu nhau, anh dẫn cô đi shopping với ngỏ ý muốn tặng cô một lọ nước hoa mà cô yêu thích. Hai người đi mấy vòng trong shopping, thử vài loại nước hoa, cuối cùng cô đã chọn loại Angel bởi mùi thơm dịu dàng, thanh thoát và cao sang của nó. Kể từ ngày đó, mùi Angel đã đi vào đời anh. Những buổi tối cuối tuần sau buổi hẹn hò, anh đưa cô về, trong xe của anh vẫn còn vương vấn mùi thơm nhẹ nhẹ, cho anh một cảm giác nhớ thương thật dễ chịu. Khi về đến nhà thay quần áo, chiếc áo sơ-mi, chiếc cà vạt của anh cũng phảng phất mùi hương ấy, thậm chí khi anh vào phòng tắm đánh răng rửa mặt, bàn tay anh, mái tóc anh cũng mang một mùi lưu luyến nhớ nhung, đưa anh vào những giấc mộng đẹp.

Đêm tân hôn, bên cạnh mùi thơm của da thịt người con gái, là hương thơm Angel tràn ngập cả căn phòng, hòa quyện vào gối chăn, hơi thở nồng nàn... tất cả hợp lại mê man, chấp cánh dẫn đưa anh bay bổng vào những đam mê tuyệt vời của đời sống hôn nhân.

Sau này, cô ấy cũng có thử một hai loại nước hoa khác, nhưng Angel vẫn là lựa chọn ưu tiên của cô trong những dịp đặc biệt như lễ tết, sinh nhật hay kỷ niệm ngày cưới. Anh cũng chẳng ngờ, mùi hương ấy đã trở thành một phần đời sống của anh, nó là một nhân chứng

ình yêu, là vật vô tri vô giác, nhưng đêm nay nó có một sức mạnh ghê gớm, khơi dậy cõi lòng anh những cảm xúc thương yêu chân thật, những xuyên xao mà anh cứ ngỡ mình đã lãng quên suốt hai năm qua.

Để kìm nén cảm xúc, anh bước ra phía chiếc bàn phòng ăn tháo chiếc đồng hồ đeo tay để khỏi bị nước rửa chén làm ướt, rồi anh ngồi xuống ghé uống ly nước lọc và thăm ngấm nhìn vợ cũ. Mái tóc cô bới cao để lộ chiếc cổ trắng cao ngằn, quý phái. Đôi vai gầy hơi nhấp nhô theo cánh tay khi cô đưa con dao nhẹ lên xuống để xắt rau củ. Anh chợt nhận ra nét đẹp của cô vẫn còn, nét đẹp dịu dàng mà gần hai mươi năm trước anh từng mất ăn mất ngủ vì nhớ nhung, và anh đã phải rất khó khăn, vất vả «chiến đấu» với nhiều chàng trai khác mới chiếm được trái tim của nàng, vậy mà...

Anh quyết định đứng lên, tiến vào trong bếp, đến phía sau cô, không thấy cô phản ứng gì, anh chậm chậm đưa hai tay ra ôm vòng eo cô, cô ấy vẫn chẳng nói gì, anh run run nói :

- Em vẫn dùng loại nước hoa này ư ? Anh thích lắm...

Cô đưa tay chạm vào bàn tay anh như muốn đẩy anh ra, nhưng anh đã vội chụp lấy đôi bàn tay ấy, giờ đã nổi thêm những đường gân xanh, rồi vuốt nhẹ những

đường gân gầy guộc, xúc động tuôn trào, anh gọi tên cô như sợ cô sẽ vuột mất khỏi tầm tay :

- Quỳnh ơi ! Anh biết có nói ngàn lời xin lỗi cũng không xóa hết được tội lỗi của anh. Mong em cho anh một cơ hội, được trở về, em và các con mới là tổ ấm của anh, là hạnh phúc của anh.

Cô vẫn để bàn tay trong tay anh, nồng ấm. Những giọt nước mắt trên khuôn mặt cô rớt xuống tay anh, nóng hổi bao nỗi niềm. Anh cúi đầu hôn lên mái tóc cô, mùi hương Angel rạo rực, anh nghe nhịp tim của cả hai đang dần dần hòa nhịp. Bên ngoài cửa sổ, dưới ánh sáng mờ ảo của bóng đèn đường, những bông tuyết nở tung giữa không gian, bay lượn trên bầu trời, nhịp nhàng như điệu valse trên sàn nhảy của một thời tuổi trẻ.

Chiếc đồng hồ trên tường vừa điểm mười hai tiếng, báo hiệu qua một ngày mới : ngày hai mươi lăm tháng mười hai, ngày Chúa Giáng Sinh.

Kim Loan

Cô Gái Giữ Xe

Nguyễn Đức Tùng

Tôi làm việc giữ xe cho một casino ở ngoại ô Toronto, gọi là parking attendant. Đó là nghề mà thanh niên ít chịu làm, phần vì lương thấp, mức tối thiểu, hồi đó 5 đồng một giờ, nhưng lý do chính là vì nó buồn. Bãi đậu xe nằm dưới hầm tối, không nhìn thấy người qua lại, nếu ở ngoài trời cũng sau lưng nhà cao tầng. Không ai làm chỗ đậu xe ở khung cảnh xinh đẹp, nơi ấy dành cho hàng quán. Đi học ban ngày, tôi làm thêm ban đêm là việc thích hợp, có thể thỉnh thoảng ngồi học bài. Nhân viên trong phiên gác trước tôi là cô gái bằng tuổi hoặc cùng lắm lớn hơn một hai tuổi, nhưng không hiểu sao cô vẫn có thói quen gọi tôi là em và xưng chị. Mặt tươi tắn, đội mũ lưỡi trai để che tóc dài khỏi bay. Khi tôi đến vào lúc 6 giờ chiều, cô chuẩn bị ra về, trao lại chìa khóa, tiền bạc, tôi ký nhận, hai bên chỉ nói chuyện công việc vài câu ngắn gọn, vì phòng soát vé nhỏ chỉ đứng được một người. Bãi đậu xe ấy lạnh vì gần bờ hồ, Ngũ đại hồ, gió thổi, chúng tôi phải đặt một cái máy sưởi nhỏ dưới chân. Cái máy ấy chạy suốt ngày, ngay cả trong mùa hè. Một hôm khi tôi đến, bàn giao xong, cô nhìn tôi một lúc rồi nói :

Chị thấy em người Việt, nên có lời khuyên. Hôm nay là buổi làm việc cuối cùng của chị. Tôi chúc cô may mắn. Cô đổi giọng, nói một hơi : Đàn ông con trai gì mà làm việc ở đây ? Con gái không ai chịu lấy chồng làm nghề giữ xe. Không có tương lai. Em sẽ ê sắc là ê sắc ế, may ra có thể lấy mọi da đỏ. Vậy em nên chuyển sang làm việc khác.

Tôi ngẩn người, há miệng không ngậm lại được, chưa biết trả lời ra sao thì cô đã mở cửa, nhìn tôi nháy mắt một cái, ra ngoài, đóng sập cửa lại. Tôi nhìn qua cửa sổ, cô gái đi qua bãi đậu xe, thong thả đi dọc theo lề đường, cái mũ cầm trong tay, đứng chờ đèn đỏ rồi băng qua bên kia đường. Gió thổi mạnh, hất tung mái tóc của cô bay lòa xòa lật lên phía sau, trông thật đẹp, cô bước đi hơi cúi người xuống phía trước như một người vừa bước ra từ trong quá khứ mà đi tới tương lai.

Nguyễn Đức Tùng

Yếu Diệu Tôn Nghiêm

Ngũ Yên

Khang mân mê khẩu súng nhỏ nằm gọn trong lòng tay. Khẩu súng chỉ có hai viên đạn, kiểu dành riêng cho các quý tộc Pháp phòng thân. Tiếng ông ngoại trở về trong trí.

- «Khang, năm nay con lên đại học, đi xa nhà, ông ngoại cho con khẩu súng này để tự vệ. Bản chất con yếu đuối, cảm giác lạnh của sắt sẽ giúp con can đảm. Phải tập bắn cho giỏi. Khi bắn phải trúng. Trúng nơi nào là do con chọn lựa. Con chỉ có hai cơ hội.»

- «Cảm ơn ông ngoại, nhưng con không cần súng.»

- «Đa số những người tử tế đều nghĩ như con. Đến khi gặp nguy hiểm, không có khả năng sống sót, thì quá muộn. Súng chỉ dùng khi không còn cách nào để bảo vệ mình và người thân. Lúc đó là lúc nào ? Con phải suy nghĩ và tưởng tượng trước. Phải nằm lòng những trường hợp cần rút súng. Khi rút súng ra thì nhất định phải bắn. Con biết không, làm người can đảm phải luôn có quyết định cuối cùng. Một viên bắn để tranh giành sống sót. Một viên tự bắn mình khi viên đầu tiên trật mục tiêu. Giữ súng đi con. Ông ngoại không mong con

phải dùng đến. Khi cuối đời, trao lại con cháu. Khang, con biết không, nhiệm vụ của người đàn ông là tự vệ và bảo vệ, súng chỉ là phương tiện, nhưng lòng can đảm và sự tôn nghiêm phải truyền lại cho dòng họ.»

Khang cao nhưng mảnh khảnh. Thể lực yếu, bù lại thừa hưởng di truyền từ mẹ, anh suy tư, nhạy cảm và nhiều sáng kiến. Chơi vĩ cầm xuất sắc. Nhiều huy chương, giải thưởng từ trường học và những buổi tranh tài, trung trong phòng ngủ. Khang là người ngoan đạo. Sợ hãi Chúa hơn là hiểu biết ngài.

Mỗi lần tôi tập tạ, Khang thường sờ bắp thịt ở tay và ngực, trầm trồ trong im lặng. Một hôm, nó tiết lộ :

- «Cậu Út có thân hình nở nang rất hấp dẫn. Cô Arianna ở lâu trên thấy một lần thôi, từ đó lé mắt luôn.» Khang khô hài hóa vì Arianna đã lé từ lúc sinh ra. Trời bắt lé rồi cho cô một thân hình cảm dỗ mọi giống đực. Từ xác thịt đó toát ra mùi dâng hiến không tính toán và sức hút khiến vải mỏng dính chặt vào tất cả các đường cong. Hầu hết chó trong xóm đều sữa khi cô Mẽ này qua. Chó đực sữa vì thích. Chó cái sữa vì ghen. Thịnh thoảng sau khi nắn bóp bắp thịt nhóp mồ hôi và dầu bóng, Khang rít lên : «Đã quá.»

Mẹ Khang là chị cả, Khang gọi tôi, «Cậu út.» Tôi chỉ hơn Khang ba tuổi. Chúng tôi cùng lớn lên, gần gũi và thông cảm nhau. Tôi và Khang là hai phiên bản trái ngược. Tôi thích hành động, không thích suy nghĩ. Thích thể thao, thích học võ Karaté, thích phái nữ, hung hăng thường xuyên gây gổ. Tôi bảo vệ Khang từ nhà ra đến ngoài đời. Không có tôi, không hiểu người cháu bạn này sẽ ra sao ? - «Khang, nhanh lên. Mình trễ rồi. Con bỏ tao chờ lâu quá sẽ bỏ đi.» Những lời hỏi hả khẩn cấp này chỉ là cơn gió phe phẩy qua tai trong những lúc thiêng liêng chế ngự, bất kỳ nơi nào, lúc nào, khi thấy cây thánh giá hoặc tượng đức Mẹ, Khang sẽ dừng lại, kính cẩn, sắc mặt thay đổi trang trọng, cúi đầu làm dấu thánh giá, rồi dành thêm ít nhất ba mươi giây sừng sững, không hiểu cầu nguyện hay tĩnh tâm. Chiều nay, hẹn với bạn gái, phải đi qua hai nhà thờ. Đã đỡ hơn nhiều, khi còn học sinh trung học, Khang còn quì một chân, làm dấu thánh giá như các chàng hiệp sĩ thời Trung cổ nhận ân sủng triều đình.

Aicha cần nhân vì tôi đến trễ. Cô bạn Morocco này đúng tên gọi «Ái cha.» Mỗi lúc đến gần khoảnh khắc đó, cô luôn miệng kêu lên ái cha, ái cha, ái cha... cất hời chuông báo động. Cô gái đi theo Ái Cha là Abeer (عريب), người Irag, chúng tôi gạ cho Khang. Trong vài phút sau, tôi và Khang đồng ý gọi cô này là «Một chai.»

Cô ta học tiến sĩ văn chương. Quá hợp với Khang. Hai nghệ sĩ chụm đầu to nhỏ chuyện cô Han Khang vừa lãnh giải Nobel văn học năm nay. Tôi và Ái Cha cũng chụm đầu, nhưng lặng lẽ, để hết tâm trí lực lợi nhau. Thỉnh thoảng tôi quay lại nhìn Khang và Một Chai. Hai đứa vẫn áo quần tề chỉnh, dù kẻ sát nhau thì thảo. Quái, cái thằng này, thời buổi bây giờ, văn chương rẻ hơn da thật, nhất là khi ướt át.

Hôm sau, gặp nhau, tôi nói : - «Muốn hưởng thụ sắc dục, phải có can đảm.» Khang trả lời, không suy nghĩ, nét mặt tôn nghiêm : - «Cần có nhiều can đảm hơn để kiềm chế hưởng thụ.» - «Rất giống ông ngoại.» - «Cậu à, cháu thấy tôn nghiêm cần thiết để làm người. Ông ngoại nói đúng. Thiếu tôn nghiêm, con người mất tự trọng.» - «Khô quá, thời buổi bây giờ, những kẻ tôn nghiêm chỉ để lừa người khác.»

Cây vĩ cầm của Khang có tên gọi là đàn oan hồn. Mê đàn, nhiều người mê. Mê đàn như Khang, hiếm hoi và quái dị.

Trong dịp nghỉ hè đi sang Ý, Kang mang theo tấm gỗ trầm hương, mua từ những người chuyên tảo mộ ở Việt Nam, với giá rất cao. Họ cho biết, tấm gỗ tìm thấy trong chiếc quan tài làm bằng gỗ gụ. gần trăm năm vẫn kín mít, bên trong không mấy hư hao. Người chết là

một thiếu nữ mới lớn con một nhà kinh doanh giàu nhất miền Nam. Tấm gỗ này lót để giữ hương thơm cho thân thể. Khang đặt một nghệ sĩ chuyên làm đàn vĩ cầm, sáng tạo chiếc đàn bằng tấm gỗ trầm hương với âm thanh của oan hồn thiếu nữ.

Khang ít khi dùng đến đàn này, chỉ những lúc tình đời ác liệt hoặc tình người rủ liệt, mới mang đàn ra mài tha thiết.

Khi chơi những bản nhạc hay, Khang khóc theo giai điệu. Mước mắt chảy, tay kéo tình xuống lên, thân hình diêu dảo theo cảm hứng. gần như mê cuồng, không biết mình là ai. Tôi cảm nhận được cái hay xuất thần nhưng không hiểu. Khang nói : - «Cậu Út biết không, cái hay của âm nhạc làm cho lòng sung sướng nhưng cái đẹp của âm nhạc làm cho hồn cảm động. Khi món quà quá lớn, quá sức yêu, không thể cười, chỉ có thể khóc.» Tôi nghĩ, những lúc như vậy, Khang không chơi đàn, mà múa với hồn oan.

Quán rượu Trung đông đêm giữa tuần chỉ vài ba nhóm khách. Chúng tôi chọn ngồi trong góc gần cửa sổ. Một Chai quen thuộc với quán rượu, gọi những ly rượu địa phương. Mùi đậm đà Thế giới cũ. Đặc biệt vì rượu Lebanon, Israel, Turkey, Morocco, Tunisia,... ít được xuất cảng rộng rãi. Ở Lebanon, trông nho không cần

thuốc trừ sâu vì nhỏ chín ở cao độ một ngàn mét trong khí hậu Địa Trung Hải tạo ra hương vị khác thường. Đêm khuya dần, chúng tôi chìm vào thế giới Arabian Nights. Một thế giới lúc nào cũng lâm ly và đầy bất trắc.

Một Chai và Khang cặp kè khá lâu. Cô ta kể lại, -»Anh Khang dạo này ít làm dấu thánh giá và gia tăng độ mê trái cấm.» Tôi mừng. Thằng yếu điệu thực nữ này đã bớt tôn nghiêm. -»Aicha, mày biết không, anh Khang đàn rất hay và khi anh chìm vào nhạc vĩ cầm, anh trở thành một người khác, giống như thiếu nữ múa rắn ở xứ tao.» Tôi ngưỡng mộ. Khi chìm vào nghệ thuật, nghệ sĩ là sinh vật tồn tại độc hành trong kiểu sống khác biệt. Họ trở thành bất thường và dị thường đối với người khác. Họ cảm giác và cảm xúc về ý tưởng, về hình ảnh bằng một thứ gì không có tên gọi để tạo ra một tâm tình hiện diện chỉ một lần, duy nhất không bao giờ trở lại. Lần sau là tâm tình khác. Khang giải thích với tôi. Lúc đó, khuôn mặt Khang sáng buồn như thiên sứ bị cướp cánh. Đối với tôi, Khang lúc nào cũng là một đứa cháu cần được bảo vệ và một người bạn sâu sắc, nhạy tình.

Quán rượu về khuya chỉ còn hai nhóm sâu rượu. Bàn bên kia là nhóm người Irag, có một anh chàng râu rậm, dường như quen với Abeer. Anh thường nhìn sang bàn chúng tôi, theo dõi Một Chai. Tôi hỏi, cô ta trả lời,

-»Anh Dân à, anh đó là bạn của bạn em. Tán tỉnh em nhưng em không thích vì anh ta rất bạo động. Không chừng thuộc về nhóm khủng bố nào đó. Em cứ phải lẫn tránh anh ta hoài.» - «Anh Khang, hay mình đi chỗ khác hoặc về nhà Cậu Út, em pha rượu kiểu Turkish.»

Lời đề nghị rất hay, đúng lúc, nhưng muộn màng. Anh Irag kia sau khi đi phòng trai ra, tiến thẳng đến bàn của Khang và Dân. - «Abeer, em sang kia ngồi với anh. Ngồi chung với Irag. Đi.» Anh ta kéo tay, Một Chai dần lại. - «Tôi không đi. Tôi muốn ngồi với bạn tôi. Anh về lại với bạn anh.» - «Abeer, qua bên anh.» Hai cánh tay lông lá như muốn ôm lấy Một Chai. Khang đứng lên can thiệp.

- «Xin anh giữ lịch sự. Để yên bạn gái tôi.» Anh Irag quay sang nhìn Khang rồi hùng dũng xô tình địch đáng dấp như lau sậy. Khang loạng choạng thụt lui, vấp vào ghế té ngửa. Cảnh hỗn loạn bắt đầu. Một Chai và Ái Cha đỡ Khang lồm cồm dậy. Dân đứng lên. Hất thẳng Irag ra. Hụp xuống né cú đâm đầu tiên của nó. Đã quen song đấu trong những lần tranh giải, chặt, Dân trả lại bàn tay mặt vào cổ, tiếp theo một cú đá vào bụng. Thằng Irag té ngụp lặn vào đám bàn ghế. Ba thằng bạn bên kia nhào đến. Để bảo vệ Khang và hai cô gái, Dân nhảy ra ở giữa thủ thế.

Sáu cái chân phóng tới. Sáu đấm tay rầm rộ. Hai tay vừa đỡ vừa trả đòn. Hai chân vừa đứng vừa đá. Trúng một cú, hai cú. Đá vào ngực. Đá vào hông. Trúng năm cú. Trúng mười cú. Một cộp khó khăn chống ba sói. Bàn ghế gãy đổ như cây rừng. Tiếng la hét, âm ự, ăn tươi nuốt sống đôi phương. Bên kia, Khang không đủ khả năng chống cự thẳng râu rậm, dù có sự trợ giúp của hai cô gái xông vào lôi kéo làm thẳng Iraq vương bận. Nó hùng hổ đấm Ái Cha một cú vào bụng. Cô ta gập người, muốn tắt thở, rồi kêu gào. Tuy không đánh Một Chai nhưng thẳng này xô cô ta vào quày rượu, rảnh tay quay sang tổng vào mặt Khang một cú thôi sơn. Khang té bật vào tường. Phun máu.

Dân bắt đầu yếu thế. Rượu làm cho ba thẳng Irag lỏng lộn như thú điên. Ba thẳng dồn Dân vào một góc tường. Đấm. Đá. Đạp. Đấm. Đạp. Đá. Trúng. gạt. Trúng. Đỡ. Trúng. Trúng. Trúng. Không còn sức trả đòn. Dân chỉ đỡ gạt, xô, chịu trúng. Không thoát ra được góc tường. Thẳng Irag nắm được chân mặt của Dân, lôi mạnh. Dân té xuống. Hai thẳng kia túm lấy hai tay, thay nhau đấm đạp nhịp nhàng.

Mắt tôi bắt đầu muốn tối sầm. Khó thở. Không còn sức giựt tay ra khỏi tay địch. Đột nhiên, ba thẳng Irag la hét, dạt ra, thả tay tôi. Nhìn lên. Tôi sẽ không bao

giờ quên đôi mắt giết người dưới hai lông mày nhú lại trên khuôn mặt lấy gân nhăn nhó. Mỗi tay cầm mỗi chai rượu bễ, nhe hàng răng cưa, Khang đâm túi bụi vào ba thằng Irag. Chúng nó thụt lùi, thụt lùi, thụt lùi. Khang tiến tới quơ tay, tiến tới đâm mạnh, tiến tới hét vang. Đụ má tụi bay. Đụ má mày. Lần đầu tiên tôi nghe Khang chửi thề.

Năng lực gia tăng hình ảnh điên cuồng của Khang làm bọn Irag khiếp sợ. Chúng bỏ chạy ra cửa. Không may cho thằng râu rậm bị Khang chụp được, đè sấp xuống sàn, cuỗi lên lưng, hai tay đâm liên tục. Thằng Irag bị một chai vào đầu, hàng chục cú đâm của người điên, nó không còn cựa quậy. May mà các cảnh vệ bảo an khu phố xuất hiện theo lời cầu cứu của chủ quán, kịp thời ngăn chặn, nếu không, có lẽ đã có án mạng.

Từ đó, tôi biết trong Khang có con người khác. Một phiên bản hung dữ và thừa khả năng giết hại đối thủ. Không chừng đã đến lúc Khang bảo vệ tôi.

Ái Cha có bầu, muốn về lại Morocco với mẹ. Chúng tôi chia tay. Khi đưa nàng ra phi trường, Ái Cha nói, - «Anh đừng bận tâm. Phụ nữ có suy nghĩ riêng, đàn ông các anh khó hiểu thấu. Em không muốn lấy chồng nhưng muốn có con. Người phụ nữ sẽ tồn tại có ý nghĩa khi có con lớn lên bên cạnh. Khi có cơ hội, em sẽ dẫn

con qua thăm anh.»

Không bao lâu sau, Một Chai cũng cần bầu, nhưng cô phá thai. Đường như Khang làm điều gì cô không vừa ý. Rồi họ vui vẻ chia tay. Đêm sau cùng của mối tình Việt Irag, ba chúng tôi uống rượu ở ngoại ô. Một đêm lý thú đầy tình cảm. Lúc ra về, Một Chai ôm tôi rồi nói, - «Em rất vui khi quen anh. Mai em về Irag dạy học. Chắc sẽ không qua lại đây.» Lòng tôi giăng một chút tơ sầu.

Tôi và Khang trở lại hình dạng và phẩm chất độc thân. Tôi nghe Khang đàn và Khang xem tôi tập thể dục. Thỉnh thoảng nó kêu lên «Đã quá.» Khang vẫn yêu điệu nhưng tôi biết, không phải như vậy.

Một hôm, Khang gọi điện thoại, hẹn tôi đi chơi. Nó bí mật nói : - «Chiều nay, cháu sẽ giới thiệu tình nhân mới cho cậu biết.» Vậy là cháu vượt trội hơn cậu. Tôi mừng cho nó.

Bước vào tiệm ăn, nhận ra Khang đang ngồi với người bạn ở một góc khá kín đáo sau những hàng cây kiểng làm bình phong thưa thớt. - «Đây là Dân, cậu Út. Đây là Bernard, bạn trai của cháu. Có thể là cháu rể của cậu trong tương lai.» Bất ngờ luôn là bản sắc đời sống. Nếu cha tôi, ông ngoại Khang, biết được chuyện này, chắc

sẽ đau buồn vì mất tôn nghiêm, mất luôn sĩ diện.

Trong bữa ăn, Khang kể Bernard nghe khả năng chịu đựng của tôi oai dũng đêm chiến đấu với Irag. Bernard thích thú, bóp bắp thịt tay và ngực của tôi : -- «Chà, cậu ngon lành quá. Hôm nào biểu diễn võ thuật cho các bạn cháu thưởng thức.» Xã hội đồng tính của Bernard có chỗ ăn chơi riêng. Có quán rượu, sân khấu, hộp đêm, phòng ngủ dành cho họ giải trí.

Đáp lễ, tôi kể Bernard nghe, năng lực điên cuồng của Khang chống Irag. Bernard trố mắt, rớt miệng khi nghe và thấy được hình ảnh chàng Khang yếu điệu múa đàn, bỗng chớp mắt trở thành chiến sĩ với hai chai rượu nhe răng cắn đâm máu. Khi kể lại, tôi vẫn còn cảm giác kinh ngạc của đêm hôm đó.

Lúc Bernard đi phòng trai, Khang nói với tôi.

- «Đêm đó cháu có mang theo cây súng phòng thân của ông ngoại cho.»

- «Súng hai viên đạn ?»

- «Đúng. Ông ngoại nói, rút súng ra là phải bắn. Cháu không muốn giết người. Nhưng để bảo vệ tôn nghiêm của dòng họ, cháu đã đập bể chai rượu để liều mạng với chúng nó.»

Cha tôi đã từng nói với tôi như vậy. Can đảm và tôn nghiêm là sĩ diện của giòng giống. Không ngờ sĩ diện này lại được chống đỡ bởi người yếu đuối. Sống lâu với truyền thống người Việt, tôi biết, đó là hai điều họ thiếu kém, sau khi dư thừa sĩ diện.

Ngu Yên.

Truyện 2,850 chữ.

Ra Trường

Hoàng Quân

Sinh viên Mẹ

Bê, con trai của Mẹ, đã theo Mẹ đến giảng đường từ thuở còn trong bụng Mẹ. Suốt thời gian đại học của Mẹ, Bê có nhiều đóng góp khác nhau theo từng thời kỳ.

Khi Mẹ làm bài kiểm tra môn Đầu Tư và Tài Chính trong lục cá nguyệt đầu tiên, Bê mới ba tháng tuổi. Mẹ nhảm tính, bài thi một tiếng rưỡi, đi về từ nhà đến trường thêm một tiếng rưỡi. Như vậy, Bê phải xa Mẹ ít nhất ba tiếng đồng hồ. Mẹ biết tính Bê, mỗi hai tiếng đồng hồ Bê oe oe đòi bú sữa Mẹ. Bê xấu đói lắm, đòi mà không được, Bê nhăn nhó um sùm. Ngày hôm đó, dì Thành đến giữ Bê. Dì Thành rất hồi hộp. Dì chưa có em bé, chẳng biết phải làm sao cho đúng ý Bê. Mẹ thi xong, phóng ra xe về nhà. Mẹ bắt đầu sốt ruột. Mẹ xa Bê đã hơn ba tiếng đồng hồ. Giờ này Bê chắc Bê đã thức giấc. Hy vọng Bê chịu khó nhâm nhi món trà thảo dược cho trẻ sơ sinh trong khi chờ Mẹ về. Thời đó chưa có điện thoại di động. Bởi vậy, có lo cũng để bụng, chứ Mẹ chẳng biết làm sao. Mẹ ba chân bốn cẳng chạy ba tầng lầu. Vừa đến cửa đã nghe tiếng Bê khóc ngằn ngặt.

Dì Thành mặt mày đầy vẻ lo lắng, đang bế Bê đi lui, đi tới. Dì vội vàng trao Bê cho Mẹ. Dì nói :

- Hấn khóc dữ quá làm chị phát hoảng.

Mẹ nghĩ thầm, Bê như vậy, Mẹ làm sao dám gửi con cho ai. Mẹ quyết định nghỉ học một lúc cá nguyệt, dành toàn bộ thời gian lo «cơm nước» cho Bê. Hên ghê, khi Mẹ định đi học lại, ông bà ngoại vừa sang Đức đoàn tụ và ở gần nhà Bê. Có ông bà ngoại và bà nội phụ trông coi Bê, Mẹ có thể đến trường đều hơn. Cuối tuần, Bê ở nhà chơi với Ba, trong lúc Mẹ đi làm thêm ở nhà hàng. Ngoài tiền lương 30 Đức mã cho một buổi làm, Mẹ còn mang về những hộp đồ ăn. Đây là nhà hàng buffet, cuối ngày, chủ tiệm cho nhân viên chia nhau mang về vài món ăn còn thừa trên quầy. Mẹ kể, cô hầu bàn chính của nhà hàng cứ dụ Mẹ bỏ học. Cô ấy nói, thu nhập của chạy bàn nhờ vào tiền trà nước cao hơn lương của kỹ sư. Mẹ biết, nhưng vẫn nhất quyết làm sinh viên nghèo.

Thuở ấy, viết bài thuyết trình và làm luận án ra trường Mẹ mới xài computer. Bài vở ghi chép từ giảng đường là những chồng giấy copy chất đầy trên bàn học. Khi Mẹ học bài, Bê ngồi chơi bên cạnh. Bê thấy Mẹ dùng mấy cây bút màu vàng, cam, xanh lá cây, vẽ vẽ trên những trang giấy. Có lần, Mẹ đang học thì có điện thoại. Bê muốn học phụ Mẹ. Khi Mẹ trở lại bàn học, những trang

bài vở của Mẹ ngoằn ngoèo đầy màu sắc. Mẹ chỉ mấy tờ giấy và hộp chì màu Mẹ để cho Bê, nghiêm mặt hỏi :

- Bê, tại sao con không vẽ trên mấy tờ giấy của con ?

Thấy Mẹ không vui, Bê lo lo, ấp úng :

- Tại con muốn học như Mẹ.

Mẹ cúi xuống, nhắc bồng Bê lên, hôn má Bê một cái thật kêu :

- Khi con lớn, con sẽ học như Mẹ. Nhưng bây giờ con chỉ vẽ trong mấy tờ giấy của con thôi nghe.

Thời gian Mẹ chăm chỉ gõ lách cách bàn phím computer viết luận án ra trường, Bê quanh quẩn bên Mẹ. Bê không còn vẽ nguệch ngoạc những con giun trên mấy tờ giấy rời. Bây giờ Bê có cuốn tập đầy hình ảnh in sẵn. Thấy Bê đang chăm chú tô màu trong tập, Mẹ nghỉ tay, chạy ra bếp nấu nồi cơm. Chút nữa Ba về tới, Ba chơi với Bê, Mẹ sẽ nấu đồ ăn. Khi Mẹ trở lại bàn học, Bê chễm chệ trên ghế của Mẹ, đang bấm bấm loạn xạ trên bàn phím. Thấy mặt Mẹ hốt hoảng, Bê lật đật trèo xuống khỏi ghế. Mẹ chạy vội lại máy, trên màn hình chỉ còn những mẫu tự lộn xộn, Mẹ quỳnh quiu tìm mấy trang bài Mẹ cặm cụi viết từ chiều. Mẹ quay qua Bê, quát :

- Bê, tại sao con phá quá vậy ?

Chưa bao giờ Mẹ nói to như vậy với Bê. Bê sợ quá, nước mắt lưng tròng :

- Con đâu làm gì. Con chỉ làm giống Mẹ.

Mẹ dịu giọng, nhưng vẫn còn giận :

- Con bám lưng tung. Mất hết bài vở của Mẹ rồi.

Bê cảm thấy tủi thân, chắc Mẹ hết thương Bê rồi. Bê òa khóc, nói đứt quãng trong tiếng nấc :

- Con... muốn... học... như... Mẹ... thôi... mà.

Mẹ quỳ xuống, ôm Bê vào lòng, khóc thút thít :

- Không sao đâu, không sao đâu. Mẹ viết lại được mà.

Mẹ vỗ nhẹ lưng Bê :

- Nín đi con, nín đi con.

Ba đi làm về, thấy hai mẹ con đang ôm nhau khóc bù lu, bù loa làm Ba hết cả hồn.

Những ngày Mẹ có giờ học trong giảng đường, Mẹ nhờ ông ngoại đón Bê từ Kindergarten về ông bà ngoại.

Khi Mẹ chỉ cần ghé trường lấy tài liệu, ghé thư viện mượn sách, Mẹ dắt Bê theo. Nếu còn thì giờ, hai mẹ con vào bảo tàng viện Senckenberg, Frankfurt. Bê rất thích ngắm nghía những con khủng long trưng bày ở đó. Lần Mẹ ghé văn phòng khoa lấy lịch thi vấn đáp, cô phụ tá giáo sư nhắc đi, nhắc lại, ngày lãnh bằng tốt nghiệp, Mẹ nhất định phải dắt con trai theo. Cô bảo :

- Như vậy để mọi người thấy rằng, có con nhỏ, vẫn có thể hoàn tất chương trình đại học.

Mẹ rạng rỡ :

- Vâng, thưa cô. Chắc chắn em sẽ dẫn cháu theo. Cháu đã hộ tống em suốt thời gian học. Bằng tốt nghiệp của em có phần cháu học chung nữa mà.

Mẹ tưởng tượng, khi cùng những sinh viên khác đứng trên bục cao, có Bê một bên, chờ giáo sư đọc tên lên lãnh bằng, Mẹ sẽ hãnh diện và vui sướng vô vàn. Nhưng một món quà bất ngờ của Ba, đã khiến Mẹ không thực hiện được dự định. Trong thời gian Mẹ chuẩn bị thi vấn đáp, Ba có chương trình bí mật. Khi Mẹ hớn hờ báo tin đã thi đậu và hai tuần sau là lễ tốt nghiệp, Ba hoan hỉ «bật mí» món quà : tuần tới Ba Mẹ Bê sẽ bay về Việt Nam. Ba kín đáo sắp xếp mọi việc. Từ chuyện xin visa, mua vé máy bay, cho đến chuyện xin phép nhà trường cho

Bê nghỉ học. Nhà trường chấp thuận, vì Bê đang học lớp Một, và Bê học cũng giỏi nữa. Mẹ hơi buồn và tiếc, không được tham dự lễ tốt nghiệp. Học hành trầy vi tróc vảy hơn sáu năm trời, có được ít phút huy hoàng vinh danh công sức của mình là một nguyện vọng chính đáng chứ. Nhưng Mẹ nghĩ đến niềm vui trở về Việt Nam sau gần 15 năm xa cách. Vả lại, hồi ấy chuyện xin visa Việt Nam, cho dù mình là công dân Đức, rắc rối, khó khăn lắm. Sau chuyến đi Việt Nam, về lại Đức, Mẹ đến văn phòng khoa xin nhận bằng tốt nghiệp. Mọi chuyện nhanh gọn, máy móc quá chừng. Cô thư ký đưa cho Mẹ bao thư khổ to màu nâu nhạt, khô khan nói lời chúc mừng. Mẹ ra trường, chấm dứt đời sinh viên trong âm thầm. Nhưng gần 30 năm trên trường đời, Mẹ đã nhận được nhiều công việc lý thú trong những công ty nổi trội của kinh tế Đức và thế giới. Giữa những đồng nghiệp cao lớn, Mẹ không để mình chịu thấp cổ bé họng, mà vẫn luôn phấn đấu để đồng nghiệp phải công nhận Mẹ klein aber oho, nôm na là «nhỏ mà có võ». Giờ đây Mẹ về hưu, trải qua mấy chục năm là công dân gương mẫu, đi làm, lo cho gia đình và đóng góp vào xã hội của nước Đức, quê hương thứ hai của Mẹ.

Sinh viên Bê

Bê báo cho Ba Mẹ biết Bê chọn học Jura, học Luật. Mẹ mừng, mà cũng lo nhiều. Hồi đó, trong chương trình học của ngành Quản Trị Kinh Doanh, Mẹ phải thi hai chứng chỉ về Luật. Khó quá trời, Mẹ học vất vả lắm, mà chỉ đạt điểm vừa đủ đậu. Mấy sinh viên luật sang dạy kèm sinh viên kinh tế thường phân bì, học Quản Trị Kinh Doanh dễ như chơi, ra trường ào ào, chứ bên Luật, khó dàn trời, sàng lọc kỹ lắm. Trong lục cá nguyệt đầu tiên, Bê mang về bài luận đầu tay của Bê :

- Mẹ đọc đi. Con hài lòng với bài viết này lắm.

Mẹ vui ghê. Mẹ đọc bài, chữ nào cũng biết, thế mà Mẹ không hiểu thấu đáo toàn bài. Tuy vậy, Mẹ thấy bài luận của Bê rất hay. Mẹ nghĩ thầm : «Ồ, anh sinh viên Luật trẻ tuổi này chữ nghĩa thâm sâu quá chừng.» Ngày xưa, Bê nhiều lần theo Mẹ vào khuôn viên đại học Frankfurt. Sau khi Mẹ xong công chuyện, Mẹ thường dừng chân ở sạp sách báo cũ trước trường, gần trạm xe Bockenheimer Warte. Bê thích lắm. Mẹ cho Bê sà xuống ngắm những cuốn sách màu sắc thật đẹp. Thế nào Mẹ cũng mua tặng Bê vài cuốn sách. Mẹ nói :

- Sách người ta đã dùng. Nhưng cũ người ta, mới mình.

Bê cười tươi :

- Sách đẹp quá. Con thích ghê.

Lên xe lửa, Mẹ khế nệ khuôn sách của Mẹ. Bê vui sướng ôm mấy cuốn sách mới. Chắc nhờ vậy, Bê ghiền đọc sách từ hồi còn bé. Thật thuận tiện cho chuyện học Luật của Bê. Vì phương châm của sinh viên luật là : đọc sách, đọc sách và đọc sách. Bê đi học xa nhà mấy trăm cây số. Ba Mẹ chưa đến trường Bê lần nào. Thỉnh thoảng, nghe Bê nói đang học thi, Ba Mẹ lóng ngóng, cuối tuần đến thăm Bê, nấu nướng bới xách cho Bê nôi cá kho, vài chục cuốn chả giò. Vậy thôi. Mẹ ước chi ở gần, để nấu nướng hằng ngày những món «ruột» của Bê, Bê khỏi phải gặm bánh mì sườn cả cổ. Bê bức bối khi đơn xin mượn tiền đi học của Bê bị từ chối. Lý do là thu nhập của Ba Mẹ cao. Mẹ cắt nghĩa :

- Con phải vui nhiều, vì Ba Mẹ đủ khả năng tài trợ cho con. Như vậy con khỏi mang nợ khi ra trường. Ngoài ra, hồi xưa, Ba Mẹ có thể mượn tiền chính phủ để đi học, chắc cũng nhờ nhiều sinh viên khác «nhường» phần cho Ba Mẹ.

Để tăng thêm «thu nhập», ngoài giờ học, Bê đi làm nhiều việc. Lao động trí óc như phụ giúp, chuẩn bị bài vở cho sinh viên khiếm thị. Lao động chân tay như đập

xe đi giao thuốc cho những bệnh nhân cao niên.

Giờ đây Bê đi làm đã mấy năm, với tư cách luật sư của phòng Pháp Lý trong cơ quan chính phủ thành phố. Một hôm, Bê gọi điện thoại cho Mẹ :

- Bữa nay Mẹ có thì giờ không ? Con có chuyện này muốn hỏi Mẹ.

Mẹ nhẹ nhàng, tràn đầy yêu thương :

- Lúc nào con cần Mẹ, Mẹ cũng có nhiều thì giờ.

Bê kể sơ dự định của mình. Tòa Hành Chánh của tỉnh F, gần nhà Ba Mẹ, đang tìm người. Bê kể về công việc Bê đang chú ý.

- Mẹ nghĩ, con nên nộp đơn những chỗ này không...

Mẹ cảm ơn Bê đã hỏi Mẹ. Bây giờ Mẹ đã hết đi làm. Những kiến thức của Mẹ về nghề nghiệp e đã lỗi thời. Thật tình mà nói, nghe Bê cắt nghĩa về công việc, Mẹ chỉ hiểu lờ mờ. Nhưng Mẹ cảm động lắm. Bê hỏi ý kiến Mẹ, Mẹ như thấy đứa con bé bỏng ngày xưa. Đứa bé giờ đây là người lớn, nhưng vẫn cần đến Mẹ. Mẹ không biết cho con lời khuyên như thế nào. Nhưng con luôn nhớ rằng, trong mọi việc, nếu con cần đến sự giúp đỡ của Mẹ, Mẹ vẫn luôn có đó với muôn vàn yêu thương.

Ra trường, cả Mẹ lẫn Bê đều lỡ dịp áo mảo xanh xang mừng đại đăng khoa. Cả Mẹ lẫn Bê đều không có tấm hình ra trường trang trọng để gắn trong Album. Tuy vậy, hai mẹ con đã vào đời vững vàng.

Năm ngoái, trong chuyến Mỹ du, hai mẹ con đi dạo trong khuôn viên trường luật của đại học Harvard, Mẹ thắc mắc :

- Trường của Bê có giống như trường này không ?

Bê vui vẻ :

- Bữa nào con sẽ đưa Ba Mẹ đến thăm trường con ở Münster. Minh sẽ mặc áo quần đẹp để chụp hình trước trường con nữa nghe Ba Mẹ.

Trong tim Mẹ dâng lên niềm hạnh phúc, trong trí Mẹ sáng rõ tấm hình đứa con yêu quý của Mẹ ra trường, vững bước trên đường đời.

Hoàng Quân

Nỗi Dài Câu Nói Dối

Hoàng Chính

Mày có vợ hồi nào vậy ? chưa kịp chào, mẹ đã ném ra câu hỏi bất ngờ. Tôi lặng thinh. Cục nghẹn trong cổ họng. Tiếng mẹ đã khàn nhưng nghe vẫn quen, vẫn gần gũi, nhưng đậm chút ngạc nhiên và thấp thoáng chút phiền muộn. Hệt như lần hỏi tôi mười mấy năm trước rằng Sao con trốn học. Đường dây điện thoại chột kêu ù ù, như thể có máy bay hay xe vận tải cơ giới hạng nặng chạy qua chỗ mẹ đứng. Cũng có thể tại tai tôi ù. Tôi cũng không chắc lắm. Giọng nói mẹ chìm vào khối tạp âm hỗn độn. Mẹ lặp lại câu hỏi trong tiếng động cơ rì rầm. Rồi tất cả im vắng bất ngờ. «Hờ con ?» Mẹ nói.

Tôi muốn điện thoại bị cúp ngay lúc này. Tự mình ngắt thì không dám. Mẹ mà đã hỏi thì tôi chẳng chạy đâu cho thoát.

«Mày có vợ sao không hỏi qua mẹ một câu, sao không báo cho mẹ biết», mẹ lại hỏi. Tôi nhận ra mẹ nói Sao không hỏi qua mẹ một câu ? mà không bắt bẻ Sao không xin phép mẹ ? Vậy là tội của tôi xem như đã nhẹ đi một nửa.

Tôi ú ớ. Rồi tôi lặng thinh. Đường dây lại rào rào tiếng gió. Tôi chờ mẹ lạc chuyện. Mẹ có tạt lan man từ chuyện này ra chuyện khác rồi quên chuyện phải nói lúc đầu. Tôi chờ cơn lốc nhỏ hay một cơn bão nhiệt đới làm rối những mối dây điện thoại trên cây cột chẳng chịt những dây điện chôn đầu con ngõ vào khu xóm nhỏ bên nhà.

«Mẹ cũng hiểu con cái lớn lên thì phải có gia đình...»
Mẹ bắt đầu cái điệp khúc quen thuộc.

Tôi lắc đầu. Không ai thấy tôi lắc đầu ngoài thằng bé đang ngo ngoay trong cái nôi kéo tới sát bàn ăn, chỗ tôi ngồi làm việc. Tôi nhìn thằng bé. Nó còn bé lắm nhưng sao tôi vẫn thấy cái miệng nó giống Tiểu Quyên. Tiểu Quyên môi hồng, tóc thả sau lưng, và chiếc răng khểnh. Tôi thấy thằng bé có nét giống mẹ nó. Chắc tại tôi tự huỷ hoại mình. Hay tại nỗi nhớ dẫu chìm trong đáy sâu tiềm thức, vẫn khuấy động dòng sông ký ức.

Tiếng ù ù đã lắng. Giọng mẹ lại vang vang, «Lấy ai cũng được, nhưng mà mẹ phải biết cái đứa mà muốn lấy.»

Tôi lẩm bẩm, «Con biết mà.» Rồi để chuyển hướng câu chuyện, tôi nhắc lại cái đề nghị ban đầu, «Mẹ sắp xếp qua bên này đổi gió mấy tháng nhé.»

«Qua thì cũng phải qua thôi», mẹ nói, giọng buông xuôi, như thể bị ép uổng vào chuyện đã rồi.

Ngọ ngoạy trong nôi, thằng bé chột bật một tiếng ho. Ở đầu dây, xa tuốt tận nửa vòng trái đất mẹ nghe được. «Nó đấy phải không ?»

Tôi mừng rỡ, «Nó đó mẹ, cháu nội của mẹ đó.»

Mẹ quên ngay những câu tra vấn.

«Sao không gửi hình cho mẹ ?»

«Để con lấy điện thoại di động, chụp hình cháu nội, gửi qua cho mẹ.» Tôi nhấn mạnh hai chữ cháu nội như tín đồ niệm câu thần chú, cầu mong nó đánh tan mọi sương mù chướng khí vây quanh những câu tra vấn của mẹ.

«Chắc nó dễ thương lắm», mẹ nói.

Tôi nhanh nhẩu, «Dễ thương mà lại ngoan nữa.»

«Để mẹ qua với nó.»

Tôi cuống lên, «Vâng, mẹ qua sớm nhé.»

«Thì sớm. Thằng bé có ngoan không ?»

«Ngoan lắm, dễ cưng lắm mẹ ơ», tôi nhanh nhẩu đáp lời.

Mẹ vẫn nghĩ ngoan tức là không quấy khóc, là cho bú xong thì lăn ra ngủ, không thức giấc nửa đêm, không ốm đau quặt quẹo. Để nuôi như tôi hồi còn bé. Mẹ vẫn khoe với mọi người về tôi như thế. Cứ bú no là lăn ra ngủ, chẳng quấy rầy ai. Nếu tính như vậy thì thằng bé này rất ngoan. Con bị mẹ bỏ rơi thì phải vậy thôi. Tôi thâm nghĩ.

«Đề mẹ qua với nó», mẹ lặp lại.

Tôi mừng như trúng số. Tôi thở phào. Vậy là thoát cái màn tra vấn. Nhưng mẹ tiếp ngay, «Nhưng sao mày lấy vợ mà không báo cho mẹ biết?»

«Thì con đang cho mẹ biết đây.»

«Bây giờ thì còn nói làm gì nữa?»

Thế là tôi gấp rút lo giấy tờ bảo lãnh mẹ đi du lịch. Vì giấy khai sinh của tôi thất lạc hồi chạy loạn, tôi phải làm giấy cam kết mẹ-tôi-đúng-thật-là-mẹ-của-tôi. Tồn một số tiền để luật sư thị thực. Rồi qua cái cửa ải gian nan nhất để người ta xác nhận mẹ thực sự là công dân nước Việt. Cửa ải ấy là Tòa Lãnh Sự Việt Nam. Chúng tôi sẽ tạo điều kiện cho anh đoàn tụ với bà cụ. Họ lặp

đi lặp lại điệp khúc ấy. Họ bắt tôi xác nhận bằng giấy tờ của Bộ Tư Pháp và Luật Sư Đoàn rằng ông luật sư thị thực chữ ký cho tôi thực sự là luật sư dù giấy chứng nhận của ông có con dấu nổi. Tôi cũng chẳng trách họ. Ở cái xứ sở mà giấy tờ giả, bằng cấp giả là chuyện bình thường thì họ không tin bằng luật sư của Canada là đúng rồi. Rồi tiền nọ tiền kia. Giấy này giấy nọ. Ngày này qua ngày khác. Bao nhiêu cú điện thoại. Bao nhiêu giây phút chờ. Bao nhiêu thứ cần bổ túc. Người này chuyển sang người kia. Người kia hôm nay không có mặt. Anh gọi sớm quá người kia chưa tới. Không may cho anh, người kia vừa mới ra về. Họ hành tôi đến độ phát khùng. Gian nan vô vàn.

Nhưng cuối cùng rồi mẹ cũng qua tới.

Tôi lái xe tám chục cây số, đến phi trường đón mẹ. Tôi đi một mình, nhờ Nancy - người đàn bà thuê nhà của tôi - ở nhà trông dùm thằng bé.

Kẹt xe cả tiếng đồng hồ trên xa lộ, tôi đến muộn. Nhìn mẹ đứng lơ ngơ, tim tôi hụt đi một nhịp.

«Tao tưởng mày bỏ tao ở đây rồi !» Mẹ nói. Tôi luống cuống không thốt nổi một câu giải bày.

Trên xe mẹ kể đủ thứ chuyện bên nhà. Lan man qua chuyện cái bà ngồi cạnh mẹ trên máy bay. Cái bà nhiều chuyện, hết khoe con đến khoe cháu. Toàn những bác sĩ, những luật sư tương lai. Rồi mẹ thở dài, «Con cháu người ta thì như thế...»

Tôi trấn an, «Mẹ đừng lo, cháu nội của mẹ rồi cũng chẳng kém ai.»

Xe ngừng trước cửa, mẹ loay hoay mở cửa xe. Chuyến bay dài gần hai chục tiếng đã rút cạn kiệt sinh lực của mẹ, vậy mà vừa thấy thấp thoáng bóng Nancy bồng cháu nhỏ trên tay, mẹ đã hồi hả chạy vào, «Cháu của tôi đây rồi !»

Mẹ nhìn Nancy thật nhanh, mỉm cười với nàng, rồi đỡ vội thằng cháu trên tay nàng.

«Thằng cháu ngoan của bà đây.» Và mẹ quay qua Nancy đang đứng lơ ngơ bên cạnh, «Con dâu của mẹ đây phải không nào ? May quá, con là người Việt chứ không thì mẹ không biết làm sao mà nói chuyện.»

Thì Nancy là người Việt nhưng Nancy chẳng phải con dâu của mẹ đâu. Cô ấy chỉ là người thuê nhà thôi. Tôi muốn nói với mẹ như thế nhưng có cái gì đó chặn ngang cổ họng tôi. Nancy tròn mắt ngạc nhiên, miệng

lí nhí, «Con chào bác. Bác đi máy bay có mệt không ?»

«Mệt lắm cô ơi», mẹ trả lời vội rồi cúi xuống thẳng bé.

Vừa kéo cái va li của mẹ qua cửa, tôi nói vội, «Cháu cưng của mẹ đó.»

Nancy mỉm cười, lấy mảnh khăn tay chùi vệt sữa trên má thẳng bé, rồi phụ tôi khiêng cái túi xách của mẹ vào phòng tôi.

Thủ tục chào hỏi đã qua, Nancy vội vã đi làm, nhà chỉ còn hai mẹ con và thẳng bé, mẹ thắc mắc, «Sao vợ mày nó không hỏi han gì mẹ hết vậy ?»

Tôi lúng túng, «Cô ấy không phải vợ con.»

Mẹ trợn mắt, «Mày nói gì ?»

«Cô ấy là người thuê nhà.»

Mẹ lặng người đi cả mấy phút đồng hồ. Đầu óc tôi trống rỗng. Tôi không nghĩ ra được câu gì để nói.

«Mày cho nó thuê nhà như thế coi sao được. Người ngoài người ta nói ra nói vào, nghe cho mà điếc cái lỗ tai», mẹ cần nhần.

«Ở đây có người Việt nào đâu mẹ.» Tôi nói và tôi tin mình nói đúng. Tôi ở đây lâu lắm rồi, nhưng ngoài Thục Quyên - cô gái mà tôi dần dần biết bao lâu - không còn người Việt nào khác.

Mẹ đổi đề tài, «Ồ mà sao mày chọn ở cái chỗ khỉ ho cò gáy như thế này ?»

Thành phố này đúng ra chỉ là một thị trấn nhỏ nằm ven bờ một khu rừng. Nhà tôi ở cuối con đường chính của thị trấn, nơi cái ngõ cụt có lối mòn dẫn vào khu rừng cây cối rậm rạp.

«Được cái yên tĩnh mẹ ạ, với lại con có thể vào rừng lấy củi về đốt lò sưởi.»

«Rừng có gấu hay cọp beo gì không ?»

Câu hỏi bất chợt làm tôi giật người. Từng mảnh ký ức xoay vòng như xấp giấy vụn quay cuồng trong cơn lốc. Câu hỏi quen quá là quen. Lúc gặp nhau lần đầu ở lối vào khu rừng sau nhà, có người đã hỏi tôi câu ấy. Người ấy bây giờ ở đâu ?

«Mẹ hỏi sao mày không trả lời ? Chắc có cọp beo phải không ? Đừng cho thằng bé ra sân, kéo cọp beo đến tha nó đi đấy.»

Tôi bật cười, «Có con cọp. Một hôm nó tha thẳng bé này, bỏ ở cửa nhà cho con nuôi nó đấy.»

Mẹ thở ra, «Mày vẫn cái tật bông đùa. Thế mẹ thẳng cháu đâu ? Vợ mày đâu ?»

Tôi loay hoay tìm câu trả lời.

«Vợ mày đâu ?» mẹ lại hỏi. «Sao nó không ở nhà với chồng, với con.»

Mẹ sẽ không bao giờ tưởng tượng ra được cuối một mùa vui kia, đưa con gái ấy bỗng đến cho tôi một đứa bé kèm theo mảnh giấy có một câu dặn dò, rồi biến đi. Tôi có biết cô ấy đi đâu để mà cho mẹ câu trả lời.

«Nhà con nó đi học xa, mẹ ạ», tôi nói đại, may ra mẹ sẽ vừa ý với câu trả lời ấy.

«Học cái gì ?»

«Học... đại học.»

«Học đại học thì cũng phải về nhà chứ.»

Tôi chợt nghĩ ra câu nói dối, «Phải nội trú thì mới tốt nghiệp được.»

Im lặng được vài phút, mẹ lại hỏi, «Vợ mày đi học xa. Mày rước đàn bà khác về nhà ở chung nhà mà vợ mày nó để yên à ?»

Tôi ngập ngừng. Mãi mới nghĩ ra được câu trả lời, «Có gì đâu mẹ.»

«Sao không.»

Không khí căn phòng chợt cô đặc. Tôi lắng nghe tiếng gió bên ngoài nhưng dường như gió cũng ngưng đọng trên những ngọn cây của khu rừng rậm sau nhà.

Một lát mẹ lại hỏi, «Vợ mày nó có biết chuyện này không ?»

«Chuyện gì hở mẹ ?»

«Chuyện mày rước đàn bà khác đến ở trong nhà.»

Mẹ cứ lặp đi lặp lại chữ «rước» làm tôi thấy mình bẽ rạc hẳn lên. Tôi lặng thinh. Tôi nhớ lúc ôm thằng bé về cho tôi, và gặp Nancy lần đầu, Tiểu Quyên đã thì thầm, «Chú với chị ấy xứng đôi quá !» Như vậy có lẽ nếu có gì thì Tiểu Quyên cũng sẵn sàng chấp nhận chuyện Nancy và tôi. Thành ra tôi quả quyết, «Vợ con nó chịu, mẹ à.»

Mẹ tôi im lặng. Vậy là êm xuôi. Tôi thở phào. Nhưng im lặng chưa đầy một phút mẹ đã nói tiếp, «Tao không hiểu vợ mày nó là loại người gì mà lại chịu như thế.»

Tôi loay hoay thay tã cho thằng bé. Mẹ ngồi ở sa lông, thắc mắc, «Sao con Nancy ấy nó lại cho thằng bé bú vậy ?»

Tôi giật mình, «Đâu có.»

«Lúc mình vừa về tới nó đang cho thằng bé bú nó.»

«Không có đâu.»

«Mày đừng hòng che mắt tao. Tao thấy rõ ràng. Nó còn lấy khăn lau sữa trên má thằng bé.»

Tôi cũng nhớ quả thật Nancy có chùi vệt sữa trên má thằng bé.

«Nó không đẻ con thì lấy đâu ra sữa ?» Giọng mẹ gay gắt.

Tôi muốn nói với mẹ rằng thằng bé làm thay đổi bao nhiêu thứ trong đời sống tôi. Tôi muốn nói với mẹ rằng nó cũng làm thay đổi luôn con người của Nancy. Nó biến nàng từ người đàn bà không chồng không con, khô khan như ruộng đồng mùa hạn hán, bỗng dựng sông suối tràn trề. Tôi muốn giải thích cho mẹ rằng khi mẹ thằng

bé bỏ đi, nhờ Nancy cho bú thẳng bé mới nguôi cơn khóc, rồi cho bú hoài đến lúc tự nhiên có sữa. Chuyện ấy tôi không chứng minh được tôi chỉ biết đó là chuyện có thật. Thằng bé biến Nancy từ người phụ nữ độc thân thành người mẹ hết lòng với con mình.

Tôi nói, «Mẹ nghĩ xem, mẹ ruột nó ở xa, có cô ấy, có hơi đàn bà, nó bớt khóc. Trẻ con cần hơi mẹ. Thằng bé cần hơi phụ nữ.»

Tôi ngưng lại. Tôi có cần hơi phụ nữ như thằng bé này không ? Tôi là đàn ông. Và tôi còn thở. Tôi còn đang sống. Tôi cần nhiều thứ, không chỉ riêng hơi hướm đàn bà.

Trong bữa cơm chiều, cả ba chúng tôi ngồi ở bàn ăn. Nancy suýt soa khen món thịt kho của mẹ. Tôi không có lời khen nào bởi tôi còn bận ăn. Biết bao lâu mới lại được thưởng thức món thịt kho mẹ nấu.

Cái nôi thằng bé đặt cạnh bàn ăn. Đưa tay vuốt má thằng bé, mẹ nói, giọng mềm và kéo dài ở cuối câu, «Cung cháu nội của bà quá.»

Cô bạn chớp mắt, nói nhỏ, «Cháu ngoại chứ.»

«Tôi là mẹ của bố nó thì tôi là bà nội chứ, bà ngoại làm sao được», mẹ tôi phản đối.

Nancy xoay qua tôi, tròn xoe con mắt.

Lúc chỉ có hai chúng tôi sau bếp, nàng thì thâm vào tai tôi, «Cháu ngoại mà mẹ anh cứ khẳng khẳng là cháu nội.»

Trong đầu Nancy, thằng bé là con của Tiểu Quyên, mà Tiểu Quyên (tôi đã nói dối với Nancy) là em gái út của tôi thì nó phải là cháu ngoại của mẹ tôi. Nhưng tôi không biết (hay không dám) giải thích thế nào cho Nancy hiểu. Càng giải thích tôi sẽ càng phải nói dài những câu nói dối.

Nhưng Nancy đã kết luận dùm tôi, «Chắc mẹ anh lẫn rồi !»

Bộ Ngựa

Song Thao

Lòng rày tôi hay tần mẩn viết về những hồi tưởng tuổi thơ, nhất là những côn trùng ngày xa xưa đó như chuồn chuồn, bướm bướm, ve sầu, dế mèn... Nhiều lúc ngồi nghĩ lẩn thẩn : tại sao vậy ? Chắc đó là tâm trạng của người tuổi sắp hết đếm số, tiếc nuối những khi còn cấp sách tới trường. Cấp sách tới trường không phải là chuyện vui nhưng tuổi học trò thì vui thật. Lúc nào, khi nào, chỗ nào cũng toàn thấy chuyện vui chơi. Bạn chơi là người nhưng nhiều lúc là những côn trùng quanh quẩn bên người. Một ông bạn mới gặp nhướn mắt hỏi tôi viết về những bạn chơi nhiều hơn hai chân nhưng chưa thấy nhắc tới bạn của ông ấy. Đó là bộ ngựa. Ông này thuộc loại rắn mắt. Tôi không chung tuổi thơ với ông nhưng chắc ông cũng thuộc loại phá làng phá xóm. Ông kể chuyện ăn me chua trước mấy ông lính thổi kèn trong hàng ngũ khiến mấy ông thợ kèn này chảy nước miếng thổi không được. Tôi thuộc loại hiền nên không có bạn không hiền như bộ ngựa. Ông ta thì khoái bộ ngựa.

Bộ ngựa lúc nào cũng giơ hai cái càng nặng hơn thân mình, có hai hàng răng cửa như muôn cửa địch thủ. Hồi

nhỏ nghe nói bộ ngựa cái xoi tái bộ ngựa đực khi giao phối, tôi đã bán tín bán nghi, chỉ mong được một lần trông thấy nhần tiền nhưng chẳng bao giờ được mục kích hành động sát nhân tàn bạo đó. Khoa học gọi hành động bạc tình bạc nghĩa này là sexual cannibalism. Thực ra chỉ có 38 trong số 2.400 loài bộ ngựa đực ghi nhận có hành vi này. Khi giao phối và thụ tinh, bộ ngựa cái xoi tái bộ ngựa đực là chuyện đã được tạo hóa sắp đặt. Thịt bộ ngựa đực giúp bộ ngựa cái có nhiều protein hơn. Lượng protein này con cái không dùng riêng cho mình mà chuyển sang trứng mà con đực vừa cho thụ tinh. Anh đực tạo nghiệp phải hy sinh thân mình để gánh vác chuyện nuôi con.

Giáo sư Nathan Burke của Đại học Auckland ở New Zealand đã bỏ công ra nghiên cứu chuyện sinh tử này. Theo một nghiên cứu của ông vào năm 1994 thì chỉ có khoảng từ 13% đến 28% bộ ngựa đực bị xức phàn trong khi giao phối. Nhưng tỷ lệ này lên tới 60% trong loài bộ ngựa đốm. Giáo sư Burke cho biết bộ ngựa đực thường xuất hiện trước khi giao phối. Điều này cho thấy bộ ngựa đốm cái hoàn toàn không quan tâm đến việc giao phối mà chỉ quan tâm đến việc săn mồi. Ngoài ra trứng của bộ ngựa đốm cái có thể sinh sản ra con cái mà không cần thụ tinh. Chúng có thể sinh sản dị tính nên dưới mắt của bộ ngựa cái, bộ ngựa đực chỉ đơn

thuần là thực phẩm. Biết vậy, bộ ngựa đực hình thành các kỹ năng tránh bị ăn thịt mà vẫn giao phối thành công. Chúng sẽ bò tới con cái từ phía sau và dùng hai càng để quặp chặt con cái. Đòn tấn công và phòng thủ này thường để lại một vết thương dưới bụng bộ ngựa cái. Vết thương này làm con cái yếu đi khiến con đực có thể dễ dàng bỏ chạy sau khi phóng tinh. Bộ ngựa đực bảo toàn được sinh mạng nhưng hành động khôn ngoan này lại di hại tới trứng. Khi con cái thiếu protein thì trứng có thể không nở. Chuyện truyền giống bị dang dở. Thực ra sự hy sinh của bộ ngựa đực cũng chỉ để cân bằng với quá trình duy trì nòi giống của cả bộ ngựa đực với bộ ngựa cái. Bởi vì bộ ngựa cái cũng sẽ chết ngay sau khi sinh ra bọc trứng.

Bộ ngựa thường chỉ sống được một năm. Cũng như các loại côn trùng khác, vòng đời của bộ ngựa cũng qua ba giai đoạn : trứng, ấu trùng và trưởng thành. Bộ ngựa cái thường sanh một bọc trứng có khoảng từ 100 đến 400 trứng. Bọc trứng khá cứng để bảo vệ trứng khỏi những biến đổi thời tiết có tên là ootheca. Trứng được đặt tại nơi an toàn, thường là trên lá cây hoặc gốc cây. Trứng nở vào mùa xuân tạo ra những ấu trùng. Tác giả Vũ Tú Nam đã may mắn mục kích cảnh trứng nở. «Cành chanh bên cửa sổ đựng đưa, xanh mát sau cơn mưa. Mấy quả chanh non mới đậu nom đáng yêu lạ.

Bỗng một sự việc xảy ra khiến tôi phải đặc biệt chú ý : trứng bọ ngựa nở. Tôi đến tận gốc chanh chăm chú theo dõi. Từng đợt, từng đợt, bảy tám con một lúc, những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm, ló cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cổ trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình, rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió. Mới ra khỏi ổ trứng, các chú nằm đờ một lát, rồi ngo ngoay. Các chú càng cựa quậy thì sợi tơ càng dài ra, từ từ thả các chú xuống phía dưới. Chú bọ ngựa con đầu đàn «nhảy dù» trúng một quả chanh non. Chú đứng hiên ngang trên quả chanh tròn xinh, giương giương đôi tay kiếm nhỏ xíu, võ sĩ, ngược nhìn từng loạt, từng loạt đàn em mình đang «đổ bộ» xuống hết sức chính xác và mau lẹ. Đàn bọ ngựa mới nở chạy nhanh, mỗi con mỗi ngả bắt đầu một mình lác lác theo kiểu tíu tít, lập tức dàn quân ra khắp cây chanh mỗi con mỗi ngả bắt đầu một cuộc sống dũng cảm, tự lập».

Cuộc sống này không phải không gian truân. Khi mới nở ra từ trứng, các ấu trùng chỉ dài khoảng 4 ly. Chúng ăn thịt lẫn nhau để sinh tồn. Sau đó chúng săn những con mồi nhỏ như ruồi giấm. Trong vòng đời ấu trùng, chúng phải lột xác khoảng 6 lần để phát triển. Thời gian này, chúng là mồi ngon cho các loại côn trùng khác.

Một số không nhỏ ấu trùng đã không qua khỏi giai đoạn bị ăn hiếp này.

Những ấu trùng sống sót bước qua giai đoạn trưởng thành. Chúng lột da và trốn tránh vào những nơi an toàn cho tới khi kết thúc thời kỳ phát triển. Bọ ngựa trưởng thành có kích thước từ 2,5 tới 15 phân. Chúng săn mồi, giao phối và đẻ trứng. Ngay sau khi đẻ trứng, bọ ngựa cái già từ cõi thế. Tổng cộng vòng đời chỉ được một năm.

Bọ ngựa ăn thịt các loại côn trùng nhỏ khác như ruồi, bướm, ấu trùng, bọ cánh cứng, ong, gián. Thậm chí chúng còn chơi lớn bằng cách ăn cả những chú chim nhỏ, thằn lằn, rắn, chuột. Chúng săn mồi bằng cách treo mình lơ lửng trên thân cây hay cành lá, chờ con mồi đi ngang qua. Bọ ngựa có khúc cổ rất linh hoạt, có thể quay ngoắt 180 độ để quan sát con mồi. Với đôi mắt luôn rộng mở có thể nhìn xa tới khoảng một thước rưỡi để nhận diện con mồi. Một khi đã nhắm được mồi, chúng dùng hai chân trước có gai nhọn, gấp lại như một con dao gấp, bắt và nhanh như chớp kẹp con mồi lại. Con mồi sẽ không chết ngay nhưng bọ ngựa đã bắt đầu xức con mồi khi chúng vẫn còn sống. Bọ ngựa không bao giờ ăn những con mồi đã chết. Nhưng vào mùa hè và mùa đông, các loại côn trùng khan hiếm, bọ ngựa ăn

lá cây non.

Ngoại hình bộ ngựa nhìn không cân đối. Cái đầu to nổi với thân hình bằng cái cổ nhỏ. Mọc ngay giữa cổ là đôi càng bự so với thân hình, giống như hai thanh kiếm, có những răng cưa để bắt mồi và tấn công địch thủ. Hai cánh trước và sau phát triển rộng. Hai cánh sau trông như hai tấm kính chỉ có viền trên đầu mút. Cánh có màu xanh lá cây nhạt hoặc nâu nhạt. Màu sắc có thể thay đổi theo màu của nơi tá túc, lúc thì xanh lá cây, lúc thì màu cỏ úa, lúc thì vàng hoặc nâu. Việc có thể thay đổi màu giúp cho bộ ngựa nguy trang, tránh bị các đối thủ phát hiện. Nếu chẳng may chuyện nguy trang không mà mất được đối thủ, bộ ngựa sẽ dùng chức thứ ba mươi sáu : bỏ chạy. Không chạy được thì giả vờ chết. Toàn những thứ phòng thủ thụ động.

Nhưng một khi phải chiến đấu, chúng cũng ngang tàng chiến tới cùng. Tôi mới đọc được một bài viết không đề tên tác giả nói về một lần mục kích giờ phút chiến đấu kiên cường của bộ ngựa. «Năm tôi học lớp hai hay ba gì đó, ngày ấy cuộc sống chẳng thể gọi là khá giả. Tuy nhiên, trẻ con lại có nhiều trò chơi hơn bây giờ, niềm vui của chúng tôi hồi ấy là đi bắt những con kim kim, châu châu, cánh cam, giun... về nghịch. Một lần, tôi cùng bọn trẻ trong xóm bắt được một con bộ ngựa

rất to màu xanh lá cây tuyệt đẹp, trông nó mạnh mẽ với đôi càng to và vẻ mặt lạnh lùng giống như một kiếm sĩ. Nhìn con bọ ngựa, cả bọn thống nhất sẽ không tra tấn và buộc nó lên như các con bọ khác mà chúng tôi hay bắt được. Tôi thả nó lên nóc bếp nhà tôi, nóc bếp được lợp bằng những chiếc lá cọ to, là nơi trú ẩn của rất nhiều côn trùng khác nhau. Chúng tôi đứng nhìn theo để xem nó sẽ đi đâu. Bất chợt xuất hiện một con thần lằn rất to bò tới, nó đứng đối diện con bọ ngựa. Chúng tôi không ai bảo ai, nín thở theo dõi, trong thâm tâm biết chắc về một kết cục thảm thương cho bọ ngựa. Nhưng một hình ảnh mà mãi mãi không bao giờ tôi quên, nó tác động rất mạnh vào tâm trí tôi, nó là tất cả những gì bi hùng nhất đánh mạnh vào trái tim của một đứa trẻ tám tuổi. Trước vẻ lạnh lẽo nhưng tàn bạo của thần lằn, bọ ngựa bình tĩnh giương cao đôi càng, nó sẵn sàng chiến đấu trước đối thủ mà có lẽ nó biết không thể chiến thắng. Thần lằn lao đến thật nhanh, chỉ trong tích tắc bọ ngựa bị ngoạm chặt và bị nuốt dần vào bụng nó. Nghe bọn trẻ thở than vì đi thả con bọ ngựa để rồi làm hại nó, tôi không có cảm giác buồn hay ân hận. Tôi chỉ thấy một sự bất lực mơ hồ nào đó, sự bất lực mà đến tận bây giờ tôi vẫn hay cảm thấy. Tôi thường tưởng tượng những viễn cảnh của sự bất lực trước một kẻ mạnh đàn áp một kẻ yếu, trong mọi tình huống. Câu chuyện nhỏ ấu thơ ấy đã đi theo tôi

suốt những năm tháng cuộc đời, có lẽ vì những tác động ấy mà tôi yêu văn học của Jack London. Yêu những nhân vật của ông, luôn chiến đấu trong sự tuyệt vọng trước những đối thủ không thể đánh bại mà vẫn đầy kiêu hãnh. Nghĩ về những kỷ niệm thời ấu thơ, thường hiện lên trong tôi là hình ảnh con bọ ngựa kiêu dũng. Trong ánh nắng của buổi trưa hè năm nào, trên nóc căn bếp cũ lợp đầy lá cọ, nó không chỉ còn là con bọ ngựa màu xanh mỏng manh nữa. Nó hoà lẫn vào màu nắng chói chang của buổi trưa hè tháng sáu, nó giương đôi càng với niềm kiêu hãnh trong khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời. Con bọ ngựa sinh ra để trở thành một dũng sĩ và nó đã chết theo cái cách ấy. Nó đã dạy cho tôi một bài học giản dị nhất về tình yêu cuộc sống, một bài học từ một cuộc chiến đấu nhỏ nhưng thật dữ dội và đầy đam mê trong khoảnh khắc cuối cùng».

Nói tới bọ ngựa, không thể không nhắc tới «Dế Mèn Phiêu Lưu Ký» và «Võ Sĩ Bọ Ngựa» của nhà văn Tô Hoài. Tô Hoài đã kết truyện Võ Sĩ Bọ Ngựa bằng cuộc hàn huyên giữa hai mẹ con bọ ngựa. Như đã viết ở trên, bọ ngựa cái chết ngay sau khi đẻ ra bọc trứng nhưng nhà văn đã nhân cách hóa bọ ngựa nên mới có chuyện mẹ con bọ ngựa sống với nhau. Chàng dũng sĩ đã tự hào khoe thành tích chiến đấu trong khi bọ ngựa mẹ vắng nhà. Nào là đánh châu châu ma khiến nó phải nhận là

thầy, nào là cho gián ông một trận. Bà mẹ ôn tồn nói với con là châu chấu ma vốn sợ mọi địch thủ, ông gián già yếu xù đánh đám chi. Bà nói với chàng võ sĩ : «Con đã làm một việc thừa và ác !» Tác giả kết câu chuyện giữa hai mẹ con : «Chú Bọ Ngựa tiu nghỉu hơn, và chú không khoe thêm gì nữa. Chú im lặng, nhìn ánh nắng rung rinh trong lá cây. Nhưng bà lão Bọ Ngựa đã nói tiếp : «Và con sang đánh nhau cả với Bọ Muồm, con bắt mụ ấy gọi con là võ sĩ Đại Mã. Mụ ấy nện cho con một trận mê tơi. Con phải bỏ chạy về. Nhưng con cũng không chừa được cái thói khoác lác. Cho nên, khi con nghe tiếng đồn có ông Dế Mèn đi phiêu lưu thì con cũng tập tọng đi. Con đã quên cả lời mẹ dặn. Con đi, con gặp bác Cồ Cộ, con dọa dẫm cả bác ta. Bác ta liền tóm cổ con, bay lên ngọn cây dừa. Đến đây con mới thực là sợ, biết chừa thói ngông cuồng và con mới thực hiểu rằng đường đời mỗi bước một khó. Con chạy trở về. Phải kể đến đây mới là hết những chuyện mà con đã làm trong khi vắng mẹ. Có phải thế chẳng ? Con ơi ! Bác Bọ Muồm chỉ cho con một cái đá hậu, là con thùng bưng. Bác Cồ Cộ chỉ buông con từ ngọn cây cho rơi xuống, là con đủ tan xương. Các bác ấy đã thương con đấy. Trong khi bà lão Bọ Ngựa nói, chú Bọ Ngựa cứ ngẩn mặt. Rồi hai hàng nước mắt rung rung. À, chú Bọ Ngựa hợm mình đã biết hối rồi».

Tôi không đọc truyện của Tô Hoài ngày còn nhỏ nên không biết tới những giọt nước mắt của chú Bọ Ngựa trong truyện có tính cách giáo dục này. Nếu được đọc truyện từ ngày đó không biết tôi có coi bọ ngựa là bạn không. Tôi chẳng có thể quay ngược về những ngày tháng non nớt đó để đo lòng mình. Ngày đó tôi vốn là một thằng bé nhiều tình cảm nên dễ mũi lòng, có thể cảm theo nhà văn Tô Hoài, không coi bọ ngựa như một loài hung hãn đáng xa lánh tới nỗi bây giờ tôi đã quên khuấy tới bọ ngựa mà tôi đã có lần bẻ đôi càng lúc nào cũng giơ lên đe dọa. Tôi đã quên hẳn thứ côn trùng vô sĩ khó ưa đó để tới nay anh bạn tôi phải nhắc nhở. Và bài bọ ngựa này đáng lẽ đã được viết từ trước, đồng thời với những châu chấu, bướm bướm, dế mèn, ve sầu. Những bạn côn trùng thời thơ ấu của tôi.

12/2024

Website : www.songthao.com

Những Câu Chuyện Bà Kể

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Người ta được nuôi lớn không chỉ bằng thức ăn, mà còn ở lời ru, tiếng hát, và những câu chuyện kể.

Chú bé cháu của bà thích được bà ôm vác, gồi đầu lên vai bà. Có khi bà mở nhạc từ chiếc nôi cho chú nghe thay cho lời hát, chiếc nôi chú bé đã nằm khi mới lọt lòng mẹ. Có khi bà hát. Bà không ru à ời, nhưng âm điệu dân gian len vào trong từng lời hát. Chú bé mãi rồi ghiền nghe giọng hát của bà.

Rồi thì bà kể chuyện. Từ khi chú bé chưa biết nói, bà đã kể chuyện rồi, những câu chuyện rất ngắn, rất dễ thương, có khi chỉ là tiếng chim hót, tiếng gà gáy. Chú bé tỏ vẻ lắng nghe. Và lớn dần, chú bé nghe những câu chuyện dài hơn, và chú hiểu. Chú còn biết kể lại cho bà nghe, biết hỏi lại cho bà trả lời. Những câu chuyện bà kể, luôn bắt đầu bằng câu «ngày xưa ngày xưa» như một dấu hiệu đó là truyện cổ tích.

Trong trí nhớ của bà, cũng như nhiều người bạn cùng thời, truyện cổ tích nổi bật nhất là Tấm Cám. Bởi vì bà đã được nghe biết bao nhiêu lần từ mẹ của bà. Mẹ là

một kho truyện cổ tích. Nhưng cứ nghe đến đoạn cuối thì bà rất sợ. Bà hứa với lòng rằng sẽ không kể nguyên như vậy cho con cháu của mình. Cô Tấm trong truyện là một cô gái nhân hậu, chịu biết bao gian truân vì mẹ ghẻ và em gái độc ác hại mình. Cuối cùng, khi Tấm được Vua cưới về, cô lại dùng quyền lực để trả thù họ một cách ác độc gấp trăm lần. Bà đã thay đổi đoạn cuối. Bà «cho» cô Tấm xin Vua tha cho họ, rồi cô cảm hóa họ, giúp họ trở thành người tốt, có lòng nhân hậu giống như cô.

Lúc chú bé bốn tuổi, bà kể Cha Nào Con Nấy, câu chuyện dạy người ta sống hiếu thảo với cha mẹ. Chú bé ngồi vào lòng bà, nghe say mê, bởi vì trong truyện cũng có một đứa bé bốn tuổi. Cha của đứa bé ấy đã mài một cái mủng vừa, tức phân nửa cái sọ dừa khô, cho ông nội của nó ăn cơm, bởi vì ông nội đã già, đến bữa ăn thường làm rơi vỡ chén bát. Ông nội tủi thân, vừa ăn vừa khóc. Thế rồi đến một hôm, người cha thấy đứa bé vụng về mài một cái mủng vừa, hỏi để làm gì. Đứa bé nói để dành cho cha ăn cơm, khi cha già như ông nội vậy. Cha của nó bừng tỉnh, hối hận. Nghe xong, chú bé tỏ vẻ trầm ngâm. Bà hỏi :

«Con có gì không hiểu ?»

Chú bé nói :

«Bà ơi, bây giờ không sợ bị bẻ chén đâu bà !»

«Vì sao ?»

«Con thấy chén nhựa có in hình bông hoa cũng đẹp lắm, mình ăn có làm rơi cũng không sợ bẻ.»

Bà không nhịn được cười.

«Ừ nhỉ, cuộc sống có những cái rất dễ giải quyết. Nhưng ngày xưa, nhất là ở thôn quê nghèo khó, rất khác, con ạ.»

Hai bà cháu tạm quên câu chuyện đó, vì chú bé lại đòi bà kể chuyện khác ngay.

Bà có một kho truyện cổ tích. Chỉ riêng truyện cổ tích Việt cũng đã rất nhiều rồi, nhiều vô cùng, kể cả tháng cũng chưa hết. Nhưng bà gạn lọc, chọn một số truyện để kể cho chú bé, như Ăn Khé Trả Vàng, Sọ Dừa, Sơn Tinh Thủy Tinh, Sự Tích Quả Dừa Hấu, Sự Tích Bánh Chung Bánh Dầy, Thánh Gióng, Cây Tre Trăm Đốt, Sự Tích Con Muỗi, Sự Tích Con Thạch Sùng v.v... Bên cạnh đó, bà cũng chọn lọc những truyện cổ tích Tây phương, như Cô Bé Lọ Lem, Công Chúa Ngủ Trong Rừng, Đôi Hia Bảy Dặm, Bạch Tuyết Và Bảy Chú Lùn,

Cô Bé Quàng Khăn Đỏ v.v...

Bây giờ, chú bé đã lên mười. Đi học về, cơm nước xong, bài vở học rồi, gần đi ngủ chú bé vẫn thích nghe bà kể chuyện. Có những câu chuyện chú bé nghe cả trăm lần vẫn thích, và biết bình luận nữa, đôi khi làm bà phì cười, nhưng cũng lắm lúc khiến bà nghĩ ngợi. Đúng vậy, trẻ con không phải cứ nhét vào tai là chấp nhận. Mỗi một thời kỳ, mỗi một hoàn cảnh sống, ảnh hưởng rất nhiều đến cách suy nghĩ của con.

Lên mười, chú bé được nghe bà kể những truyện ngụ ngôn của Jean de La Fontaine. Bà nói những truyện ngụ ngôn ấy, bà đã được học ở trường, không phải do truyền miệng. Chú bé say mê nghe những chuyện Cô Hàng Sữa, Con Ve Và Con Kiến, Hội Đồng Chuột, Con Nhái Muốn To Bằng Con Bò v.v... Chú bé thích nhất là thấy những con vật đã được mô tả như con người, biết nói, biết suy nghĩ, biết cư xử. Bà bảo những con vật đã được «nhân cách hóa» để mang lấy những tính nết của con người, đó là lòng tham, sự ích kỷ, tính ham chơi, sự cần cù làm việc, lòng thương yêu v.v... Lên mười, chú bé đã có thể hiểu được hàm ý trong những câu chuyện như vậy.

Lên mười ! Cái tuổi tưởng như còn bé dại, thật ra là dấu mốc của sự chuyển mình. Bà còn nhớ, lúc bà lên

mười, đã ngấm thuộc lòng bài thơ Lửa Từ Bi của Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, bài thơ có hơn ba trăm chữ. Mọi người trong gia đình bảo bà là con-bé-già-trước-tuổi. Có lẽ đúng. So với các bạn nhỏ cùng tuổi, bà có «già» thật ! Và so với chú bé lên mười này, chắc bà ngày đó còn «già» hơn gấp bội. Bởi vậy, bà tự nhủ đừng bao giờ làm điều gì với con trẻ dựa vào chính mình ngày xưa. Thời đại đổi khác, cảnh sống đổi khác, và mỗi một con người cũng đặc biệt. Không có ai giống ai.

Chú bé cháu của bà vẫn cứ mê nghe nhạc và mê nghe kể chuyện. Cái đầu óc biết phân tích khiến chú bé hay hỏi những câu như :

«Bà ơi, sao gọi là truyện cổ tích ?»

«Cổ là xưa, tích là dấu vết, là truyện. Cổ tích là dấu vết xưa, hay truyện xưa, nên người ta hay nói «ngày xưa ngày xưa» tức là những chuyện xảy ra đã lâu thật là lâu, khi mình chưa có mặt trên đời.»

«Bà ơi, trong truyện cổ tích, vật gì cũng biết nói hử bà ?»

«Ừ, thường là vậy. Truyện cổ tích thì phải là những gì đã xảy ra từ rất xưa, trong đó con người, con vật như chó, mèo, hổ, sư tử, chim chóc... và cả cây cỏ cũng biết

nói, con ạ.»

«Và có những ông tiên, bà tiên làm phép giúp cho mọi vật hờ bà ?»

«Ừ, như Ông Bụt trong truyện Tấm Cám, hay bà tiên trong truyện Lọ Lem đó !»

«Vậy ai đặt ra truyện cổ tích hờ bà ?»

«Ừ... thì là... người ta đặt ra.»

«Nhưng người ta đâu có sống vào lúc chuyện đó xảy ra hờ bà ? Nếu có, thì đối với người đặt ra, nó chẳng phải là truyện cổ tích.»

Chà, chú bé lắt léo, lý sự thật ! Bà ngẫm nghĩ, nhưng bà công nhận chú bé đúng. Vậy rồi bà và cháu cũng kể đi kể lại những truyện cổ tích, kèm theo lời bình của chú bé lên mười. Kể đi kể lại hoài, mãi rồi không phân biệt truyện tây, truyện ta, vì nội dung và tình tiết khá giống nhau, như Tấm Cám và Cô Bé Lọ Lem vậy. Hoặc như những truyện ngụ ngôn của La Fontaine, qua lời dịch tài tình của Học giả Nguyễn Văn Vĩnh, đã trở thành quen thuộc như thể là chuyện kể của người xứ Việt.

Có một hôm, chú bé đặt giả thuyết, nếu trong truyện Cô Bé Quàng Khăn Đỏ, nhân vật chính không phải là

Cô Bé mà là một chú bé thì có khác gì không. Rồi chú tự trả lời rằng chú bé ấy sẽ không dại mà nghe lời phỉnh gạt của một con chó sói đâu ! Bởi vì... chú là con trai ! Bà cũng phì cười vì ý tưởng ngộ nghĩnh đó. Nhưng thật dễ dãi, chú vẫn thích nghe cái đoạn Cô Bé Quàng Khăn Đỏ đi đến nhà Bà Ngoại, lúc đó bà đã bị Chó Sói nuốt tươi vào bụng rồi, và Chó Sói đã leo lên giường, nằm đắp chăn giả làm Bà Ngoại bệnh. Chú thích chí, bắt bà đóng vai Chó Sói, còn chú sẽ là Cô Bé Quàng Khăn Đỏ.

Chú bé hỏi :

«Bà ơi, hôm nay sao tai bà to thế ?

Bà giả giọng ô ề đáp :

«Tai bà to để bà nghe cháu nói cho rõ.»

«Bà ơi, hôm nay sao mắt bà to thế ?»

«Mắt bà to để bà nhìn cháu cho rõ.»

«Bà ơi, hôm nay sao miệng bà to thế ?»

«Miệng bà to để bà... ăn thịt cháu. Quà ! ! !»

Mọi khi, nghe đến đó là chú bé giả vờ co rúm người lại, sợ hãi, hét lên. Nhưng lần này, đột nhiên chú bé hỏi:

«Bà ơi, sao tóc bà dài và đen thế ?»

Bà giật mình, tròn mắt, ngạc nhiên, rồi bà cười xòa :

«Bà ấy hả ? Bà... không biết. Ờ... chắc Ông Trời cho bà được vậy thôi !»

«Vậy bà đã gội đầu bằng gì hở bà ?»

«Thì bằng dầu gội đầu bình thường, con biết đấy !»

Chú bé gật đầu, còn muốn hỏi thêm. Bà ôm chú bé vào lòng, kể :

«Con biết không, thời xưa, có một khoảng đời, bà và nhiều người khác rất khổ. Những vật dụng hằng ngày rất khan hiếm. Ngay cả xà bông cũng không có mà mua. Mua được một cục xà bông thơm cũng là chuyện xa vời. Bà đã từng pha xà bông bột giặt để gội đầu, con nghe sợ không ? Bà sợ lắm, vì làm như vậy tóc sẽ rụng hết, da đầu sẽ bong ra, nhưng ở bản thì bà chịu không nổi. Vậy mà Ông Trời thương, cho đến tuổi bảy mươi bà vẫn nuôi được mái tóc đen và dài này.»

«Đề... thỉnh thoảng bà lại cắt tặng cho các em bé bị rụng tóc hở bà ?»

«Ừ.»

«Hay quá bà ơi, giống như truyện cổ tích !»

Bà ngạc nhiên :

«Là cổ tích sao ?»

«Con thấy truyện cổ tích kể về những chuyện khó xảy ra.»

Bà gật gù :

«Ồ ha ! Bà cũng thấy vậy. Bà cảm ơn Trời.»

«Bà hay nói cảm ơn Trời.»

«Đúng vậy con à ! Bà luôn cảm ơn Trời vì đã cho bà những điều khó xảy ra.»

Hai bà cháu cùng im lặng. Bỗng dưng bà nhớ đến một người bạn thân đã viết một bài văn ngắn, nhắc đến truyện cổ tích kể về một người mẹ mất đi để lại một đứa con quá nhỏ, thằng bé phải sống với một bà mẹ ghẻ. Bị bà mẹ ghẻ đầy ải và hà khắc, nó đi chăn bò và luôn phải ăn cơm hẩm. Bà mẹ ghẻ thấy nó ăn cơm hẩm mà vẫn mập mạnh, bà cho con ruột của mình đi chăn bò với nó một bữa để theo dõi. Thằng con bà về kể, tới giờ ăn trưa thằng bé kia tới dưới bụng con bò mẹ, kêu «Mẹ ơi !» thì có một mâm cơm ngon lành hiện ra. Con của bà mẹ ghẻ cũng có ăn nữa, giây sữa ra áo đem về cho bà coi. Nghe

kê, bà mẹ ghẻ giết con bò, quăng xương ở gốc cây. Tới trưa, thằng bé ra gốc cây ngồi khóc, mâm cơm lại hiện ra. Cứ thế, cho đến khi đứa bé trưởng thành. Khi nó tự kiếm sống được thì nghe trên không có tiếng mẹ nó già từ.

Người bạn viết tiếp : «Một truyện cổ tích trong rừng cổ tích của tuổi thơ, tôi đọc và quên bằng đi mấy mươi năm, cho đến khi má tôi mất. Má tôi mất, tôi không khóc, nhưng lòng không sao nguôi ngoai được.

Một khuya kiếng thức chúng, tự nhiên tôi nghe như tiếng má tôi gọi tôi. Tôi bật dậy, bàng hoàng, chợt nhận ra truyện cổ tích có thật. Lòng tôi nhẹ bỗng, thương nhớ như nguôi ngoai. Má vẫn ở cạnh tôi, chăm chút tôi như bao giờ...» (1)

* * *

Tuổi thơ của bà tràn đầy những điều tưởng tượng, do đó mà phong phú. Nhà anh em đông, đồ chơi lại không nhiều, bà tự chế ra các món đồ chơi. Bà cũng biết xếp lồng đèn, vẽ thiệp Nô-en, thiệp Tết. Nào có biết đến sinh nhật hay Nô-en ! Rồi bà cũng làm Ông già Nô-en, rón rén đi cho quà những người trong gia đình. Bà cũng làm cô giáo dạy học một đám học trò tưởng tượng. Bà nghĩ, nếu không có tưởng tượng, cuộc sống của con

người ta sẽ khô đét, như cái cây không được tưới.

Nhưng tưởng tượng nhiều quá thì có nên chẳng ? Không nên chút nào ! Như bà thuở bé hay mơ mộng nhìn lên mặt trăng và nghĩ về chú Cuội ngồi gốc cây đa, đó cũng là qua những câu chuyện kể. Nhưng khi đã biết về sự thật trên mặt trăng, bà không kể cho các bé nghe về chú Cuội cây đa nữa. Bà kể về những bước chân kỳ diệu của con người đặt lên mặt đất cung trăng. Nói bằng cách nói của chú bé, đó cũng là những điều khó xảy ra. Nhưng điều khó xảy ra đó lại có trong đời thật. Rất tuyệt vời !

Đến lượt chú bé đặt ra những câu hỏi cho bà suy nghĩ.

«Bà ơi, vậy ngoài cái thế giới của bà cháu mình, và thế giới bao la của vũ trụ, còn có thế giới nào nữa không?»

«À... Có ! Là cái thế giới mà bà đã làm việc cùng.»

«Là gì vậy bà ?»

«Một thế giới của những sinh vật bé nhỏ li ti, mắt thường của bà và cháu không thể nhìn thấy được.»

«Làm sao để thấy ?»

«Không khó. Phải dùng kính hiển vi phóng to lên để thấy. Đó là thế giới của vi sinh vật.»

«Nó có khác biệt với mình không hở bà ?»

«Không mấy khác biệt. Vi sinh vật cũng sống, cũng cần thức ăn, cần được nuôi dưỡng tốt. Chúng cũng phát triển, cũng già, cũng chết. Có những loại gây hại cho con người, thú vật và cây cỏ. Nhưng đã có những loại thuốc chống lại chúng. Và cũng có những loại vi sinh vật làm lợi cho con người. Thế giới của chúng cũng có tốt có xấu như thế giới của mình vậy»,

«Bà ơi, vậy bà có nhân cách hóa những con vi trùng của bà không ?»

«Có chứ ! Mỗi khi làm phản ứng về chúng, bà thường thuận theo sở thích của chúng, vì bà hiểu chúng như hiểu tính con người. Con biết không, chúng cũng thích ăn ngọt như mình vậy, nhờ đó mà bà định danh chúng dễ dàng.»

«Hay quá ! Con thích học về chúng, như bà vậy !»

Bà ôm chú bé vào lòng, âu yếm :

«Con học về chúng, hoặc con học về vũ trụ, đều hay cả. Con mong muốn, con sẽ được.»

Chú bé lại tỏ vẻ suy nghĩ...

«Bà ơi, con muốn tất cả các bạn nhỏ như con đều được nghe kể những chuyện như bà kể.»

Bà im lặng. Có vẻ như chú bé đang nghĩ đến những điều vượt xa cái thực tại của chú. Bà biết nói sao đây, về những em bé sống ở vùng chiến tranh, về những em bé chưa lớn đã thấy súng đạn, về những em bé sinh ra và lớn lên trong cảnh đói nghèo ? Quả thật, thế giới vẫn cần có những Ông Bụt của cô Tấm, những Bà Tiên của Lọ Lem. Vâng, những Ông Bụt Bà Tiên bằng người thật.

* * *

Bà từng nghĩ chỉ kể những truyện cổ tích cho chú bé vui. Nhưng chú bé đã tỏ ra biết suy nghĩ và lý luận nhiều. Cho nên bà đã thêm vào «kho» truyện kể cho chú bé, một truyện mà bà rất thích : Hoàng Tử Bé (2). Bà đã dùng lối kể đơn giản thay vì đọc những lời dịch cao siêu thâm thúy của Học giả Bùi Giáng. Có khi bà dùng những chữ trong bản tiếng Anh cho dễ hiểu. Chú bé đã tự đúc kết được những ý chính mà tác giả chuyển tải đến cho người đọc, theo cách nghĩ non nớt của chú, và cũng rất đúng với ý muốn của bà.

«Bà ơi ! Ai cũng cần có bạn phải không bà ?»

«Đúng vậy. Và cần lắm, những người bạn thiết, con ạ !»

«Muốn có bạn thiết, cần phải làm sao ?»

«Cần phải tuần dưỡng (3) - Bà dùng chữ «tuần dưỡng» của cụ Bùi Giáng- Quen biết không phải là tuần dưỡng. Tuần dưỡng là tạo nên sợi dây liên lạc, muốn vậy phải dành thì giờ cho nhau, hiểu biết về nhau.»

«Như bà cháu mình phải không bà ?»

Bà bật cười :

«Đúng rồi ! Nhưng xa hơn nữa, như trong truyện, Hoàng Tử Bé và Con Chồn đã tuần dưỡng nhau, và trở thành bạn thiết, vì họ đã dành thì giờ rất nhiều cho nhau, nói chuyện rất nhiều với nhau, hiểu nhau, và cần nhau.»

«Con hiểu rồi ! Bà ơi, ai cũng cần có trách nhiệm với một cái gì đó phải không bà ?»

«Phải. Như Hoàng Tử Bé có trách nhiệm vĩnh viễn đối với cái gì chú đã tuần dưỡng một phen. Hoàng Tử Bé và Đóa Hồng bé nhỏ của chú ấy đã tuần dưỡng nhau. Cho nên Hoàng Tử Bé quyết có trách nhiệm vĩnh viễn với Đóa Hồng của chú ấy. Bằng mọi cách, chú phải

quay về với Đóa Hồng của mình.»

Thật đơn giản ! Chú bé hiểu hết. Bà đã không nói chuyện với chú bé như nói với một cô-bé-già-trước-tuổi. Bởi ý niệm của truyện rất giản dị, nên dễ hiểu. Khi chú bé lớn lên, ở từng thời điểm của cuộc đời, chú bé sẽ hiểu theo những cách khác nhau, và áp dụng cũng khác nhau. Chú bé sẽ hiểu về trách nhiệm, hay nói cách khác là lòng trung thành với một tình bạn, với một tình yêu, với một đất nước, hay với một lý tưởng... là như thế nào.

Tháng 1/2025

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

(1) Cổ Tích, tác giả : Thuần Chánh

(2) Nguyên tác : Le Petit Prince, tác giả : Antoine de Saint-Exupéry

(3) tame (E), apprivoiser (F)

Những Ngày Cận Tết

Nguyễn Vĩnh Long

Có lẽ những rộn ràng, hân hoan nhất trong năm không phải là «ba ngày tết», mà là những ngày cận tết. Bắt đầu vào ngày 23 tháng chạp, tôi đưa ông Táo về trời. Tất cả mọi sinh hoạt đều hướng về việc chuẩn bị để đón một mùa xuân mới, chào đón nguyên đán và mấy ngày xuân trước mặt. Lúc nhỏ là mùi vải thơm của bộ đồ mới, mùi gạo nếp ngâm cho nồi bánh và hương thơm ngào ngạt cho sàng phơi mứt dừa, mứt bí, mứt gừng ngoài sân. Những đêm ngủ gà ngủ gật ngồi canh bên nồi bánh tết cùng với má, với gia đình xúm quanh. Mùi bếp lửa, mùi khói hương, mùi áo mới lan tỏa của tuổi thơ ngan ngát những ngày xa...

Mùa xuân và tình yêu là sự hài hòa đẹp, thật đẹp của một đời người, của những ngày tuổi mới lớn «biết yêu». Gia đình là tổ ấm áp, tình yêu là hương sắc mùa xuân của những ước mơ, thương nhớ. Người ấy làm mùa xuân mang theo nhiều ý nghĩa đặc biệt hơn, rộn rã hơn và chờ đợi hơn. Bạn còn nhớ mối tình với những ngày cận tết của mình ? Ngày thơ bạn chờ mặc áo mới, bây giờ bạn sẽ chờ đợi một khuôn mặt, một ánh mắt, một nụ cười... dù vừa mới gặp hôm qua. Bạn nôn nao ngày

mai tới sớm, để gặp «ai» rồi cùng đèo nhau đi loanh quanh những con đường quen thuộc; nói với nhau bao nhiêu câu chuyện đã nói với nhau chẳng biết bao lần. Hay «hai người» ngồi lặng yên cùng nhau nhìn ngắm phố phường đang khoác lên những tà áo mới, không khí thật thơm mùi xuân thoảng chợt về. Ngôn ngữ tình yêu của những ngày cận tết là khoảng không trầm mặc và hơi ấm bàn tay trong gió xuân về.

«Em có nghe trời vào xuân chưa,
 Bên sông từng giọt nắng vàng
 Chợt lưa thưa và mùa xuân đó,
 Có em thì xuân rất đẹp,
 Anh không biết xuân về lúc nào,
 Lời tình đọng đưa theo gió,
 Mình thương nhau mấy tuổi xuân rồi... » (1)

Mùa xuân với mỗi tình đầu tiên là mắt ngắm, là nỗi tương tư trong mùi thơm con gái, là mùi mồ hôi đầm chút ngậy ngậy trong vòng tay ôm ngồi áp phía sau. Thế giới chung quanh chỉ là hư ảo, chỉ có bạn và người ấy tồn tại bên đời... Một lần vào những ngày cận tết, người ấy đưa ra hai mảnh giấy và nói với tôi : «Anh ghi quà anh muốn và em ghi quà em muốn vào giấy. Mình sẽ tặng cho nhau vào tết này nghen anh» ! Tôi và nàng trao nhau hai tờ giấy ước hẹn đó... Đã gần năm mươi

năm tôi vẫn còn nhớ rõ mấy dòng chữ trong tờ giấy của người ấy và hai chữ của tôi. Dòng chữ ước muốn của nàng : «Tình yêu của anh !» Hai chữ ước muốn quà tết của tôi : «Môi em» !

Tình yêu tôi, em đã nhận. Bờ môi em, tôi đã có. Vậy mà những ngày cận tết biết bao mùa xuân sau, đã không còn có nhau. Cuộc sống bao la, số phận người hạn hẹp. Dù một lần, tình yêu vẫn mãi còn đó trong ta, cho những mùa xuân lại trở về muôn thuở. Cái mất đi là thân phận, điều còn là trái tim tươi thắm dòng máu trở về. Nâng niu từng kỷ niệm, từng nỗi nhớ thương dù chỉ như một lần thoáng qua như giấc mộng :

«Gió chiều thâm vương bao nhớ nhung
Người yêu thoáng qua trong giấc mộng
Vui nguồn sống mơ những ngày mong chờ
Trách ai đành tâm hững hờ
Mối tình đầu xuân ai thấu chăng
Lòng tha thiết vương theo tiếng đàn
Mơ đời ái ân những ngày phong trần
Sống trong mộng đẹp ngày xuân...» (2)

Mùa xuân đi rồi mùa xuân lại đến, nhưng tuổi xuân chỉ đến một lần và vĩnh viễn trôi xa. Những mùa xuân sau bạn đã đón mừng xuân với ai ? Cùng với người ấy, bạn là người may mắn đời này ? Hay với một người

khác, mùa xuân vẫn luôn tươi đẹp nở hoa, vẫn luôn thơm mùi áo mới, vẫn nồng ấm mùi khói hương trong tối giao thừa ! Những ngày cận tết lòng vẫn luôn rộn rã hân hoan theo từng nhịp trôi nhanh của một đời người. Bạn luôn là người chờ đợi thời gian, nhưng thời gian chẳng chờ đợi ai bao giờ !

Những ngày cận tết đang đến trên quê nhà hay ở một quê xa, bạn vẫn hân hoan hay băng khuâng chờ đón xuân về và có bao giờ tự hỏi thăm : « Mình thương nhau mấy tuổi xuân rồi » ? Đã có mấy tuổi xuân rồi thoáng chốc, bạn không đếm nhưng tuổi thời gian luôn mãi chất chồng. Bây giờ chắc bạn không còn với ai đó lang thang, mà ngồi đợi con cháu mang từng nhánh xuân về. Bây giờ chắc bạn không còn háo hức bao tà áo mới, mà hạnh phúc nhìn thế hệ cháu con lũ lượt tụ lại quanh ta... Mùa đông đang rét mướt bên ngoài, bạn và tôi chắc cũng đã quên rồi «thương mấy tuổi xuân» xa xứ ! Hoa mai, hoa cúc, hoa vạn thọ, hoa đào... bây giờ ở đâu cũng có. Dưa hấu đỏ, mứt dừa, mứt bí, mứt gừng... bây giờ ở đâu cũng không thiếu, phải không các bạn ? Nhưng không hiểu sao, những ngày cận tết vẫn luôn làm tôi ngồi nhớ những ngày cận tết năm nào, của một thời thương nhớ rất xa...

«Đón Xuân này tôi nhớ Xuân xưa
Hẹn gặp nhau khi pháo giao thừa
Em đứng chờ tôi trước song thưa
Tôi đi qua đầu ngõ
Hỏi nhau thăm Xuân đã về chưa.. ?» (3)

Durham, North Carolina,

Nguyễn Vĩnh Long

(1) Mùa Xuân Đó Có Em - Anh Việt Thu

(2) Mộng Chiều Xuân - Ngọc Bích

(3) Đón Xuân Này Nhớ Xuân Xưa - Châu Kỳ, Anh
Châu

Hương Lay-ơn

Đặng Kim Côn

Hỏi thăm ông Hai bán hoa lay-ơn gốc Bình Kiến, nhiều người ngơ ngác hỏi nhau. Tôi lại rảo qua thêm mấy vòng chợ hoa, cũng vừa đi tìm ông Hai, cũng vừa ngắm hoa và ngắm những chậu bonsai bày bán cuối năm, cũng tìm lại mình của gần 20 năm trước, năm nào cũng cứ vào những ngày này, tôi theo ba tôi hóng gió đón sương không hề chớp mắt cùng gian hàng cây kiểng rất bề thế của ba ở đây.

Tôi thật không còn gặp lại một nét quen thuộc nào của ngày xưa, ngày đó, mỗi «nghệ nhân» đều có một gian hàng, vừa bán, vừa trưng bày, trong đó, trưng bày và gìn giữ luôn cả những tác phẩm chọn dự thi, đến giờ chấm điểm, ban giám khảo đến từng gian hàng, sơ tuyển những tác phẩm được vào vòng trong, rồi thì chủ nhân những tác phẩm đó tập trung tất cả về khu vực phúc khảo và chung kết, trong mấy tiếng đồng hồ, là có kết quả, lãnh thưởng rồi đem về.

Giờ đây, tôi chỉ thấy các tác phẩm nằm im lặng bên trong một hàng rào, có bảo vệ, mà không thấy chủ nhân nó đâu, tôi nhướng mắt đọc tên tác phẩm, tác giả, tôi hỏi thăm một vài người quen cũ, bạn bonsai với ba tôi,

cũng chả ai biết là ai.

Mà cái mục đích chính của tôi là đi tìm thăm ông Hai lay-on. Có thể cũng sẽ hơi khó tìm, nếu cái tên của ông không gắn thêm vào hai chữ lay-on, vì thửa đó, lay-on hầu như chỉ được trồng ở Ngọc Lãng, còn Bình Kiến thì đa số mới bỏ cây thuốc lá và sản nước tập tễnh trồng hoa, bắt đầu bằng hoa cúc Đalat, hoa vạn thọ, tiêng chỉ có cái ông Hai này, chơi «ngặng» khác người, bỏ mấy sào đất quý hiếm ra... thí nghiệm trồng lay-on, và hình như cũng mất nhiều năm không khá nổi, trước khi thành công để được chết danh với tên Hai lay-on đó.

Trước thì tôi không biết ba tôi quen với ông Hai từ bao giờ, nhưng tôi cũng lờ mờ hiểu là phải sau khi ba tôi từ Mỹ về, bởi vì, nhiều năm trước kia, bạn ba tôi, tôi biết không sót ai cả. Sinh tiền, có một lần cùng về thăm Tết, ba tôi, dẫn tôi đi dạo vườn hoa, ba tôi có ghé lại thăm chú Hai Lay-on ở khu bán hoa chợ Tết, rồi sau này, nghe ba tôi kể là hằng năm ba có gửi tiền về cho chú, nhờ chú hàng tuần thắp nhang hộ ba cho mộ mẹ tôi, và mỗi lần thắp nhang, cho ba xin một bình lay-on, cây nhà lá vườn của chú Hai. Đến sau này, khi ba tôi mất rồi, trong một lần về, tôi cũng có đi thăm chợ hoa cuối năm, cũng tò mò ghé lại thăm chú Hai lay-on, nhắc đến ba tôi, chú kể, một lần bán hoa Tết, tháng bắc

lạnh phong phanh tấm áo mỏng, co ro ngày đêm giữa trời... Lúc đó gần hết ngày, mà hoa vẫn còn ế, hạ thấp giá mà cũng không có người mua, năm đó, phong trào chơi bonsai mới rộ, nhiều trưởng giả quá, nên người ta chê hoa, ngồi nhìn đồng hoa lòng như đốt lửa, cái áo cho con, miếng thịt cúng đầu năm, trăm thứ tiền chuẩn bị cho năm mới, mà, khi kết thúc năm cũ, thì theo tục lệ, ông sẽ không biết xoay xử vào đâu, nghĩ là, nếu muốn vay mượn cũng khó. Đêm đó, gần 1 giờ sáng, ngày cuối ở chợ hoa, chỉ còn một buổi sáng nữa là ai về nhà nấy, thì bất ngờ ba tôi xuất hiện, sau khi mua mấy chậu kiểng ở các gian hàng cạnh đó, trong khi chờ gọi được xe ba gác chở về nhà, ba tôi ngồi hỏi thăm những người bán hoa kiểng ở đó, biết được chú Hai là một thương binh thời trước cũng ở cùng xã trước kia của ba, ba cởi chiếc áo lạnh đang mặc, ép chú mặc vào, rồi gọi luôn cả chục ly cà phê, mấy gói thuốc lá, ở một bàn cà phê cóc cạnh đó, mời hết anh em hoa kiểng kế đó, quây quần lại chuyện vãn cho vui, sau đó, trước khi từ giã, ba đã tặng chú Hai 200 đô la, hẹn 12 giờ trưa hôm sau, gặp chú Hai ở nghĩa trang Phật Giáo, ba nhờ chú Hai gì đó...

Chú Hai mơ màng, đó chỉ là chuyện nhỏ... Mà cái tình hai anh em mới là chuyện lớn...

Lần đó tôi về, trước khi gặp chú Hai, tôi đã có đi thăm mộ mẹ tôi, mộ sạch sẽ, thơm tất, những chân nhang đỏ mới và bình hoa lay-on chưa kịp héo làm tôi có nghĩ đến chú Hai, đến lời ba tôi kể, nhưng bây giờ là cuối năm, cuối năm thì ai ai cũng đi tảo mộ, nên chuyện mồ mả nào cũng mới, cũng có hoa đèn nhang khói thì cũng không có gì lạ, vả lại, đã hơn năm năm, từ khi ba tôi mất thì đâu còn có ai gửi tiền về. Mồ mả ông bà tôi đa số đều nằm ở đây, cuối năm cô chú tôi đi tảo mộ, thì sẵn ghé qua mộ mẹ tôi chút cũng là chuyện đạo nghĩa đương nhiên. Tôi đã không hề nghĩ là chú Hai (nhiều năm không còn liên lạc nào của ba tôi) lại còn có lòng đến vậy, cho nên, lần thăm đó, nghe chú kể chuyện, tôi chỉ cảm thấy một chút vui vui, vì được có người còn nhắc đến tính hào sảng của ba tôi, tôi chỉ mua giùm chú một bó hoa lớn, chào chú rồi đi, mãi cho tới lần về này, lại cũng thêm hơn năm năm nữa... sau những năm tháng lay hoay vừa đi làm vừa đi học, gần mười năm mới vừa được tốt nghiệp, làm một chuyến bán tổ vinh quy thăm mẹ.

Ít người biết chú Hai hơn, không phải vì lay-on nay Bình Kiến đã có nhiều người trồng, mà vì, gian hàng hoa lay-on của chú nay đã không còn chú để trông coi, chú mất đã bốn năm năm rồi, và thừa hưởng mảnh vườn, thừa hưởng kinh nghiệm chăm sóc, phân phối,

bán buôn, những công việc thường nhật của chú là cô con gái của chú, hiện cũng đang ngồi bán lay-on ở một góc chợ hoa. Tôi tìm đến gian hàng, như một người khách quen mua hoa, không để ai biết mình ở xa về.

Coi bộ cô cũng sắp dọn về. Hôm nay mới chiều 29 tháng Chạp, mà quây hoa của cô đã trông trơn :

- Xin lỗi, nếu tôi muốn mua một bó hoa của cô thì làm sao ? Mai cô có còn đưa hoa ra bán nữa không ?

Cô vừa dọn dẹp, vừa trả lời không ngừng đầu lên :

- Dạ, không anh, nhà cũng muốn hết hoa rồi, với lại em còn nhiều việc phải lo quá.

Tôi có chút bất ngờ với cách trả lời cũng như cái giọng nói êm nhẹ của cô gái, thật nhanh, tôi liếc vội nàng, tìm tôi chột rợn rợn trước một nhan sắc :

- Cô... cô tên gì ạ ? Tôi muốn có một bó hoa lay-on tím, mà lúc chú nhà còn sống, nghe chú nói chỉ đặc biệt vườn chú có, cô... có thể giúp tôi ?

- Dạ, em là Hương...

Tôi cười đùa :

- Hương Lay-on ?

Cô gái mở to mắt nhìn tôi :

- Sao anh biết ?

- Tôi đoán thôi, tại vì, xưa chú là chú Hai Lay-on.

- Anh có quen ba em à ?

Tôi lợi dụng thời cơ :

- Chẳng những quen, mà còn rất quen. Tại tôi học xa nên lâu nay không có dịp về thăm chú.

- Ba em mất rồi.

- Tôi mới nghe, chia buồn muộn với Hương.

- Dạ, cảm ơn anh. Thật ra, em còn một ít hoa tím ở nhà, nhưng sợ không đủ cho anh, chiều nay em phải ra mộ...

- Không sao, liệu cơm gắp mắm, miễn Hương vui lòng, đôi ba cánh cũng được. Tôi cũng muốn đi thăm mộ mẹ tôi, sẵn Hương cho phép tôi thắp nhang cho chú...

Nhà Hương ở gần cổng nghĩa trang Phật Giáo, nên sau khi chia cho tôi một bó hoa tím, Hương nói, sẵn Hương cũng cần thăm mộ trong đó.

- Ba em cũng được an táng ở đây ?

- Dạ không, mấy năm nay người ta buộc tất cả phải đưa lên nghĩa trang mới, trên Thọ Vực, Ba em được chôn trên đó, cách đây chừng 4 cây số. Em nghĩ, em sẽ khấn hộ anh lời thăm viếng của anh với ba, ba bữa này, ai cũng tranh thủ... tối mắt.

- Vậy sao em không tranh thủ lên Ba sớm đi ? Xong rồi hẵng lo việc khác ?

- Dạ, cũng vậy thôi, nơi này, Hương rung rung bó hoa tím trên tay, cũng là một việc chính của em.

Vừa đi bộ từ cổng nghĩa trang vào, Hương vừa kể :

- Ba em có một người bạn ở xa, vì biết ba sống gần nghĩa trang, nên bác ấy nhờ ba em giúp nhang khói giùm bác ấy ngôi mộ của bác gái. Lúc ba còn sống, em vẫn thường theo ba, hoặc thay ba hàng tuần, có khi vài ba ngày một lần, coi như đi dạo một vòng thành phố người chết, để thấy lòng mình mệnh mông hai ba cõi, để thấy, yêu thêm đời sống này, yêu thêm cõi tạm ngắn ngủi này. Riết rồi quen, rồi ghiền, đến nỗi, có khi đêm

tôi, em còn muốn lang thang.

Ba mất, mộ ba lại ở xa quá, cho nên mộ bác gái đã trở thành công viên lãng mạn của em...

Tôi giựt mình, ngay khi Hương vừa nhắc đến «ba em có một người bạn ở xa...» nhưng vẫn nén lòng nghe Hương kể. Bất giác, tôi mỉm cười một mình, lát nữa đây, Hương sẽ thế nào khi thấy tôi quỳ trước mộ mẹ tôi và gọi mẹ ?

Tôi cảm thấy không làm chủ được đôi chân đang bắt đầu loạng choạng của tôi, đôi chân xiêu vẹo khiến cho cả người tôi như muốn nghiêng đổ về phía vai Hương. Tôi đã hiểu tại sao Hương cũng mang bó hoa lay-ơn màu tím nhạt, màu dịu dịu như mùi hương loáng thoáng ngây ngất cả một buổi chiều cuối Chạp băng khuâng.

Đặng Kim Côn

Những Mùa Xuân Kỷ Niệm

Kim Loan

Đó là những mùa Xuân ở trại tỵ nạn.

Tôi đã có bốn cái Tết trong trại Panatnikhom và Sikiew, Thailand.

Tết đầu tiên thật nhiều kỷ niệm và bất ngờ, vì lúc đó chúng tôi vừa nhập trại trong khi còn hơn một tuần nữa là Tết. Tôi và ba cô bạn đi chung chưa kịp gửi thư cho thân nhân ở nước ngoài để ca bài ca «xin tiền». Ai lo bận bịu đón Tết thì lo, còn chúng tôi thì lo đi mượn tiền để mua vài vật dụng cần thiết như tấm trải nhựa, tre nứa, dây nilon để làm «nhà» (phải «an cư» mới «lập nghiệp» tỵ nạn được chứ).

Khoảng một tuần trước Tết, có một nhóm mấy thanh niên đến thăm vì nghe nói chúng tôi là dân Gò Vấp, nên muốn nhận «đồng hương đồng chí». Họ là những người trẻ như chúng tôi, nên câu chuyện mau chóng trở nên thân mật và rôm rả :

- Mấy em ở vùng nào ?

- Dạ, gần chợ Xóm Mới ạ ! Còn các anh ?

- Máy anh thì ở khu chợ Gò Vấp, kéo dài trên đường Lê Quang Định.

Ôi, nếu còn ở Việt Nam, thì Xóm Mới và khu Lê Quang Định cách xa nhau, như kẻ đầu sông người cuối sông, có khi cả đời cũng chẳng gặp nhau, nhưng vì nơi đây trên xứ người, lại mang thân phận tỵ nạn, nên bỗng dưng «tình mến thương» dạt dào. Nhìn mặt mũi chúng tôi còn «ngơ ngác nai vàng» và bộ dạng xốc xệch như mới chui ra từ vùng kinh tế mới, nên các anh động lòng trắc ẩn, nổi máu «Lục Vân Tiên» :

- Thôi, hãy cứ vui hưởng đời tỵ nạn trước đã ! Buổi chiều giao thừa mời các em đến nhà đón Tết, có món chè đậu xanh và bánh chiên.

Chúng tôi sung sướng nhận lời, ít ra cũng có «độ» như mọi người xung quanh. Vài ngày sau, tôi gặp lại Thầy giáo xóm cũ ở Việt Nam. Thầy chẳng dạy tôi ngày nào nhưng là hàng xóm và là bạn đánh cờ tướng với ba tôi. Thầy mừng rỡ hỏi thăm chuyện chòm xóm và trước khi ra về cũng không quên mời chúng tôi đến nhà Thầy 8 giờ tối giao thừa ăn chè đậu đỏ và đậu phộng da cá chiên bơ. Chúng tôi lại sung sướng nhận lời, vì tiệc của mấy anh đồng hương là 5 giờ chiều, nên vẫn còn thời gian để «chạy xô» qua nhà ông Thầy giáo.

Vậy mà vẫn chưa hết, chỉ hai ngày trước Tết, một cô bạn trong nhóm tôi tình cờ gặp lại bạn tù vượt biên ngày xưa khi chúng tôi đang xếp hàng chờ lãnh nước. Qua vài câu trao đổi, thấy chúng tôi còn bơ vơ chưa có tiền tiếp tế, người bạn này cũng mời chúng tôi ăn chè đậu đen và bánh ngọt đêm giao thừa lúc 10 giờ tối. Lần này thì chúng tôi không còn... sung sướng nữa, đành phải gật đầu, mà trong lòng đã bắt đầu bội thực... chè. Kể từ ngày đó, chúng tôi không dám đi lang thang trong trại, vì sợ gặp người quen mời ăn... chè thì làm sao dám từ chối ? (nghèo mà chảnh dữ !)

Sau đêm giao thừa chạy ba «sô» để ăn chè đậu xanh, chè đậu đỏ, và chè đậu đen, chúng tôi sợ chè đến tận mấy tháng trời. Chẳng lẽ câu «ón chè đậu» là do chúng tôi phát minh ra !?

Tôi cũng chẳng ngờ người Việt mình vẫn mang theo những phong tục tập quán quê hương. Đêm giao thừa, nhiều người vẫn chưng hoa quả, nhang khói ngay trước cửa nhà như bàn thiên tại Việt Nam. Sáng mùng một, tôi và mấy cô bạn còn đang ngủ nướng sau một đêm ăn chè liên tục, đã nghe tiếng người xôn xao đi chúc Tết, nên cũng vội vã trở dậy, sắp xếp lại chỗ ở cho gọn gàng để xuất hành đầu năm.

Chúng tôi dự tính đi lang thang một vòng trại rồi về nhà ăn mì gói với thịt hộp, và ngôi Chùa sát bên khu nhà được chúng tôi thăm viếng đầu tiên. Người ta ra vào tấp nập, khói hương ngào ngạt, chúng tôi được Thầy trụ trì tươi cười tiếp đón có lẽ vì bộ dạng «nhà nghèo» với bộ quần áo Cao Ủy, khác với áo quần tươm tất của những người khác. Sau vài câu thăm hỏi, biết rõ chúng tôi là «ma mới» nhập trại, Thầy đứng lên, rồi bảo :

- Các con chờ đây, Thầy có chút quà cho mấy đứa.

Chúng tôi liếc mắt nhìn nhau với ánh mắt rạng ngời hy vọng, chứa chan niềm vui. Tét nhứt chắc Thầy sẽ lì xì chứ còn gì nữa ! Ôi, thế là chúng tôi có thể dẹp mấy gói mì gói để ra chợ ăn hủ tít, nghĩ tới mà bụng reo liên hồi vì thèm. Hoặc ít ra Thầy sẽ cho chúng tôi thức ăn, mấy đĩa xôi và mấy đĩa bánh tét như chuối ngoài bàn thờ kia cũng hấp dẫn vô cùng. Lát sau Thầy quay trở lại, trao cho chúng tôi một túi ni lông kha khá... nặng, tôi bẽn lẽn hỏi Thầy :

- Cái gì ở trong vậy Thầy ?

- Là tem thư, phong bì, giấy, bút... chứ còn gì nữa. Tụi con mới vừa nhập trại chưa liên lạc được với gia đình mà !

Chúng tôi cười méo xẹo, lí nhí cảm ơn, nhưng hình như Thầy hiểu được nỗi «khát khao» của chúng tôi nên cười mỉm chỉ :

- Chút nữa sau giờ Ngọ, Chùa có đãi cơm chay cho phật tử, các con nhớ ở lại dùng bữa tân niên với nhà Chùa nghen.

Chúng tôi lại nhìn nhau, vui mừng. Một bữa cơm chay, có thể không đậm đà bằng tô hủ tíu ngoài chợ, nhưng chắc chắn là ngon hơn mì gói.

Vậy đó, cái Tết đầu tiên tại trại ty nạn của tôi thăm được tình người với nhau khi khó khăn bờ ngõ.

Ba cái Tết sau đó thì tôi đã trở thành một người ty nạn thực sự với kinh nghiệm Tết đầy mình. Người Việt nổi tiếng cần cù và thông minh, nhất là trong cái khó ló cái khôn, nên Tết đến cũng tìm ra được vài hương vị quê mình dù đang lạc loài nơi trại ty nạn. Từ đầu tháng Chạp, trời Thailand cũng se lạnh, nắng hanh vàng và gió Xuân mát rượi vào những buổi sáng. Chẳng biết ai mách bảo với người Thái, mà lúc này ra chợ đã thấy hàng hóa phong phú hơn ngày thường : dưa hấu, trái cây, hoa tươi, đậu xanh, nếp, măng, củ hành, dưa khô làm mứt và các sạp thịt, bò, gà, cá tôm cũng nhiều thêm nên hầu như nhà nào cũng có nồi thịt kho trứng và hành

muối.

Chiều hăm ba đưa Ông Táo, đã nghe người ta bảo nhau đi mua bánh chưng, bánh tét, tôi cũng đi dạo ngay một vòng làm cuộc «phỏng vấn bỏ túi». Ở một điểm nấu bánh tét, kẻ gói bánh, người buộc dây, rồi đặt vào nồi, chộn rộn tiếng cười nói. Tôi hỏi chị chủ nhà :

- Gạo, thịt, đậu xanh thì mua ở chợ. Còn lá chuối, củi lửa, nồi bự chị mua ở đâu ?

- Cung ơi, có tiền mua tiên cũng được, chị nhờ người Thái ra ngoài mua gì chẳng có.

Rồi chị dẫn tôi ra mảnh đất kế bên lô nhà, ở đó mấy thanh niên đang hì hục đào một lỗ sâu khoảng ba gang tay, đặt mấy cục gạch ống xung quanh, là nơi để nấu bánh tét đêm nay, khung cảnh tung bừng, ấm áp, làm vui đi nỗi lòng những người con xa quê.

Ngoài món mứt dừa đi đâu cũng thấy các bà các cô ngồi bên chảo trở tài khéo, có chị còn làm món hiếm như mứt gừng dẻo thái sợi, mứt tắc, mứt cà chua, tôi đi một vòng hỏi thăm đều được mời ăn thử cũng đã thấy no bụng.

Sau màn bánh tét và mứt, người ta rủ nhau tìm các cành cây khô đem về nhà, cắt hoa mai bằng giấy vàng,

nhụy đỏ, lụa thưa lá xanh, dán lên cây, điểm thêm vài tấm thiệp màu mè, là có ngay một cành mai, dù là bằng giấy, nhưng vẫn «rực rỡ mùa Xuân» như thường.

Hai câu : «Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ - Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh», vậy mà cũng gần đủ trong trại ty nạn. Này nhé, nôi thịt kho trứng, hành muối thì hầu như ai cũng có, bánh chưng bánh tét đã nấu xong, chỉ việc... mua về. Câu đối thì sao ? Xin vào Chùa hay Nhà Thờ, sẽ thấy ngay hai hàng câu đối đỏ viết theo lối thư pháp mới, bay bướm như rồng bay phượng múa được đặt uy nghi trang trọng hai bên bàn thờ.

Và các bạn có tin không, đêm giao thừa cũng có pháo. Tuy không nhiều, nhưng đã có người mua được bên ngoài đem vào trại. Giao thừa năm ấy, tôi vừa đi lễ nhà thờ về, đã có mấy người bạn làm chung ghé qua, mang theo một dây pháo chuột làm quà mừng tuổi. Khi đồng hồ chỉ 12 giờ đêm, chúng tôi châm ngòi đốt pháo, rồi lác đác nghe vài tiếng pháo vọng lại, xen lẫn tiếng đập, gõ nôi niêu xoong chảo thay cho tiếng pháo, rồi tiếng cười nói, chúc tụng nhau giữa những bữa liên hoan đón phút giao mùa làm cho đêm Xuân trên xứ người bớt nỗi quạnh hiu.

Mỗi sáng mùng một, chúng tôi luôn có chương trình «xuất hành đầu năm», đi chúc Tết những người thân quen, bạn làm chung, lũ học trò nhỏ. Đến đâu cũng được mời ăn uống, dù chỉ là miếng bánh, ly trà, nhưng những câu chuyện luôn rôm rả, đầy lạc quan cho một ngày không xa trên quê hương thứ hai.

Khắp nơi trong trại, thiên hạ đi qua lại cũng đủ vui. Chùa và Nhà Thờ là hai nơi nhộn nhịp nhất, ngoài các buổi lễ tôn giáo, còn có đầy đủ các phong tục ngày Tết như lắc xăm bên Chùa và bên khuôn viên Nhà Thờ có các gian hàng vui chơi ngày Tết do đội Thiếu Nhi Thánh Thể phụ trách.

Khi trời xẩm tối, các khu nhà trong trại, dưới ánh đèn dầu hoặc ánh đèn điện xài bình accquy, đây đó là những nhóm người tụ tập ăn uống mừng Xuân, chơi đánh bài, và bỗng vang lên tiếng đàn guitar thùng bập bùng điệu bolero da diết, với giọng ca nam trầm ấm, đầy tâm sự :

«Ôi nhớ Xuân nào thuở trời yên vui - Nghe pháo giao thừa rộn ràng nơi nơi...», buồn muốn khóc.

Nói đến khóc, tôi cũng phải nhắc đến những giọt nước mắt của những đứa con xa quê mẹ trong những ngày Tết. Ngay trong nhóm chúng tôi, một cô bạn mới sáng mùng một của Tết đầu tiên đã ngồi khóc sụt sùi nước nỡ,

đòi về Việt Nam ăn Tết với... Má ! (cái này thì ai chiều cho nôi ?). Các bà các cô ở gần sợ xui vội chạy qua đỡ dành, vừa năn nỉ vừa răn đe mới xong. Khi đi chúc Tết người này người kia, đôi khi thấy ai đó cặp mắt đỏ hoe, sung vù, khỏi cần hỏi cũng biết đêm qua khóc vì nhớ pháo giao thừa, nhớ gia đình thân thương.

Rồi thì ba ngày Tết cũng trôi qua, không đầy đủ hương sắc như ở quê nhà, nhưng đó là những cái Tết «đặc biệt» trong lòng mỗi người Việt đã từng sống qua đời trại tỵ nạn.

* * *

Cuộc sống mới trên quê hương thứ hai, có đôi lần tôi nằm mơ thấy được trở lại trại tỵ nạn một buổi sáng mùa Xuân, đang theo dòng người rộn ràng đi chợ sắm Tết. Có một người đứng chờ tôi bên cây me già nơi ven đường, trước sân trường học ESL. Người ấy đã ngại ngùng, bối rối trao tặng tôi mấy đoá hồng đàm tiếu còn đầm những hạt sương long lanh. Ôi, Xuân của đất trời đẹp xinh, và Xuân trong lòng tôi cũng lâng lâng, quá đổi ngọt ngào như đôi mắt của người trao hoa.

Những mùa xuân đời vẫn đến rồi đi, nhưng những mùa xuân êm ái như xuân tỵ nạn Thailand của tôi (và của các bạn, ở một trại tỵ nạn nào đó), dù không quay

trở lại, cũng sẽ sống mãi trong ký ức của chúng ta khi
mỗi độ Xuân về.

Edmonton, Xuân Ất Ty 2025

Kim Loan

Những Sợi Tóc Bạc...

Phan

Bạn bè hay nói tôi khó chịu từ khi còn nhỏ, như ngẫu hứng ghé nhà người bạn học nào đó trên đường đi học về. Dĩ nhiên tuổi nhỏ đâu có tính trước chuyện gì, nhưng khi tôi cảm thấy không tiện ở lại thì tôi tự ý ra về và chưa bao giờ hiểu được cảm giác đó từ đâu đến để tôi có quyết định trái ý bạn bè, mang tiếng khó chịu.

Khi đã lớn rồi, thỉnh thoảng có dịp gặp lại bạn bè hồi nhỏ, thường cùng nhau nhắc lại những chuyện thời đi học thật vui vẻ vì đầy ắp tiếng cười, ai cũng được ấm lòng phút giây không phải dè chừng bạn bè chơi xấu nhau trong hiện tại đã hiểu được giao tiếp xã hội là kết bạn với phản trắc. Tôi có cảm nhận đó, nhưng cũng không hiểu suy nghĩ từ đâu ra. Có bạn khen tôi đã bớt khó chịu như hồi nhỏ thì tôi lại cảm thấy bạn ấy không hiểu tôi còn tệ hơn xưa là ngày càng không hiểu mình nên tôi bớt nói lại, chỉ đơn giản vậy thôi, không xứng đáng lời khen. Nhưng sau khi chia tay, tôi đã tạ ơn trên không để tôi nói ra suy nghĩ thật lòng.

Rồi bạn bè xa hơn nữa khi vươn ra hải ngoại, ai cũng có những hoài niệm về tuổi nhỏ ưa tranh cãi nhau những

chuyện trong trường. Tranh luận với nhau về một cuốn sách, một phim chiếu rạp đang phải xếp hàng từ một tới hai xuất chiếu mới vô xem được, nhưng xem xong thất vọng với tin đồn... dẫn đến tranh cãi. Cuối cùng dẫn dắt tôi đến suy đi nghĩ lại về tranh cãi để hiểu hơn vấn đề tranh cãi hồi nhỏ vì tranh cãi là giành phần thắng cụ thể hơn tranh luận là dùng kiến thức, khả năng lý luận để chứng minh một điều phi thực tế. Nhưng rồi nhiều năm sau đó, nhìn lại cuộc tranh luận nào cũng có kết quả tương tự là bạn bè xa nhau. Giận ít thì bỏ qua theo thời gian xoa dịu tự ái, giận nhiều thì cả hai còn lại gì ngoài lòng hối hận.

Những khi chợt nhớ thời đi học, tôi thường nhớ đến, nghĩ nhiều về Ty trước ai hết như định mệnh đã an bài cho tôi với Ty một thời tuổi trẻ. Ty như ngồi bên tôi đang lái xe, đang câu cá một mình, hay đang ngồi cùng bạn bè giờ ra chơi ở sân trường ngày nào, và trò chuyện. Tôi nhớ đã nói với một người bạn so sánh khắp khiêng về đạo Phật với đạo Chúa để chọc ghẹo, mua vui chứ nó cũng không có ý gì. Tôi đã nói, «Người ta nói Phật có đức hiếu sanh vì quan niệm Phật giáo cho rằng vạn vật có linh hồn nên người tu hành không được giết con gì hết, đạo Phật không cấm người phạm sát sanh nhưng khuyên nhủ... So với đạo Chúa cho rằng vạn vật do đấng Tạo hoá sinh ra, sau đó tùy ngài ban phát. Nên

người đạo Chúa, nói : ‘Tạ ơn Chúa ban cho lương thực hàng ngày’ trước khi ăn, không kể là ăn rau hay thịt.»

«Vì sợ chê sẽ bị Chúa lấy lại...» là tên bạn cà khía cứ cố tình chọc ghẹo Ty sùng đạo, nói, chứ không phải tôi. Nó khía thêm, «Nếu tôi với Ty hợp tác mở công ty trách nhiệm hữu hạn trồng lúa thì các bạn nghĩ xem, Chúa sẽ ban phát cho Ty gạo, còn tôi...»

«Chúa biết con bò thích ăn rơm rạ. Mày yên tâm đi...» Tôi nói cho cả đám bạn cười.

Ty hiền lành, ngoan đạo nhưng khi lên tiếng thì tôi nể. Ty nói, «Những loài ăn cỏ thường có mức sinh sản cao hơn thú ăn thịt. Nếu chúng không bị thú ăn thịt dùng làm thức ăn hằng ngày thì trái đất không đủ cỏ cho chúng ăn, tồn tại. Con người hết đất sống vì nhìn đâu cũng toàn thú ăn cỏ... Rồi những con rắn độc không bị giết thì loài người sẽ chết rất nhiều vì bị rắn độc cắn. Ty thấy việc không nên sát sanh theo đạo Phật mang tính nhân đạo, nhưng theo đấng Sáng tạo ra muôn loài thì sự hủy diệt cũng cần thiết để đổi mới. Thử nghĩ xem, cỏ cây hoa trái không chết vì bị con người và muôn thú ăn; con người trường sinh vì không bị thú dữ tàn công, thiên tai, dịch bệnh..., muôn thú bất tử vì cạp không ăn cỏ, cỏ không ăn cỏ, người không ăn thịt thú vật nấu với rau củ thì muôn loài sẽ chết hết vì không đủ

đất sống, chết đói hết muôn loài vì con gì không cần ăn mà sống được ?»

Bạn bè khen Ty khéo lo xa nhưng nhìn tôi. Tôi biết mũi dùi của Ty đã chĩa vào mình vì hiểu ý tôi về sát sanh như một sự châm chọc đạo Chúa. Lẽ ra tôi không nên nói gì thêm, nhưng còn trẻ quá nên chưa biết dừng lại khi cần. Tôi nói, «Phật nói là tu sĩ không được, con người cũng không nên sát sanh thôi, còn muông thú thì sinh tồn theo quy luật tự nhiên vì chúng là muông thú, không phải con người. Ty đừng hiểu lầm tôi châm chích đạo Chúa sát sanh...»

Ty tiếp tục nói, «Vậy sao cô giáo dạy Sinh vật xếp con người vào loại động vật có xương sống, thuộc nhóm động vật có vú thì cũng là động vật. Theo Ty hiểu là Chúa sẽ không ban lương thực hằng ngày cho người này là cánh tay hay cái chân của người kia vì tất cả là con chiên của Chúa, chúng ta không ăn thịt lẫn nhau, không ăn thịt đồng loại. Vì vậy chúng ta phải ‘Tạ ơn Chúa ban cho lương thực hằng ngày’ vì cây lúa không sinh ra hạt gạo thì cây lúa khác gì cỏ dại ? Chúa không tạo ra đàn gia súc sinh sôi nảy nở thì lấy gì để ban phát cho con người có thịt ăn, Nên con người : Tạ ơn Chúa ban cho lương thực hằng ngày là hợp lý... như ai cho mình vật gì dù lớn hay nhỏ mà mình không cảm ơn thì

kỳ chết đi.»

Tôi nghĩ là Ty không hiểu ý tôi trình bày quan điểm hai tôn giáo chứ không có ý xúc phạm, Ty đã hiểu lầm ý tôi đã kích đạo Chúa cho giết hại động vật nên tôi đã cố gắng để hồi hận về sau, «Ty đi nhà thờ nên không biết Đức Phật cho môn đệ ăn thịt là chuyện tôi đã đọc. Một đệ tử của Đức Phật cứ bị mấy cô gái trong làng trêu chọc, mấy cô chơi ác là cúng dường cho tỳ kheo đi khát thực toàn thịt với cá. Tỳ kheo trở về hỏi Đức Thế tôn, «Con được phép ăn không ?» Phật trả lời, thí chủ cúng dường cho chư tăng vật thực gì thì chư tăng ăn vật thực ấy, chỉ cần ăn trước Ngọ vì sau giờ Ngọ là giờ âm, thuộc về ma quỷ... Nghĩa là chư tăng không được sát sanh nhưng được ăn thịt do Phật tử cúng dường. Điều quan trọng không phải là ăn thịt hay rau mà quan trọng là người đi tu không được sát sanh, không được ăn sau giờ Ngọ. (Nên người Phật giáo cúng giỗ ông bà tổ tiên đều thức khuya dậy sớm để làm hoàn tất những món cúng và thắp nhang cúng giỗ trước giờ Ngọ, bởi sau giờ Ngọ là giờ âm, thuộc ma quỷ.)

Trở lại với câu chuyện của chúng ta đang nói, chúng ta không đã kích niềm tin tôn giáo của ai hết vì trên căn bản, con người hơn muôn loài vì có tri thức và tâm linh. Con người hơn nhau ở đức tin chứ không phải tài

sản vật chất hay danh tiếng; con người sau hoà bình khác nhau ở quan niệm hữu thần và vô thần. Đây là điều chúng ta cần suy nghĩ khi phải học học thuyết tiến hoá, một học thuyết vô thần đã phủ nhận hữu thần tồn tại trong nhân loại từ khai thiên lập địa. Khi bạn lạc lõng trong tâm tư, bạn tìm sự thương xót nơi Đức Mẹ; tôi bơ vơ tận đáy lòng, tôi tìm sự cứu rỗi nơi Phật bà. Nhưng người bạn của chúng ta từ hôm làm bí thư đoàn thanh niên kia sau khi vô đoàn thì đi đâu, kêu ai để có sự cứu rỗi hay thương xót sau khi bạn ấy đã bỏ đạo để vô đoàn, phấn đấu vô đảng bằng cách điền đơn bỏ học đi bộ đội... Con người khác muông thú vì có tâm linh, có thần linh. Vậy người bỏ hữu thần theo vô thần là trở lại kiếp súc sanh ? Tôi không biết ! Tôi muốn bạn hiểu, tôi không phân biệt hay đả kích tôn giáo, chỉ nói về sự khác biệt quan niệm. Tôi chỉ phân biệt hữu thần với vô thần. Rồi thì mỗi tín đồ của tôn giáo nào cứ làm đúng theo kinh sách của tôn giáo đó đã dạy, sống đúng theo lời răn của tôn giáo ấy là bình an dưới thế cho người thiện tâm... Chúc bạn vững niềm tin vinh danh Chúa ở trên trời. Chúc mọi người có đức tin tự chọn, có rồi thì đừng từ bỏ đức tin đã chọn để trở thành vô thần. Chúc người vô thần sớm thức tỉnh mà quay lại. Chúc bạn bè vui lòng và tỉnh táo cầu nguyện cho người bạn vô tội của chúng ta đang bị quỷ ám... Chúc chúng ta không vì

những hiểu lầm mà xa cách...»

Tôi đã không đúng hay Ty muốn thế mà ép tôi nói ra những lời hối hận về sau. Tôi đã nói, «Chúa ban phước đời đời cho chiên ngoan. Phật vô sản nên chỉ cầu chúng sanh hiểu, ‘chúng ta bơi mãi trong bể khổ cũng không thấy bến bờ đâu, nhưng quay đầu lại sẽ thấy bến bờ ngay’. Tôi với bạn hơi đâu mà tranh cãi về giáo lý vì lý không có giáo và giáo nào cũng không có lý. Cha mẹ chúng ta đều làm việc để nuôi con cái trưởng thành. Chúng ta sẽ tiếp tục làm việc sau khi trưởng thành để nuôi dạy con cái chúng ta là lý, là thiên lý. Lý lẽ của trời đất khác hết mọi giáo lý tôn giáo trên đời vì đều do con người sáng tạo ra giáo là giáo điều và dùng lý là lý luận để bảo hộ giáo điều, không phải là lý lẽ của trời đất với lý là chân lý và lẽ là lẽ phải, là tự nhiên. Tại sao tôi phải tin vào giáo điều lương thực hằng ngày do Chúa ban. Tại sao tôi phải tin vào ông Phật nói không nên sát sanh vì nghiệp quả không chừa ai hết. Tại sao tôi không được nghĩ giáo lý do con người tạo ra là tiền đề cho thuyết vô thần xuất hiện trong cõi người vì giáo lý nào không bảo vệ học thuyết, giáo phái của mình ? Trong khi thiên lý không giảng đạo mà trường tồn vì hữu lý, hợp lý với con người thuận theo đất, đất thuận theo trời, trời thuận theo đạo, đạo thuận theo tự nhiên. Tại sao đạo trời tồn, theo tôi là vì không giảng đạo. Tôi

hiếu thiên lý của trời đất là lý lẽ, lẽ phải không thể chối cãi nên trường tồn. Nhưng lý của giáo lý là lý luận bảo hộ cho tư tưởng của giáo chủ. Giáo là tập hợp tư tưởng của giáo chủ cho những người tin theo lý luận bảo hộ tư tưởng người khai sáng. Nói về tôn giáo, tôi không có gì ngoài sự kính trọng người khai sáng ra các tôn giáo, tôi không có đả kích nào vì tất cả mọi giáo lý của những tôn giáo mà tôi biết đều hướng thiện con người. Tôi tin tôn giáo đã giúp bạn với tôi thành người có tư duy, là tiền đề của hiểu biết ra rằng không có gì tự nhiên có trong trời đất. Nếu là tôi đã chết bởi bom đạn trong chiến tranh thì hôm nay tôi gặp bạn không ? Nếu là tôi đã kịp theo anh tôi di tản ra hải ngoại thì đời này tôi có gặp bạn không ? Chúng ta không có nếu không được cha mẹ sinh ra, vậy phải sống hiếu đạo cho hợp lẽ trời đất. Sao cây lúa không trở ra hạt độc để ăn vào là chết người mà trở ra hạt gạo giàu dinh dưỡng nuôi sống con người ? Vậy thì ai, bàn tay ai đã can thiệp vào việc cha mẹ sinh con, cây lương thực không sinh ra trái độc ? Chắc chắn là có sự can thiệp rồi, chỉ là suy diễn mà có giáo. Giáo luôn ngược lý nên gọi là giáo điều, lý luôn ngược giáo nên gọi là lý lẽ. Lý bảo hộ giáo chỉ là lý luận. Nên mấy ngàn năm nay có hai thiện nhân không ngừng thuyết phục nhân loại với giáo nhưng nghe có lý, nhưng chỉ dừng lại ở lý luận chứ không phải lý lẽ của tự

nhiên nên không thuyết phục được hết nhân loại sống đạo. Nói tóm lại là sống thuận theo tự nhiên sẽ trường tồn, sống theo đạo trời sẽ bất diệt vì đạo thờ trời đất là đạo tuân theo tự nhiên, theo lý lẽ. Dòng sông có trước chúng ta, trước ông bà chúng ta khai hoang vùng đất này. Bao đời đã thuận theo tự nhiên mà sống, có vấn đề gì không ? Vấn đề chỉ có từ khi ngăn sông đắp đập, làm thủy lợi đâu không thấy chỉ thấy ngập mặn, phèn chua vàng đồng thì lúa nào sống nổi, chúng ta ăn bo bo viện trợ tới vàng mất... Không phi tôi không hiểu bạn muốn nói tới, bạn đã tin Chúa Trời là Đấng Sáng thế, tạo ra muôn loài. Ông trời mà tôi đang nói đến chính là ngài, có đúng không ? Tôi chưa có câu trả lời cho bạn được...»

Bạn phó lớp học tập là bạn chứ không trở mặt thành thù địch như bạn bí thư đoàn đã bỏ đi chùa, sắp bỏ học đi bộ đội để được vô đảng... Bạn phó lớp học tập hoảng nên la làng, «Các bạn muốn chết rồi hả ? Muốn lên văn phòng viết kiểm điểm cả đám hả ? Muốn bị đuổi học hả? Làm ơn im miệng, vô học dùm tôi...»

Cả đám bạn cười xua tuổi học trò đi. Mấy hôm sau, T nán bước trên đường đi học về làm tôi cũng bối rối. Tôi không biết bạn tôi nghĩ gì mà lên tiếng xin lỗi. Tôi không thấy có lỗi nên nói thật lòng, thật lòng nhất là tôi

không nhận lời xin lỗi vì T có lỗi gì đâu mà xin lỗi tôi? Bảo vệ đức tin của mình là chính đáng mà... Thánh tử đạo được tôn thờ chứ ai dám thất kính. Chúng ta là bạn học, tranh luận để cùng hiểu biết, giúp nhau hiểu biết chứ có làm hại nhau đâu mà xin lỗi.

Chúng tôi không có cơ hội tranh luận nữa cho tới ra trường. Mấy chục năm sau gặp lại bạn trường xưa xóm cũ, Tôi lại có cảm nhận, cảm giác không bình thường với Ty như với bạn bè khác, là duyên nợ gì đó theo Phật sách mà tôi đã đọc. Dù Ty vui vẻ hơn xưa nhiều, hỏi tôi sau bao năm xa cách, «Ông có nhuộm tóc không vậy ?» Tôi trả lời, «không»; và Ty nói tiếp, «Vậy mà tóc Ty đã bạc hết rồi !» Tôi an ủi bạn, an ủi tôi, an ủi thế hệ thiếu may mắn được ăn học lại còn bị giáo dục bậy bạ, bom thổi vào đầu óc non trẻ chủ thuyết vô thần. Tôi nói với Ty cũng thật lòng như bao năm trước, «Tóc bạc là tự nhiên, bạc lòng mới đáng trách tôi chưa bao giờ nói với Ty một lời xin lỗi...»

Bạn bè tôi lại nhộn lên như hồi còn đi học. Tôi tin Ty cũng có suy nghĩ như tôi trong dài năm không gặp, hai chúng tôi không tranh luận gì nữa suốt cả tuần họp mặt. Có lẽ cuộc sống đã trôi đi những tình thân, tình bạn cũng bụi mờ. Khi sự tro trọi không mời mà đến với mỗi người, người ta biết làm gì hơn là học nhường nhịn

khi hiểu ra cái tôi là nguyên nhân rạn nứt mọi quan hệ. Nhưng cái tôi rồi cũng nguội lạnh theo một mỗi, tan biến vào hư không, để lại một khoảng trống cho lòng hối tiếc. Phải không Ty ?

Khi sức tiếp thu đã cùn mòn năm tháng, sự nắm bắt không còn nhanh nhạy nên đọc tờ báo, tạp chí, cuốn sách khi rảnh rỗi cho không lãng phí thời gian còn lại chỉ là cách níu kéo thời gian hơn mở mang kiến thức. Chuyện tranh luận với bạn bè không còn quan trọng bằng sự thấu hiểu muộn màng nên tôi chỉ còn lòng hối hận với những sợi tóc bạc... vì lỗi tại tôi.

Phan

Na Uy - Xứ Lạnh Tình Nồng

Hoàng Quân

Duyên hội ngộ

Cách đây mấy năm, em tôi đi Na Uy về, đưa cho tôi cuốn *Viết & Đọc*. Nói, của người bạn làm báo gởi tặng. Bởi, nghe em kể, có người chị cũng viết lách. Sau đó, tôi nhận email của Dương Kim, rủ đóng góp bài vở cho *Viết & Đọc* của Na Uy.

Tôi gởi tặng Dương Kim tập truyện *Bông Hoa Trên Phím*. Kim viết thư cảm ơn, kể, có đưa tập truyện cho bố đọc, tôi mới biết, Kim là con trai của cố luật sư/nhà văn Dương Kiên.

Năm nọ, tôi đổi việc, dọn nhà xuyên tiểu bang, từ Berlin về Frankfurt. Còn hai ngày phép, để hoàn hồn sau những tuần lu bù với bàn giao công việc và chuẩn bị «di cư». Kim viết thư báo tin, gia đình Kim sẽ sang Berlin chơi. Nếu thuận tiện, hẹn gặp nhau. Quả là có duyên gặp. Sớm hơn, e rằng tôi không thể thu xếp được. Trễ vài ngày, tôi đã gồng gánh rời «kinh đô» về «quê». Thế là chúng tôi có dịp dàn hàng chụp hình dưới cổng thành lịch sử Brandenburger Tor. Sau buổi picnic dã chiến, chúng tôi xúm xít ôm những tảng đá trong Tiergarten.

Ngày sau, chúng tôi chiêm ngưỡng lâu đài Sanssouci với vườn thượng uyển tuyệt mỹ ở Potsdam, thủ phủ của tiểu bang Brandenburg.

Sau đó không lâu, trên đường đi đến chỗ làm, tôi nhâm nhi cuốn Hoa Tuyết, truyện ngắn các nhà văn Nữ Na Uy do Dương Kim dịch. Tự dưng, tôi cảm thấy Na Uy như thân hơn một chút và nghĩ, mình sẽ đi Na Uy, trong một ngày gần đây.

Tình cờ, em tôi báo tin, ở Oslo có văn nghệ với ca sĩ từ Mỹ qua. Lịch tháng 11 của tôi đã quá bận rộn với hai chuyến đi xa vào đầu và cuối tháng. Nhưng, như có thôi thúc trong lòng, tôi vào mạng tìm vé máy bay. Liên lạc với Kim báo tin, chúng tôi sẽ đến Oslo gần nửa đêm. Vài tin nhắn qua về trên viber, vài thông tin tới lui trên email. Mọi chuyện được sắp xếp đầu vào đó. Khuya thứ sáu, Kim đón vợ chồng chúng tôi ở phi trường Gardermoen. Buốt giá của Bắc Âu là đây. Cỏ cây trắng xóa. Trên đường về nhà Kim, giữa đêm, đèn vẫn sáng choang quanh nhà. Hei Norge, xin chào Na Uy.

Xứ Lạnh

Trong phố không nhiều tuyết, nhưng khá lạnh, khoảng 10 độ C âm. Mặt đường trơn trượt. Đi rón rén từng bước, thế mà phu quân của tôi vẫn chụp một rổ ếch to tướng.

Kim đưa chúng tôi lên khu trượt tuyết Holmenkollen ở vách núi. Nơi đây có cầu nhảy trượt tuyết lâu đời nhất thế giới. Cầu trượt cao ngất ngều. Nhìn thôi, đã phát ngợp. Nếu trời trong, từ trên cao có thể thấy thành phố Oslo. Hôm đó, buổi sáng có vài tia nắng mỏng manh, trời xám mù khi chúng tôi lên đến Holmenkollen. Chúng tôi lòng vòng dạo chơi, nhìn xuống toàn cảnh sân vận động phía dưới, trắng xóa những tuyết và tuyết. Băng tuyết bám trắng cây cỏ, trông thật thích mắt, tựa như những hình chụp trong thiệp Giáng sinh. Nhà cửa dọc hai bên đường của khu này rất đẹp. Đa số, nhà vách gỗ, sơn màu trắng, màu sáng. Các hàng rào cũng bằng gỗ. Có lẽ nhờ vậy, giữa tuyết lạnh, nhà cửa vẫn đem lại cảm giác ấm cúng. Năm nay, nghe nói, hơi lạnh so với những năm trước. Cho nên, nghe tin chúng tôi đến Na Uy vào mùa này, ai cũng nhắc nhở nài nỉ kỹ càng.

Đời sống Na Uy khá đắt đỏ so với Đức. Nhưng vẫn «dễ chịu», vì mức thu nhập cao và hệ thống an sinh xã hội rất tốt. Nhiều năm, Na Uy là một quốc gia có phẩm chất cuộc sống cao nhất thế giới.

Sóng Nước Biếc

Mỗi ngày thứ Bảy cho Oslo, chúng tôi chỉ có thể «liếc» sơ một hai danh lam thắng cảnh của thủ đô. Chúng tôi trực chỉ Vigelandsanlegget. Người Việt ở Na Uy gọi nôm na là công viên «xéch-xy», vì toàn bộ tượng hình ở công viên đều ở trong trang phục chào đời.

Công viên với hơn hai trăm bức tượng đá hoặc đồng của điêu khắc gia người Na Uy Gustav Vigeland. Những bức tượng này là biểu tượng chu kỳ của kiếp người. Từ lúc là một bào thai trong bụng mẹ, lớn lên, già đi. Sinh, lão, bệnh, tử. Bức tượng đồng tạc cậu bé con giận dữ dậm chân có lẽ rất được ưa chuộng nên thỉnh thoảng lại bị «đạo chích» xén đi bàn tay.

Đi dạo trong công viên Vigelandsanlegget, trời rét căm căm. Bỗng dưng, tôi nghe tiếng nhạc réo rắt. Một nhạc công phong cầm ngồi giữa băng tuyết, đang chơi bài Sóng Nước Biếc. Thật là tình cờ kỳ diệu. Mới hôm qua, hôm kia, ở Đức, khi chậm chân nghe nhạc công chơi phong cầm ở nhà ga, trí tôi lao xao nhạc điệu bài Sóng Nước Biếc. Bươn bả chạy nhanh cho kịp giờ xe, tôi tiếc, định bụng hôm nào thuận tiện sẽ đến yêu cầu. Hôm nay, ở Oslo, tôi được nghe Waves of the Danube của nhà soạn nhạc người Lỗ-Ma-Ni, Iosif Ivanovici. Lời Việt Sóng Nước Biếc của nhạc sĩ Phạm Đình Chương

thật tuyệt vời. Trong cái lạnh cắt da, giữa công viên rộn ràng du khách, tôi mơ màng.

Một giòng sông sâu cuộn cuộn sóng trôi về nơi đâu
Gió đưa buồm nâu mang tâm hồn vào cõi u sầu
Một vầng trăng nhô rung mình dưới muôn đợt sóng
vỗ

Lá trên cành khô đang gieo mình vào cõi mơ hồ

Tôi đứng lại, chân đi không rời. Bạn bè đã lên trước một đoạn xa, quay lại vẫy vẫy tôi. Tôi tàn nhẫn, tiếc rẻ, rảo chân theo cho kịp, trí vẫn vang vang lời ca mượt mà.

Sóng lớp lớp, sóng lớp lớp, sóng đem nguồn vui
Đang chơi vơi, đang chơi vơi, sóng lan mọi nơi
Khi đau thương, khi yêu đương, thiết tha vô vàn
Sóng dâng trong lòng ta mơ màng

Tình Nông

Nhà cửa ở Na Uy thật dễ thương. Nhà vách gỗ, mùa đông thấy đẹp, mùa hè chắc còn đẹp hơn nữa. Đến người nào, thấy nhà cửa cũng khang trang. Hệ thống sưởi rất hiện đại. Ngoài trời rất lạnh, mà trong nhà vẫn ấm áp dễ chịu.

Chúng tôi về đến nhà Kim đã quá nửa đêm. Chủ nhà chuẩn bị chiêu đãi du khách Đức món ăn khuya. Sau khi ăn món mì xào tôm thịt, chúng tôi tráng miệng ly nước Na Uy. Nước lạnh, mà ngọt như đường cát, mát như đường phèn.

Bước vào nhà, hai vợ chồng Kim đã cho chúng tôi cảm giác mình là người nhà. Chúng tôi được có hẳn phòng riêng, một cái suite, với phòng tắm rất hiện đại, và chắc là rất... hại điện. Buổi sáng, có bún bò, thơm phưng phức, vừa ăn bún bò nóng hôi hổi, vừa ngắm phong cảnh trời đông qua cửa sổ. Lạnh thì lạnh thật, nhưng đẹp quá chừng.

Kim giống như ông bầu, chở ca sĩ chạy show. Kim đưa chúng tôi đi thăm người đồng nghiệp xưa của Ba tôi. Tôi được nghe bác ôn vài kỷ niệm của bác và Ba tôi thời Việt Nam Cộng Hòa. Bác gái đãi chúng tôi món bánh bột lọc, ăn với nước mắm đặc biệt do chính tay bác bào chế. Gia đình hai bác tiếp đãi chúng tôi thật thân thiết, nồng hậu. Chuyến ghé thăm chớp nhoáng, mà ra về, quyến luyến mãi. Kim tiếp tục chạy xe ngang dọc qua những con đường ngập tuyết của Oslo, tìm cho tôi chị bạn thời Quảng Ngãi. Mấy chục năm gặp lại, vừa chuyện vãn, chị bạn bày nướng bánh kẹp ăn với Brunost, một loại phô-mai màu nâu đặc biệt của Na Uy,

làm từ sữa bò, dê, cừu. Thiệt ra không phải ai cũng xoi được món này. Nhưng đã đến Na Uy thì phải thử cho biết chứ. Cũng như món cá hồi phải có trong thực đơn ở đây.

Chuyện Bên Lề

Khi quyết định thần tốc đến Na Uy trong cuối tuần rét mướt tháng 11, đầu đó trong góc lòng, tôi có ý mong chàng ca sĩ rủ rê về đây mặc áo the, đi guốc mộc và nghe nàng ca sĩ thì thầm trùng dương vỗ sóng về để đón bước em...

Nơi tổ chức ca nhạc thật ấm cúng, sang trọng với số lượng khách vừa phải. Ca sĩ chịu khó đứng, ngồi, điệu bộ để khách hâm mộ chụp hình chung.

Chàng ca sĩ giới thiệu chương trình, nửa đùa, nửa thật, bảo, phải «câu giờ», chứ hát đến khuya e không đủ sức. Loáng thoáng có tiếng yêu cầu bài hát quen thuộc. Chàng ca sĩ bảo : «Trịnh Công Sơn muốn tôi hát bài Phôi Pha, tôi hát, sau đó ít lâu, anh ấy qua đời. Tôi gặp anh Trầm Tử Thiêng, anh ấy cũng thích bài này. Bây giờ anh ấy đã ra đi.» Rồi với một giọng tung tung (vừa vô tâm, vừa vô duyên) : «Đấy, bây giờ ai còn muốn tôi hát Phôi Pha nữa không ?» Uông quá ! Chàng ca sĩ ơi ! Phải chi chàng cứ lăm lì, mặt nhăn, mày nhí (như vài

đức lang quân nhận xét), nhưng chỉ cần cất giọng : Yêu là lòng băng khuâng, nhớ hay thương một chiều thu vương, thì biết bao «em» thồn thức, tương tư.

Dạo tôi «lùng» tìm nhạc chàng hát, tôi bắt gặp một trong những bài hát tôi yêu nhất. Nghe chàng thảng thốt : Đừng nhìn anh nữa em ơi, hoa xanh... hương trinh... Tôi hoảng hồn. Kinh khủng quá ! Chàng mà cũng hoa xanh ! Chàng mà cũng hương trinh ! Tôi tắt máy cái rụp, không đủ can đảm nghe chàng... tra tấn. Ngày xưa tôi đã thương giọng ca của chàng. Nhưng chàng hát như vậy, là chàng... đã thương tình thần tôi. Thôi thì thôi nhé, có ngần ấy thôi, chàng ca sĩ ạ.

Nàng ca sĩ có lẽ chạy nhiều show, hãy còn mệt, không đủ thì giờ ôn bài, nên hát nhạc ngoại quốc là chính. Khi nàng ca sĩ nhộn nhịp Hey hey, set me free, Stupid Cupid stop picking on me... không khí rộn ràng tươi vui. Nhưng chỉ để nhảy lưng tung, tôi mở nhạc ở nhà cũng được, chứ đâu phải lặn lội đường xa như vậy. Sau đó, theo lời yêu cầu của khán giả, nàng ca sĩ hát vài bài nhạc Việt. Nàng thử thì, sẽ hát bài Sang Ngang và Ngăn Cách của Y Vân. Tôi nhăn nhó thầm, bài Sang Ngang của nhạc sĩ khác mà. Nàng nỉ non :

Thôi nín đi em lệ đầm vai rồi buồn thương nhớ ời

...

Em khóc những chiều, anh xót xa nhiều thương cho đàn con.

Tôi giật bắn cả người. Ôi trời ! Nàng ca sĩ đành đoạn đem «râu» Bài Không Tên Số 4 của nhạc sĩ Vũ Thành An cắm vào «cằm» bài Sang Ngang của nhạc sĩ Đỗ Lễ. Chỉ là người nghe, tôi đã cảm thấy đau nhói nhói cho bài hát. Tác giả biết được, buồn biết chừng nào.

Tôi sẽ trở lại Na Uy. Có nhiều bạn bè dễ thương ở chốn đó. Có nhiều phong cảnh đẹp tôi muốn thăm. Nhưng có lẽ tôi không bao giờ đến Na Uy để nghe nhạc như lần này.

Tạm biệt Na Uy

Vợ chồng Kim rất chu đáo, gói những món quà «quê» Na Uy cho chúng tôi : cá hồi hun khói và cá nục đóng hộp. Đây là những món quà rất được dân Đức gốc Việt ưa chuộng.

Mùa hè, Na Uy còn nhiều màn hấp dẫn như đi câu cá ngoài biển, leo núi Preikestolen (Preacher's Pulpit hoặc Pulpit Rock), đến thăm Trondheim, thủ đô ngày xưa

của Na Uy.

Một cuối tuần ngắn cho chuyến đi chơi ở Oslo, Na Uy. Nhưng nhiều hứa hẹn cho tình bạn dài lâu. Na Uy, cảm ơn những tình thân nơi xứ lạnh đã tặng hai vợ chồng chúng tôi những tình nồng.

Ser deg igjen, Norge. Tạm biệt Na Uy. Hẹn ngày tái ngộ.

Hoàng Quân

Phải Lòng Cô Gái Điếm

Hoàng Chính

1

Mày có chắc là mày còn din không ?
«Chắc.»

«Làm sao mày biết ?

«Tao không biết thì còn ai biết nữa ?»

Nắng đã tắt từ lâu. Trời đen thẫm bên ngoài. Mùa đã về qua những chiếc lá vàng rơi rải rác theo những câu thơ trong những tạp chí văn chương của thành phố. Mùa thu nằm co trên trang giấy. Heo may lẫn quần đầu môi những kẻ gạ tình. Không có mùa thu ngoài đời sống ở nơi này. Hơi nóng vẫn râm ran không khí. Bên ngoài vắng gió. Trong này, chiếc quạt trần lơ lững quay. Và cuộc đối thoại nhì nhằng mãi chẳng đi đến đâu.

«Mày có chắc không ?»

«Tao đã nói rồi.»

Những cánh tay phe phẩy tấm bìa cứng thêm cho mình chút gió. Nói hoài. Nhùng nhằng như bây chó

hoang giăng co miếng thịt ôi bên khung cửa lò sát sinh. Cuối cùng một đĩa nóng ruột ngắt ngang, «Kêu nó chứng minh !»

Một loạt những cái miệng hưởng ứng.

«Ừ, phải đó, kêu nó chứng minh đi.»

Một cái đầu gật gù. Rồi nhiều cái đầu gật gù. Và một cái miệng phán, «Chuyện này tôi quan trọng, không thể nhập nhằng được. Chứng minh xem nào.»

Hắn đề tay lên cuốn sách. Trong đó chỉ chít những chữ. Hắn như gã thủy thủ đắm tàu, chết đến nơi vẫn còn cố vớt vát được chữ nào hay chữ đó. Mỗi chữ là một phần của kho tàng đầy ắp những ngọc ngà, châu báu. Hắn ngược lên, trừng mắt nhìn những cái mặt nhăn nhó, «Chúng mày điên à ? làm sao chứng minh được. Tao biết tao còn là được rồi.»

Tiếng cười khuấy lên, tan vào thoáng gió chiếc quạt trần thông thả buông xuống từ trần nhà lát gỗ. Khu nội trú giờ này lẽ ra mọi người đều phải cúi đầu vào cuốn sách, bởi ngày mai thi rồi. Nhưng sức chứa của đầu óc chỉ có hạn. Giờ này học hết vô nổi rồi. Mọi ngăn trong đầu đã chật ních. Như lũ tàn binh bị vây khốn, cả bọn tung chạy trong hoảng loạn. Chung quanh đen kịt như

bầu trời bên ngoài. Không đốm lửa hy vọng nào le lói. Biết tìm đâu bây giờ. Đành xoay qua cầu cơ xin đề thi thôi. Con «cơ» là miếng gỗ hình trái tim, nghe nói khoét từ nắp quan tài người chết, đưa nào đó trong bọn đã cạy cục đi theo mấy đám cải táng mộ người chết và xin cho được một mảnh gỗ ván thiên, về cẩn thận cưa thành hình trái tim.

Chẳng chờ ngày lành tháng tốt nữa. Mai thi rồi. Bàn cầu cơ với những mẫu tự tô đậm nét. Có cả những mẫu tự mà chỉ tiếng Việt mới có như ă, â, ê, ô, ơ, ư... Mọi thứ đã sẵn sàng. Chỉ còn thiếu hai kẻ tình nguyện. Hai kẻ sẵn sàng đặt ngón tay lên trái tim gỗ đỏ thẫm máu bầm. Nhưng muốn cho «linh» người đặt ngón tay lên con cơ phải còn trinh. Tìm thứ ấy ở cái lũ người này khó hơn mò kim đáy biển.

Cả bọn nhìn quanh. Những con mắt dạt đến đâu, những cái lắc đầu theo đến đó. Chuyện này nghiêm trọng. Như thời trước người ta vẫn tìm trinh nữ để tế thần. Tìm mỗi mất, cuối cùng những con mắt dừng lại ở hấn. Nó đây rồi ! Tiếng reo vang động căn phòng. Giờ ạ. Giờ này mà nó còn ngồi ôm cuốn sách dày cộm thế kia !

Hấn không nhớ rõ mình có đỏ bừng mặt lên vì mắc cỡ (và ngâm hãnh diện) hay không. Lúc ấy hấn đã 20

tuổi. Hai mươi tuổi, hai năm làm sinh viên, nhưng đôi diện phụ nữ là mặt vắn đỏ bừng và hai cánh tay lập tức không biết nhét vào đâu.

Một đĩa giết phăng lấy cuốn sách từ tay hắn. «Giờ này còn học hành gì nữa !»

«Có chắc nó còn không ? Tao thường thấy nó giám giúi với con nhỏ Hụt Hơi trên hành lang Cơ Thể Học.» Một đĩa mách lẻo.

«Mày đừng nói bậy. Nó nhờ tao chỉ cái hình tâm điện đồ», hắn lấp bắp thanh minh.

«Mày thành cardiologiste hồi nào mà tao không hay vậy nhỉ !»

Cardiologiste là bác sĩ chuyên khoa tim mạch. Tâm điện đồ là hình ảnh dòng điện tim vẽ thành sơ đồ trên giấy, còn Hụt Hơi là cô gái học dưới hắn một lớp, có giọng nói lúc nào cũng như sắp đứt hơi. Ban đầu, khi Hụt Hơi hỏi bài, mặt hắn cũng đỏ bừng cơn hỏa hoạn. Riết rồi quen, hắn quên bằng Hụt Hơi là con gái, nhiều khi hai đĩa châu đầu vào nhau mà cãi cọ chuyện tâm thất, tâm nhĩ lao xao cả một góc hành lang.

Tìm ra được sinh vật hiếm quý, cả bọn vây quanh hắn. Mừng như lũ ma men ngã giúi vào quán rượu. Một

thằng bới đồng sách vở giấy tờ hỗn độn trong học tủ lôi ra một xấp hình nhỏ như những lá bài dí vào mặt hấn. Hấn nheo mắt nhìn tấm hình. Một cô gái tóc vàng không mặc gì hết đang ngồi trên bụng tên đàn ông da đen cũng không mặc gì hết.

«Kiểu gì đây ?»

Mặt hấn nóng bừng.

Thằng bạn vẫn không tha, «Tao bảo nhìn vào tấm hình rồi nói cho tao biết kiểu số mấy trong 36 kiểu ăn chơi ?»

Tiếng cười - rộn ràng như sấm - làm rung cả những mảnh ván gỗ ghép sàn nhà.

«Đứng dậy cho tao khám.» Một đứa xóc vai kéo hấn dậy, nhưng hấn không thể nào đứng dậy được.

«Mày bắt nó đứng lên gấp vậy lỡ gãy thì sao. Thôi được rồi tao tin nó còn din. Còn din mới nhay như thế.»

Nếu sàn nhà lúc này có cái hang, hấn sẽ chui tọt ngay xuống. Da mặt hấn chột dầy lên. Nhưng nhờ vậy mà hấn thành ứng viên chính trong buổi lễ cầu cơ xin câu hỏi kỳ thi ngày mai.

Cuộc điều tra chọn ứng viên phụ cũng gay go không kém. Cả một khu cư xá sinh viên chỉ có một mình hần là còn nguyên vẹn. Lũ bạn đành chọn một đĩa dầu không còn nhưng cũng chỉ mất cái sự «không còn» cách đó không lâu.

Phải gian nan như thế bởi cầu cơ cần hai người đặt ngón tay trở lên mảnh gỗ hình trái tim. Hai người để tránh gian lận, mất linh nghiệm. Và nhất là hai đĩa ấy phải còn din thì mới linh nghiệm. Thiên hạ quả quyết như thế.

Khi bị điểm mặt, cái đĩa «mới mất» không chịu nhận việc, bởi nó là đĩa sợ ma. Nghe nói lúc nhỏ ở dưới quê, nó đã có lần bị ma giấu trong bụi dâm bụt, miệng ngậm đầy bùn, nên bây giờ nó không muốn dính líu tới bất kỳ ai ở thế giới bên kia. Tuy nhiên với chuyện thi cử, thì không thể ích kỷ, mà phải biết sống cho anh em, bạn bè.

Lũ bạn nhùng nhằng mãi làm nó bực mình, «Tại sao phải hai đĩa mới được chứ?»

«Luật nó là như thế.» Trưởng nhóm gạt ngang và xoay qua cái đĩa đang được phổng ván, «Mày mất lâu chưa?»

Cái giọng rụt rè cất lên, «Mới đây thôi.»

«Mới đây là bao lâu ? Sáu tháng, một năm hay mười năm ?»

Vẫn cái giọng rụt rè, «Thứ Bảy tuần trước.»

«Tại sao lại mất ?»

Cái giọng rụt rè biến mất, thay bằng cái giọng phát ra từ cái cổ hần những đường gân xanh, «Mày có điên không ?»

«Mất mấy lần ?» Kẻ thăm vẫn vẫn kiên nhẫn hỏi.

«Làm sao mất nhiều lần được mà mày hỏi ầm ớ thế !»

Tiếng cười lại vang dội một góc khu cư xá.

Cuộc thăm vẫn rút ngắn khi cái đứa can tội dẫn bạn đi chơi bởi đứng ra thú nhận chính nó dẫn bạn mình xuống xóm cho mấy cô gái làng chơi giày vò hôm thứ Bảy tuần trước.

Siêng học nhưng cũng ham chơi. Ngoài hần ra, cả bọn không đứa nào mà không bận rộn chuyện bò bịch. Đến khi kỳ thi ập đến, đứa nào cũng cuống lên. Không có cách nào khác ngoài chuyện níu kéo những hồn ma chưa kịp đầu thai, vẫn còn lẩn khuất quanh đây để hỏi xem ông thầy sẽ hỏi những câu gì trong bài thi.

2

Giây phút linh thiêng bắt đầu. Những bóng điện tắt ngúm cho ánh nền chập chờn, hắt những chiếc bóng lô nhô lên vách tường. Hấn không tin chuyện cầu cơ. Hấn không thể nào tưởng tượng được cái đám học khoa học thực nghiệm mà lại mê chuyện siêu nhiên, ma mị như thế này. Tuy nhiên hấn không thể trốn tránh cái trách nhiệm cao cả là tìm xem thầy sẽ hỏi những gì trong bài thi ngày mai.

Những con mắt nhắm hờ. Những cái miệng ngậm chặt. Những cái đầu gật gù làm những cái bóng hắt trên vách tường vất vả lắc lư theo.

Chợt, mảnh gỗ hình trái tim nhúc nhích. Những tiếng thở hắt ra đầy phấn kích. «Nhập rồi ! Nhập rồi !» Tiếng xì xào vuốt ve hấn. Hấn mở hé con mắt phải. Khẽ đẩy ngón tay. Con cơ lại nhúc nhích.

«Xin hồn cho biết hồn là nam hay nữ.» Một câu hỏi, từ cái lồng ngực hỗn hển sắp đứt hơi vì hồi hộp.

Hấn thông thả đẩy con cơ chạy vào những mẫu tự N. A. M.

«Xin hồn xác định phải là nam giới không ?»

Hắn đẩy con cơ qua chữ «Yes.»

Lại những tiếng thở phào đầy khoái lạc.

«Đàn ông con trai chúng mày ạ.» Đứa nào đó thì thầm.

«Xin cho biết hôn là trẻ em hay người lớn ?»

Hắn suy nghĩ. Con cơ ở đầu ngón tay hắn chạy vòng quanh rồi ngừng lại ở số 7.

Một đứa buột miệng, «Vây là bằng tuổi thằng em tao hồi nó chết đuối.»

Hắn mừng. Bởi hắn biết rõ về thằng bạn này. Nó ở Phan Thiết về Sài Gòn trọ học. Nó là cái đứa bạn này bắt hắn phải chứng minh nợ kia.

Thế là thằng sinh viên từ Phan Thiết lên Sài Gòn trọ học trở thành quyền uy, nó đồng dục, «Xin hôn cho biết quê quán ?»

Con cơ chạy theo đầu ngón tay trở của hắn thành cái tên «Phan Thiết.»

Gặp người nhà rồi ! May quá ! Người nhà chắc chắn sẽ giúp tìm đề thi cho tụi mình. Tiếng xì xào dậy lên trong hân hoan.

«Xin cho biết hồn chết vì lý do gì ?» Một đứa hỏi.

Đứa khác gắt, «Hỏi làm gì chuyện vớ vẩn ấy, lo cái đề thi đi kìa.»

Những câu hỏi tuần tự tuôn ra. Những thằng bạn của hắn như bị ma ám, bỗng dưng hỏi toàn những chuyện ngoài đề, như thể thay vì bắt xuất trình giấy tờ tùy thân, chúng nó bắt «hồn» trả lời một số câu hỏi liên quan đến chi tiết cá nhân. Có đứa đa nghi còn hỏi cả tên vị giáo sư trưởng bộ môn Vi Trùng Học. Những câu hỏi làm một hắn, làm nhức cái đầu suy nghĩ, làm mỗi con mắt nheo nheo và mỗi cả cánh tay cứ phải duỗi thẳng để con cơ đánh vắn cho đúng.

«Xin hồn cho biết có phải hồn chết đuối không ?»

Ngón tay hắn chạy đều. Những con mắt dõi theo và thì thầm đánh vắn, «K.h.o.n.g. q.u.a.n.t.r.o.n.g. A ! hồn bảo không quan trọng. Hỏi câu khác đi.»

«Xin hồn cho biết thầy Vi Trùng Học sẽ hỏi những câu gì ?»

Cả lũ lại lẩm nhẩm đọc cái câu hồn vừa phán, «Không quan trọng.»

Thằng bạn Phan Thiết ngao ngán lắc đầu, «Chắc hồn còn nhỏ quá nên không biết gì hết.»

Con cơ đầu ngón tay hấn và thằng bạn đứng sừng lại. Hỏi thế nào cũng không nhúc nhích nữa.

«Mày nói lời xúc phạm, hồn giận, hồng thăng luôn rồi.» Một câu trách móc. Thêm vài ba câu trách móc nữa, rồi đến những câu năn nỉ. Nhưng năn nỉ thế nào hồn cũng không nhập nữa. Bởi hấn đã mỏi tay rồi.

3

Tối hôm ấy hồn chẳng giúp gì cho cái đám ham chơi, kết quả là quá nửa số tín đồ cầu cơ không đủ điểm môn Vi Trùng Học, phải thi lại khóa hai.

Chuyện cầu cơ đêm ấy cho đến bây giờ cả lũ vẫn tin là có thật. Riêng hấn, mỗi lần nghĩ tới hấn lại thích thú cười thầm. Đó là lần cầu cơ đầu tiên và cuối cùng của hấn, bởi sau đó không lâu, hấn thành người lớn, không còn tiêu chuẩn ngồi đặt ngón tay lên miếng gỗ hình trái tim mà vẽ chuyện nữa.

Số là một buổi chiều thằng bạn khi gió kia dài lời thuyết phục rằng «mày học Cơ Thể Học, Sinh Lý Học, mày khám bệnh nhân mà mày chỉ coi hình trong sách là chưa biết gì hết ráo. Đi theo tao. Có chết đâu mà sợ.»

Thằng bạn nói đúng. Chả ai chết cả.

Hoàng Chính

* Trích đoạn truyện dài «Ông Thầy Thuốc Trẻ Và Cô Gái Điểm» sắp xuất bản.

Ơn Trong Từng Phút Giây

Cam Li Nguyễn Thi Mỹ Thanh

Một người bạn nói với tôi rằng có những bài thơ hoặc những đoạn văn nằm hoài trong đầu của mình từ hồi còn nhỏ, nên khi được nhắc tới thì tự động tuôn ra. Tôi thấy có lý.

Mỗi khi có dịp nói chuyện với ai về lòng biết ơn, tôi cứ như theo quán tính, chia sẻ một bài thơ ngày xưa tôi học ở bậc Tiểu Học. Không hiểu vì sao ! Vì mình có tính hoài cổ ? Hay vì đầu óc tuổi nhỏ dễ khắc ghi ? Hay vì đây là bài học bắt buộc trong sách giáo khoa ? Hay chỉ đơn giản là vì bài thơ có lời lẽ giản dị mà sâu sắc ? Bài thơ như sau :

Giấc Mơ (1)

Nằm mộng thấy nông phu lại bảo :

«Ra công làm kiếm gạo từ đây
Tao thôi chẳng có nuôi mày
Phải lo trồng trọt cấy cày cho siêng»
Người dẹt cửi dặn mình làm áo
Chú thợ hồ lại bảo cầm bay
Bơ vơ chẳng kẻ đoái hoài
Tôi mang thơ thần đoạ nài cùng nơi.

Tôi túng thế vái Trời cứu thử
 Lại thấy kia sư tử trên đàn
 Tỉnh ra, thấy sáng, mơ màng
 Tiểu công hút gió, rộn ràng trên thang.
 Nghe máy dẹt rần rần tiếng chạy
 Ruộng đâu đâu cũng cấy đã xong
 Phận mình nghĩ lại thông dong
 Mới hay dưới thế ai không nhờ người.
 Từ ngày rõ cuộc đời đắp đổi
 Cảm thương người xã hội như nhau
 Dập dìu kẻ trước người sau
 Sức riêng một ít giúp vào lợi chung.

(Nguyễn Ngọc Ân)

Bài thơ không hề có chữ «biết ơn» hay «cảm ơn», nhưng mặc nhiên đã dạy chúng ta ghi nhớ những gì mà mỗi người chúng ta được hưởng hàng ngày, không phải đương nhiên, mà là do công sức của biết bao người, của biết bao nghề.

Trong kho ký ức của tôi, âm thanh lưu lại khá sâu đậm có lẽ là tiếng «leng keng» ngày xưa. Tiếng leng keng phát ra từ chiếc xe vận tải lấy rác. Đi học sáng sớm, nghe tiếng leng keng trước khi nhìn thấy chiếc xe to tướng. Còn trong các con hẻm, những người phu đổ rác làm công việc của mình, vất vả nắng mưa. Ở xứ

mình hiện nay cũng vẫn còn cảnh người lấy rác mỗi ngày gom những bịch rác trước từng nhà cho vào chiếc xe nhỏ của mình rồi đem ra đường lớn. Thường đó là những chiếc xe ba bánh cũ kỹ, ọp ẹp. Sẽ vẫn luôn có cảnh ấy, vì vẫn còn những xóm nghèo, những khu ổ chuột, nhà mọc chen chúc, với lối đi bề ngang chỉ vừa cho một hay hai chiếc xe đạp. Ở những xứ tiến bộ, mọi việc đều được cơ giới hóa, người công nhân vệ sinh ít khi phải ra khỏi xe. Họ có phương tiện bảo vệ cá nhân tốt hơn. Công việc nâng các thùng rác, đổ rác vào thùng xe lớn, trả thùng rỗng lại chỗ cũ... tất cả đều do máy làm. Nhưng mỗi khi nghe tiếng máy xe chạy vào sáng sớm một ngày cố định trong tuần, có lẽ không ít người cảm thấy nao lòng như tôi, vì khi mình còn nằm trong chăn ấm thì họ, những người công nhân, đã phải ra đường làm việc rồi !

Sao tôi lại nói về chuyện đổ rác nhiều như vậy ? Có lẽ vì đó là bài học sống khá sâu sắc cho tôi khi nghĩ về ơn đời, mà những khía cạnh của cuộc sống đã được bài thơ «Giấc Mơ» hầu như đã nói lên đầy đủ.

Trong mọi sinh hoạt của chúng ta, ơn hiện diện hàng ngày. Ôn chỉ được gọi là «ơn» khi chúng ta biết nó. Và từ sự «biết ơn» đi đến «cám ơn» còn có một khoảng cách. Người phương Tây nói «cám ơn» rất dễ dàng, để

tỏ lòng biết ơn thật sự cũng có, vì lịch sự cũng có. Có người trách người Việt không biết cảm ơn, điều này thật oan. «Văn hóa biết ơn» luôn có, được minh chứng qua cách giáo dục ở nhà và ở trường. Tuy nhiên, để biểu lộ thành lời «cảm ơn», quả thật có chút khác với «văn hóa cảm ơn» của người phương Tây.

Biết ơn không chỉ một ngày, một mùa. Bởi ơn đòi đến với chúng ta trong từng phút giây. Nhưng nói ra được, bày tỏ được, càng hay hơn nữa. Người bán cảm ơn người mua, người mua cảm ơn người bán, dễ thương vô cùng !

Một bác người Việt, sống ở Mỹ, luôn giữ ý kiến cho rằng người Mỹ cảm ơn hay xin lỗi chỉ là «đầu môi chót lưỡi» chứ không thật lòng. Cũng hơi oan cho người Mỹ. Nếu không có cái gọi là «đầu môi chót lưỡi» đó, cuộc sống sẽ đáng chán lắm. Tưởng tượng nếu mình vào ăn trong một tiệm, khi đi ra, thực khách nói «cảm ơn» nhưng chỉ nhận lại những đôi mắt nhìn mình lơ lơ mà không có tiếng «cảm ơn» thì chắc là buồn lòng lắm, và chắc cũng sẽ không muốn trở lại tiệm ăn này.

Chữ «tạ ơn» trong tiếng Việt rất hay. Định nghĩa chữ «tạ» trong Tự điển của Hội Khai Trí Tiến Đức (đầu thế kỷ 20) cho thấy «tạ» là «có lời nói với ai để cảm ơn hay xin lỗi.» Như vậy đã rõ, từ biết ơn đến tạ ơn, có một

khoảng cách. Khoảng cách đó ngắn hay dài, còn tùy vào mỗi người.

Trong gia đình, thường người ta có tâm lý cho rằng những gì người thân làm cho mình là chuyện đương nhiên, nên lời cảm ơn ít khi được nói ra. Thật hơi tiếc ! Ôn không chỉ là những gì to tát, thậm chí trừu tượng. Ôn là những gì chúng ta làm cho nhau rất bình thường. Một tách trà, một cốc cà phê để sẵn mỗi buổi sáng, một bữa ăn ấm áp gói ghém mang đi... cũng xứng đáng nhận lại một lời cảm ơn.

«Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy» là đạo lý «biết ơn» của người Việt. Nếu không được đến trường, đó là nỗi bất hạnh lớn. Được đến trường, và lại được hưởng một nền giáo dục «nhân bản, dân tộc và khai phóng» là một đại phước.

Một bác người Việt khuyên con cháu rằng :

«Biết ơn, không chỉ «nói» mà còn chứng tỏ bằng hành động. Biết ơn cha mẹ, người ta thường sống cho thật tốt để không uổng công cha mẹ sinh dưỡng mình. Biết ơn thầy, thì hãy làm những việc có ích cho xã hội để khỏi phụ công thầy dạy dỗ. Vợ chồng, anh em biết ơn nhau thì trân quý nhau vì chỉ sống với nhau một kiếp. Biết ơn người chiến sĩ thì xin đừng làm tủi nhục màu cờ đất

nước và bộ quân phục cao quý của họ !»

Người Việt tha hương còn có quê hương thứ hai hoặc thứ ba trên đường đi tìm tự do. Những người cuu mang, giúp đỡ mình, họ không cần sự đền đáp, trả ơn. Cũng như người Việt mình nói «thi ân bất cầu báo» vậy. Đồi lại, khái niệm «pay it forward» khiến chúng ta làm những việc tốt đẹp cho những người khác, như một cách trả ơn cho ân nhân của mình. Biết ơn quê hương thứ hai hay thứ ba này, không chỉ đóng thuế là đủ, mà còn phải gìn giữ những giá trị cao đẹp, như tự do, dân chủ, công chính, công bằng... của đất nước mình đã chọn đến.

Từ một câu trong bài thơ khá dài «On Love» của nhà thơ, họa sĩ Kahlil Gibran (người Mỹ gốc Lebanon, 1883-1931), được dịch sang tiếng Việt (xin lỗi, người viết chưa biết chính xác tên của dịch giả) :

«... Wake at dawn with a winged heart and give thanks for another day of loving...»

«Cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy
Tôi có thêm ngày nữa để yêu thương»

Nhiều người «pay it forward» qua việc hiến tặng tiền bạc, vật phẩm, thức ăn cứu giúp người nghèo; qua việc tặng tóc, hiến máu, hiến nội tạng, hiến thân xác cho khoa học. Đó là những cách Cám Ôn Đời.

Chúng ta vẫn không quên thời đại dịch COVID-19, trận dịch đã giết chết hàng triệu người trên thế giới. Lòng biết ơn của chúng ta càng đặc biệt sâu nặng dành cho những nhân viên y tế ở tuyến đầu, những người cứu chữa bệnh nhân. Có khi họ hy sinh bằng cả mạng sống của chính mình. Xin tri ân các nhà khoa học nghiên cứu tìm thuốc chữa bệnh và vaccine, các tình nguyện viên tham gia thử nghiệm để có được vaccine an toàn và hiệu quả. Những ngày «shelter-in-place» càng làm chúng ta vô cùng biết ơn những người đã hy sinh cung cấp các dịch vụ thiết yếu hàng ngày như thực phẩm, nước sạch, bưu điện; những người giao hàng, những người làm công việc vệ sinh v.v... Chưa hết, trong thiên tai như cháy rừng, bão lụt, chúng ta còn nhận ơn từ những người lính cứu hỏa, nhân viên cứu nạn, tình nguyện viên khắp nơi... Kể sao cho hết Ôn Đời !

Tôi nhớ lại hình ảnh một em bé còn nhỏ xíu, với ánh mắt của bé nhìn mẹ khi được mẹ cho bú. Đó là ánh mắt tỏa ra sự sung sướng, thỏa mãn, và biết ơn. Nhưng tôi

nghĩ, lòng biết ơn không đơn giản là bẩm sinh, mà còn đến từ sự giáo dục, đi vào trí óc, từ đó, chiếu rọi vào mạch tim.

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

(1) Còn có tựa là «Giác Mộng Kinh Hoàng»

Ái Nên Ôn Tình Nên Nghĩa

Chúc Thanh

Đây là chuyện tình yêu xưa, xa xưa lắm rồi, nhưng dư âm vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm đến thế hệ chúng ta hôm nay... hình như con người sống nương tựa rất nhiều vào tình yêu... tình yêu cho con người nhiều ý nghĩa thiêng liêng, nhiều giá trị đậm đà đáng sống. Nếu hỏi tại sao là vậy, thì thưa rằng bên cạnh tình yêu và cuộc mưu sinh, ta còn có những gì ? Bầu cử ư, bầu cử đã qua rồi, ngã ngũ rồi, không còn gì để bàn nữa. Nhưng nếu bạn muốn theo dõi hậu bầu cử, đó cũng là ưu điểm, coi thế sự cuộc đời sẽ diễn tiến ra sao những ngày sắp tới. Trước mắt, bên cạnh, xung quanh còn vây phủ đe dọa đầy chiến tranh tàn khốc hủy diệt đe dọa sự sống còn của nhân loại bằng những vũ khí của khoa học hiện đại tân tiến, cộng với lòng ác độc của tham vọng, của chính trị không phương giải quyết.

Nếu chiến tranh cứ kéo dài mãi thì trái đất không còn một sinh vật nào sống sót, hiện hữu, trái đất này sẽ là một đồng khô cỏ cháy với bừa bộn những xác người bị nướng khô...

Bỏ qua những điều tưởng tượng sợ hãi kinh dị mà trở về với một chút gì dễ chịu tươi mát hơn, là tình yêu, một

tình yêu xa xưa, nhưng vẫn luôn mang giá trị vĩnh cửu, không đàn áp không tấn công như một hơi thở, như nhẹ nhàng êm ái điều hòa cuộc sống cho quân bằng.

Xin kể ra đây là một tình yêu của một bậc trưởng thượng, mẫu nghi thiên hạ, coi như khuôn vàng thước ngọc của chung hết thảy mọi người chúng ta.

Thưa đó là chuyện của cụ Nguyễn Công Trứ. Nói về cụ Nguyễn Công Trứ, thì đúng là một đề tài xa xưa, không mới mẻ mà ai ai là người Việt Nam, đa phần cũng biết cụ. Cụ sống vào khoảng 1778-1859 đời nhà Nguyễn thế kỷ 19.

Năm Gia Long thứ II, cụ đã dâng vua kế sách quản trị an ninh, hành chánh và kinh tế. Tuy nhiên vì thi cử lận đận, mãi năm Gia Long thứ 18, cụ mới thi đậu Giải Nguyên và được ra xuất chính làm quan. Thời còn học trò, cụ sống hàn vi nghèo khó, gia cảnh đạm bạc, nên khi ra đời và trong suốt cả cuộc sống, cụ thành công và nổi tiếng với triết lý sống : biết đủ.

Tri túc tiện túc đại túc hà thời túc,
Tri nhàn tiện nhàn đại nhàn hà thời nhàn.

Triết lý tri túc tri nhàn luôn có giá trị vượt thời gian mãi mãi là một bài học đứng đắn cho mọi thế hệ sau.

Thuyết «tri túc» như còn giúp cho cá nhân sống quân bình và giúp xã hội tránh được tội ác, tội và tội phạm đây rầy có thể xảy ra bất kể lúc nào.

Ngoài triết lý sống đúng và thoải mái đó, cụ còn là một người có tài văn chương, như một nhà mô phạm canh chừng răn đe cho các phạm trù nghiêm minh của không giáo.

Dưới các thời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức, cụ giữ chức Thị Lang Bộ Hình. Kể là Thượng Thư, cột trụ lo việc nước, về quân sự, cụ cùng binh tướng dẹp yên giặc Phan Bá Vành, Nông Văn Vân và bình định chiến tranh Việt-Xiêm La.

Cụ còn có nhiều tài kinh bang tế thế, đi khai khẩn đất hoang, làm thành các làng xã, cho dân vô gia cư đến sinh sống lập nghiệp, cụ thành lập các xã huyện Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình) Ninh Cường Giao Thủy ở Bắc Việt, vì nhớ công ơn vỡ đất của cụ, sau này nhiều nơi đã thờ tự ghi ơn cụ, coi như cụ là vị thần Hoàng làng.

Nhờ tài ba và siêng năng hoạt động, cụ có sức khỏe tốt, tâm hồn phóng khoáng và sống thọ so với những người đồng thời. Lại nữa bản chất là người khảng khái, tính tình cương trực, nên đã có lúc đi làm quan mà cũng

bị phát vãng, đến phải thốt lên lời :

Ra trường danh lợi vinh liền nhục,
Vào cuộc trần ai khóc lẫn cười.

Thuở còn hàn vi, lận đận thi cử, mãi tới năm 41 tuổi cụ mới vào hoạn lộ. Bên cạnh tính tình cương trực, cụ vẫn là người đầy tình cảm lãng mạn, khi nghèo khó, người đã thích đi xem hát ví, hát ả đào, gửi lòng vào cung thương lầu bạc ngũ âm.

Khi còn là học trò nghèo, cụ không có tiền mà vẫn thích đi coi ké các vương tôn công tử nhà giàu tổ chức ca hát, cụ nghe hát ví, hát ả đào và say mê tiếng trống châu, say mê lời nhạc câu ca, say mê luôn các con hát, gọi là cô đầu hay ả đào. Chữ ả đây không có nghĩa gì xấu, mà chỉ là để gọi một người đi hát. Có lần đó, cụ đứng dòm và nghe từ cổng và cụ lỡ phải lòng ngây ngất một cô đào thanh sắc vẹn toàn, rồi buồn vì không biết làm sao gặp lại người đẹp, cụ liền nghĩ ra một cách là xin đi theo sách đàn và trống, cặp táp cho cô nàng. May quá cụ được nhận làm việc ấy vì cô đào Tám biết cụ là học trò. Cụ cung cúc tận tụy đi theo ca sĩ như một tài xế thuở nay.

Rồi có một ngày, cô đào Tám được quan viên mời đi hát ở một nơi khá xa. Cùng đi với cô, có một tiểu đồng theo hầu, và có cả cụ Nguyễn Công Trứ tháp tùng mang đàn và trách bên vai. Đi được vài dặm đường, cụ Nguyễn báo động là lỡ quên cây đàn nhị và song loan để gõ nhịp.

Làm sao bây giờ ? Rồi cô đào miễn cưỡng cùng với cụ vào nghỉ chân tạm dưới một gốc thông già rộng lớn, tọa lạc ven Đường. Cô chủ nhờ tiểu đồng quay về nhà lấy dụng cụ.

Khi còn lại chỉ hai người giữa đồng ruộng mênh mang, cụ Nguyễn xúc động và rồi ra sức tán tỉnh cô đào, nhưng tâm trí cô còn để cả vào buổi hát chầu sắp tới, nên cô chỉ «ừ hử ừ hử» cho qua chuyện. Rồi mọi chuyện qua đi, chuyện tình cảm yêu đương ngắn ngủi rồi cũng qua mau, vì mỗi người bận một công việc riêng tư.

Cụ quay lại con đường học trò, và lại là người có lý trí mạnh, nên tiếp tục vui đầu vào đèn sách, lo học lo thi cử một cách dững mãnh rắn rỏi :

*« Trước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt,
Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên,
Có giang sơn thì sĩ đã có tên
Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý.
Miền hương đảng đã coi là hiếu nghị
Đạo lập thân phải giữ lấy cương thường
Khí hạo nhiên chí đại chí cương
So chánh khí chất đầy trong trời đất»*

Con người đầy tình cảm luyện ái đam mê, nhưng cùng lúc người cũng giàu nghị lực vượt thoát thường tình.

Rồi tới ngày đại đẳng khoa, cụ Nguyễn thi đậu và bước vào công danh sự nghiệp. Nhân một dịp lễ hội hát chầu văn thơ với bạn bè, với các cô ả đào. Tập nập tới.

Trong số các ả đào được mời đến, hiện diện cô Tám là cố nhân lúc cụ còn hàn vi... mà cụ đã từng say mê đắm đuối, nhưng cụ vô tình chưa hay biết, thì người xưa đã hát lên rằng :

*«Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền duyên ứ hự anh hùng nhớ chẳng ?»*

Nghe câu hát, cụ giật mình, sững sốt nhìn ra người xưa, cụ xúc động và đọc một bài thơ tặng nàng :

*«Liếc trông đáng giá mấy mươi mươi
Đem lòng vàng để cạnh tiếng cười
Trắng xé nhưng mà cung chẳng khuyết
Hoa tàn nhưng nhụy vẫn vui tươi
Chia đôi duyên nợ đã hơn một
Mà nét xuân sơn vẹn cả mười
Vị chút tình duyên nên đắm thắm
Khéo làm cho bạn khách làng chơi.»*

Sau đó, cụ nhờ người đi mua sắm phẩm vật kính biểu và trao tiền vàng bội hậu làm quà kỷ niệm cho người xưa. Sử liệu không ghi rõ, rồi sau, cuộc tình này đi về đâu.

Trong số các cô đào hát đó, có nhiều người có học, họ thông minh và ứng xử văn chương đối đáp rất tài tình. Cụ cũng kể lại rằng, trước lúc gặp cô đào Tám, cụ có gặp cô đào Nhi thông minh đĩnh ngộ, cụ cũng say mê theo đuổi nghe hát nhiều ngày, mà kết là một dịp đó, cụ đang tìm vàng thơ để tán tỉnh nàng thì nàng đã lạnh trí hỏi cụ một lô câu hỏi :

*«Hỏi anh hà tỉnh, hà danh ?
Hà châu, hà huyện, niên canh kỷ hà ?»*

Thiệt là một câu hỏi, hỏi nhiều thứ : năm sanh, quê quán, tỉnh nào, huyện nào, châu nào, bao nhiêu tuổi ?

Cụ Nguyễn chới với vì làm sao mà trả lời bằng ấy ý trong một câu thơ lục bát như của nàng ? Cụ liền phải nói đi ngả khác, không chuẩn ý :

*«Trước Lam Thủy, sau Hồng Sơn
Người nào đọc sách, gảy đàn là anh»*

Đã đôi không xong thì phải trốn đi xa nàng thôi. Tuy vậy không phải thi nhân chỉ biết làm thơ tán đào, mà khi đứng tuổi, đã yên bề gia thất, có những lúc xa gia đình, người cũng nhiều lần nhớ nhung người vợ ở xa một cách đắm đuối :

*«Tương tư không biết cái làm sao
Muốn vẽ mà chơi vẽ được nào ?
Khi đứng khi ngồi khi nói chuyện
Lúc say lúc tỉnh lúc chiêm bao
Trăng soi trước mặt ngò chân bước
Gió thổi bên tai ngõ miệng chào
Một nước một non người cách biệt
Tương tư không biết cái làm sao !»*

Người vợ ấy thương chồng lặn lội đi thăm, đường xa muôn dặm vất vả, nhìn dáng đi siêu siêu vẹo vẹo của người vợ luống tuổi, cụ Nguyễn cảm thương mà thốt lên lời :

*«Đành nhẽ bút nghiên mà kiếm mã
Thương ời kim chỉ cũng phong trần !»*

Tình yêu thương như đang nghiêng ngả về cuối đường, nhiều thương hơn yêu, nặng nghĩa hơn tình. Cho hay qua năm tháng, qua bao niên kỷ, tình yêu tự nhiên vẫn gắn kết với ý niệm thiêng liêng « ái nên ơn, tình nên nghĩa.»

Trích phỏng lược Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện
của nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế

Chúc Thanh

Tiếng Chuông Thiên Mục

Nguyễn Thị Hải Hà

Dù bạn chưa từng đến Huế, nhưng đã từng nghe tiếng địa danh này qua hai câu hò quen thuộc :

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương.*

Tiếng chuông Thiên Mục được gióng lên từ cái đại hồng chung đúc bằng đồng vào năm 1710 của chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) tặng cho chùa. Chuông nặng gần 2000 kg, cao hai mét rưỡi, và được công nhận là bảo vật của quốc gia từ năm 2013. Thật ra chùa Thiên Mục có đến hai cái đại hồng chung. Cái thứ nhì nhỏ hơn, nặng 400kg được vua Gia Long tặng.

Chùa Thiên Mục được chúa Nguyễn Hoàng (1525-1613) cho lệnh xây cất từ năm 1601. Vua Tự Đức (1828-1883) có rất nhiều vợ nhưng không con nối dõi. Năm 1862 đang lúc cầu tự, e ngại chữ thiên (nghĩa là trời) chạm đến các bậc thiêng liêng, vua cho đổi tên chùa thành Linh Mục.

Lần đầu tiên có tiếng chuông Thiên Mục chắc là phải sau năm 1710. Không biết câu hò «tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương» được ai viết ra và từ bao giờ,

nhưng rất có thể, vị vua đầu tiên nhắc đến tiếng chuông Thiên Mục là vua Thiệu Trị; bởi vì bài thơ «Thiên Mục Chung Thanh» của vua Thiệu Trị được khắc trên bia đá và bia này được dựng lên từ năm 1846 hiện nay vẫn còn ở trong khuôn viên chùa.

Bài thơ Tiếng Chuông Thiên Mục trên Wikipedia tiếng Việt có những câu như sau :

[...]

*Bách bát hồng thanh tiêu bách kết
Tam thiên thế giới tịnh tam duyên
Tăng hoàng ngộ nhật u minh cảm
Liêu lượng dân tiêu đạo vị huyền*

[...]

Dịch là :

[...]

*Tiếng ngân trăm tám tan trăm oán
Thế giới ba ngàn giải nợ ba
Chuông động giữa trưa miền tối ám
Kinh gieo canh sớm đạo tăng gia*

[...]

Dựa vào bài thơ của vua Thiệu Trị, chuông được gióng lên 108 tiếng vào giữa trưa để giải tỏa 108 tội lỗi của con người. Tôi đến xem chùa Thiên Mụ và tháp Phước Duyên, ở không đủ lâu, hoặc là không đủ duyên lành, không được nghe hồi chuông gióng giả.

Chùa Thiên Mụ tọa lạc trên ngọn đồi cao tên Hà Khê. Tương truyền, sau khi cha của chúa Nguyễn Hoàng là Nguyễn Kim bị quan nhà Trịnh dùng thuốc độc ám hại và anh ruột (Nguyễn Uông) bị Trịnh Kiểm giết chết, chúa Nguyễn biết là chúa Trịnh sẽ không để ông yên nên vắn kếp Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm xin tìm cách giúp thoát thân. Ông được Trạng Trình tặng cho câu sấm «Hoành Sơn nhất đối, vạn đại dung thân» có nghĩa là một dãy núi nằm ngang có thể làm chỗ nương thân muôn đời. Nguyễn Hoàng dẫn quân lấy có đi đánh giặc vượt Hoành sơn vào Thuận Hóa rồi bắt đầu xây dựng cơ đồ. Khi đi ngang đồi Hà Khê bên cạnh dòng sông Hương uốn khúc, nhìn giống như con rồng đang ngoảnh đầu ra phía sau, phong cảnh vừa hữu tình vừa hợp phong thủy bèn chọn vùng đất này để xây thành dựng nước. Kinh đô Huế chỉ cách chùa Thiên Mụ chừng 5 km.

Năm 1844, vua Thiệu Trị cho xây tháp Phước Duyên để mừng lễ «bát thọ» của Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu

(vợ vua Gia Long, bà nội vua Thiệu Trị). Tháp Phước Duyên có bảy tầng, cao 21 mét, được đặt trên khoảng sân rộng hình thang. Tương truyền mỗi tầng đều có tượng Phật, và đặt trên tầng cao nhất là tượng Phật bằng vàng nặng 12 kg. Ngày nay cửa vào tháp được khóa kín không biết bên trong có còn tượng Phật cổ nào hay không. Riêng tượng Phật bằng vàng tương truyền đã bị mất trộm vào tay một tên quan cầm quyền người Pháp.

Huế có nhiều chùa, nhiều lăng tẩm không thua gì Kyoto của Nhật Bản. Nổi tiếng đẹp nhất Huế (và có lẽ nhất miền Nam lúc bấy giờ) là chùa Thiên Mụ. Chùa của vua xây, được nhiều vị vua đến tham quan, và đề thơ ca ngợi, không đẹp sao được. Ngoài tám bia khắc bài thơ của Thiệu Trị, còn bia khắc bài văn của chúa Nguyễn Phúc Chu, và một bài thơ của vua Khải Định vẫn còn ở chùa Thiên Mụ. Sau Thiên Mụ, chúa Nguyễn Hoàng còn cho xây thêm bốn ngôi chùa nữa. Chúa dụng tâm dùng đạo Phật để trị an thiên hạ. Có lẽ không ngoa khi bảo rằng vào triều đại nhà Nguyễn, Huế là cái nôi phát triển Phật giáo.

Có chùa thì phải có chuông và trống. Đó là lễ nhạc của Phật giáo. Tiếng chuông chùa, đặc biệt là tiếng đại hồng chung, rất trầm ấm ngân nga, luôn gây cảm xúc trong lòng các nhà thơ từ xưa đến nay.

Huế nổi tiếng mưa. Những cơn mưa kéo dài hằng tháng đầy thơ mộng mà cũng buồn rĩ rượi, xuất hiện rất nhiều trong văn thơ và nhạc. « Chiều nay mưa trên phố Huế. Kiếp giang hồ không bến đợi. Mà mưa sao vẫn rơi rơi hoài cho lòng nhớ ai.» [1] Tuy vậy, tám ngày tôi ở Huế ngày nào cũng nắng đẹp.

Sông Hương nước chảy hiền hòa sóng lăn tăn vỗ về mạn thuyền hình đầu rồng cập bến trước chùa Thiên Mụ. Phượng vĩ vẫn còn nở hoa rực rỡ như những đóm lửa cháy trên trời xanh. Mây trắng bông bênh như trôi ra từ câu thơ «bach vân thiên tải không du du.» [2]

Tôi bỗng có cái cảm giác tôi đã từng gặp cảnh này ở đâu đó, vào một kiếp nào đó, rất xa xưa. Năm 2005 tôi đã từng đến nơi này. Một tấm ảnh cũ gần hai mươi năm trước có tôi tóc dài chấm ngang hông, bước dọc theo ven bờ sông Hương, bên trên là chùa Thiên Mụ. Nhưng cái cảm giác déjà vu không phải từ chuyến đi vội vã ấy. Tôi không kịp xem chùa và tháp đã phải vội vã xuống thuyền đi dọc sông Hương đến xem lăng của một vị vua nào đó. Cái cảm giác déjà vu này cũng giống như lúc tôi ngẩn ngơ đứng bên cạnh dòng kênh ở thành phố Uji của Nhật. Rồi tôi nhận ra cái cảm giác quen thuộc từ kiếp nào đó nằm trong mấy câu thơ.

*Cô Tô thành ngoại Hàn San Tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

Hình ảnh những chiếc thuyền rồng đưa khách trên sông Hương vào đêm trăng sáng với những câu hò mái đẩy và những bài ca Huế, cùng với tiếng chuông chùa lả lướt trên sông, quả là một hình ảnh đầy chất thơ dù tôi vẫn biết tiếng chuông Thiên Mục được gióng lên vào buổi trưa chứ không phải nửa đêm như tiếng chuông chùa Cô Tô.

Basho tự hỏi. Tiếng chuông chùa có hay không có thật.

The temple bell stops
but the sound keeps coming
out of the flowers.

Tiếng chuông chùa đã ngừng
Nhưng âm thanh vang mãi
Từ trong những đóa hoa

Trong khi thơ của Basho có chút băng khuâng giữa cái thật và ảo, người đọc không cảm thấy nỗi buồn tiếng chuông chùa gọi lên như trong bài hát Việt.

Chiều tàn đêm buông xuống
Tiếng chuông chùa vang náo nùng
Đâu tiếng Mẹ ru con
Chìm lắng êm bên rèm thưa. [3]

Hoặc gợi nhớ nhưng một mối tình không còn nữa.

Tên ai còn tha thiết
Trong tiếng chuông chiều đưa [4]

Trở lại với tiếng chuông Thiên Mục, tôi không khỏi tự hỏi vì sao nhà thơ khuyết danh nào đó đã viết câu thơ «tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương.» Câu thơ được dùng để đánh dấu thời gian, 108 tiếng chuông từ giữa Ngọ ở chùa Thiên Mục, và tiếng gà gáy sang canh ở làng Thọ Xương[5] ở bên kia sông ?

Hay vì một lý do nào khác ? Ai biết ?

Nguyễn Thị Hải Hà

(Ngày 26 tháng 11 năm 2024)

[1] Nhạc Minh Kỳ, thơ Tôn Nữ Hỷ Khương

[2] Hoàng Hạc Lâu - Thôi Hiệu

[3] Dạ Tương Sầu -

[4] Vết Chim Bay - Phạm Thiên Thư

[5] Làng Long Thọ (còn gọi là Long Thọ Cương)

Trở Về Mái Trường Xưa

Phó Tế Nguyễn Mạnh San

Vào cuối tháng 5 vừa qua, tôi lại có dịp quay trở về lại mái trường xưa, để tham dự buổi lễ ra trường của một cháu gái Cynthia Ngô, được lãnh nhận bằng Tiến Sĩ Luật Khoa, tại Đại Học Oklahoma City University (OCU), mà tôi là người đỡ đầu (God Father) khuyến khích cho cháu này theo học ngành luật khoa, cũng tại ngôi trường trước kia tôi học. Mái trường xưa này đã gợi cho tôi nhớ lại hình ảnh 2 kỷ niệm trong quá khứ khó quên và một kỷ niệm rất đặc biệt ra trường của cháu gái này vào ngày hôm nay như sau :

Kỷ niệm thứ nhất : Tôi đã theo học liên tiếp gần 5 năm tại đại học OCU này và ra trường với bằng Cao Học Tâm Lý Học vào năm 1981, lúc đó chỉ có một mình tôi là sinh viên Việt Nam duy nhất tốt nghiệp ngành này và buổi lễ ra trường cho tất cả các sinh viên tốt nghiệp thuộc các phân khoa của đại học này, cũng chỉ thấy có một mình tôi là sinh viên Việt Nam lên lãnh nhận văn bằng tốt nghiệp tại đại học này, mặc dầu trong lòng tôi cảm thấy bồi hồi sung sướng vì đã học xong môn học này, nhất là tôi đã có công ăn việc làm rồi, nhưng trong lòng vẫn cảm thấy một chút niềm cô đơn, vì chỉ có mình tôi là sinh viên Việt Nam và hơn thế nữa đối với hầu hết

các sinh viên tốt nghiệp ngày hôm đó, tôi thấy mình thuộc hàng sinh viên cao niên với 41 xuân thì, nhưng tôi vẫn còn ôm nhiều mơ ước trong lòng và trước ngày ra trường 1 tháng, tôi đã được phỏng vấn và được thu nhận vào làm việc cho Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ liên tục hơn 32 năm, để đặc trách Luật Sư Đoàn Liên Bang và Nhập Tịch (US Attorney Admission & Naturalization). Lúc đó tôi cảm thấy nhờ vào mái trường này, mà tôi đã có cơ hội được phục vụ trong Ngành Tư Pháp Liên Bang Hoa Kỳ và hơn nữa đây cũng là một dịp may mắn cho riêng tôi được tiếp tục phục vụ đồng bào Việt Nam tại cơ quan mới, trong nhiệm vụ đặc trách tuyên thệ nhập tịch Hoa Kỳ nói riêng, lại được tiếp nối sau 5 năm tôi đặc trách Chương Trình Tỵ Nạn Đông Nam Á cho cơ quan USCC, từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 5 năm 1980 và đồng thời cho các ứng viên tuyên thệ nhập tịch Hoa Kỳ, thuộc các quốc gia trên thế giới nói chung, mà trong đó ứng viên nhập tịch Việt Nam là đông nhất.

Kỷ niệm thứ hai : Nổi gót theo bước chân của tôi, người con trai út của tôi học liên tục 4 năm cũng tại đại học OCU này và con tôi đã ra trường vào năm 2004 với bằng Cử Nhân Thương Mại. Lại một lần nữa cho tôi một dịp trở về thăm mái trường xưa, để tham dự buổi lễ ra trường của con tôi, lòng tôi bồi hồi xao xuyến, tưởng rằng tôi sẽ được nhìn lại cảnh cũ người xưa, là hy vọng

sẽ gặp lại các giáo sư cũ và vài người bạn học cũ cùng lớp ngày xưa. Nhưng những cảnh vật trong ngôi trường đều khác lạ, cây cối thưa thớt hơn trước nhiều, các tòa nhà cũ dành cho các phân khoa trước kia đều được tân trang lại như mới hoặc có một số các tòa nhà hoàn toàn mới được xây cất thêm, các lớp học rộng rãi khang trang hơn trước và cũng không gặp mặt được mấy thầy dạy học cũ của tôi và cũng không gặp lại một ai là bạn học cũ cùng lớp với tôi. Nói tóm lại mái trường xưa, nhìn toàn diện cảnh vật lẫn người, không còn giống như ngày xưa nữa, tất cả đều khác lạ. Do đó, cảm giác của tôi hôm đó hoàn toàn xa lạ với mái trường xưa, mà tôi hằng yêu mến vì tôi đã học ở đây 5 năm liên tục từ năm 1975 cho đến năm 1981.

Kỷ niệm thứ ba : Như đã giới thiệu sơ qua trong phần mở đầu trên đây, hôm nay tôi lại có dịp quay trở lại mái trường xưa lần thứ hai, để tham dự lễ ra trường của một cháu gái Cynthia Ngô, tốt nghiệp bằng Tiến Sĩ Luật Khoa, mà tôi là người đỡ đầu (God father) cho cháu theo học ngành luật khoa tại Đại Học OCU này. Nhìn lên trên sân khấu, chỉ thấy có 2 sinh viên Việt Nam lên lãnh bằng tốt nghiệp, làm cho tôi nhớ lại ngày ra trường của tôi, cũng chỉ có mình tôi là sinh viên Việt Nam duy nhất lên lãnh bằng tốt nghiệp. Nhưng lần này cảnh tượng ngôi trường không khác lạ mấy với tôi, so

với ngày ra trường của con trai út của tôi vào năm 2004. Tuy nhiên nhân dịp này có một sự kiện hết sức độc đáo bất ngờ xảy ra, là trong ngày ra trường của cháu Cynthia, tôi gặp lại một cựu tù nhân da màu, mà anh này cho tôi biết hiện nay anh đã tốt nghiệp với văn bằng tiến sĩ luật khoa, nhưng chưa có bằng hành nghề luật sư (Bar license) đang làm việc cho một trong 3 hãng luật (Law firm) lớn nhất tại tiểu bang này, mà anh chỉ ngồi nghiên cứu những án lệ (Case laws), để ngồi viết những bài lý đoán (Pleadings) cho những luật sư trong hãng của anh, mà những luật sư này chuyên biệt ra tòa tranh tụng (Trial lawyer), để bênh vực cho thân chủ của hãng.

Anh nói tới đây, làm tôi nhớ lại, cách đây 12 năm, khi tôi ghi danh tham dự khóa luyện thi lấy bằng hành nghề luật sư (Bar review) tại tiểu bang Louisiana, một vị giáo sư giảng dạy môn hình luật (Criminal law) cho biết, tùy theo luật lệ hành nghề luật sư (Professional responsibilities) của từng tiểu bang, nếu một cựu tù nhân phạm trọng tội đại hình, có thể bị cấm thi lấy bằng hành nghề luật sư hoặc bị treo giò (Suspension) một thời gian, cấm không cho thi. Còn vấn đề học lấy bằng luật khoa thì không cấm. Có lẽ vì anh là cựu tù nhân phạm tội đại hình (Former felony prisoner) hoặc anh còn đang trong tình trạng tiếp tục thi hành cho xong bản án tại ngoại (Parole), cho dù đương sự có bằng tiến sĩ

luật khoa, nhưng vẫn nằm trong thời gian thi hành bản án tại ngoại, nên chưa được phép dự thi để lấy bằng hành nghề luật sư (Bar license); chứ thực ra đương sự là một người rất có tài nói năng hùng biện (Eloquent speech), mà tôi được biết rõ đương sự như sau :

Cách đây khoảng trên 12 năm, trong thời gian hơn một năm anh bị giam ở trại tạm giam (Jail), là nơi tôi đang phục vụ cho anh em nam nữ tù nhân vào những ngày nghỉ cuối tuần, trong nhiệm vụ là tuyên úy trại tù và trong suốt thời anh bị tạm giam ở đây, để chờ đợi đi trình diện những phiên tòa xét xử anh về tội buôn bán cần sa ma túy, nên tôi có rất nhiều dịp được tiếp xúc trực tiếp để nói chuyện riêng với anh hàng giờ. Lúc đó, anh khoảng 22 tuổi, đã học xong bậc trung học, nói năng rất hoạt bát hùng biện, tỏ ra anh là một thanh niên thông minh đầy mưu lược, có lần anh tâm sự cho tôi biết, anh rất tức giận vì vị luật sư miễn phí bênh vực cho anh trước tòa, đã không thềm đến thăm hỏi anh, để thu thập thêm các tin tức cần thiết khác, hầu có thể bênh vực cho anh được án nhẹ trước tòa, nhưng luật sư bênh vực cho anh chỉ đến gặp mặt anh vắn vắn có một lần duy nhất, trước một ngày phiên tòa xét xử, anh cho rằng vì thế anh đã phải lãnh án ở tù khá nặng tới 15 năm, nhưng may mắn cho anh chỉ phải ở trong tù có 7 năm rưỡi, thời gian còn lại của 15 năm, anh được hưởng quy

chế tại ngoại, tù tại gia (Parole) vì suốt thời gian anh ở tù, anh được Ban Giám Thị trại tù ghi nhận hạnh kiểm của anh rất tốt và anh tiếp tục tâm sự với tôi, là sau khi anh mãn hạn ở tù, anh sẽ cố gắng ghi danh học luật để trở thành một luật sư và sẽ tình nguyện bào chữa miễn phí cho những người nghèo phạm tội hình sự, không có tiền thuê mướn luật sư bênh vực cho họ.

Tôi có hỏi anh là anh lấy tiền đâu ra để trả tiền học phí ? Anh trả lời tôi là nhờ vào nhiều lần buôn bán cần sa ma túy trong 2 năm liền, mà không bị nhân viên chính quyền bắt anh, nhờ thế anh đã để dành được một số tiền hơn 4 trăm ngàn Mỹ Kim, anh bỏ hết số tiền mặt này vào trong một cái chum (Jar) có nắp đậy kín, chung quanh nắp anh dán kín bằng một loại keo dính chặt đặc biệt (Super glue), để nước không thể thấm vào bên trong chum làm hư nát tiền, anh đào một lỗ thật sâu xuống lòng đất ngay đằng sau vườn nhà anh, rồi anh đem chôn cái chum này xuống, không ai biết, trước khi anh bị bắt giam là lần đầu tiên này.

Vì thế, khi nhân viên chính quyền đến khám xét nhà anh, chỉ tịch thu được một số thuốc sì ke ma túy mà anh cất giấu trong nhà, chưa kịp đem đi bán và tịch thu được một số hiện kim tiền mặt hơn 5 ngàn đồng. Nhưng đến khi anh được phép ra khỏi nhà tù, để tiếp

tục thi hành bản án tù 15 năm tại gia, thì căn nhà của anh mà trước đây anh chôn giấu tiền, đã bị chính quyền tịch thu và đã đem đi bán đấu giá mất rồi; anh kể tiếp, rất may có người bạn thân anh như anh em ruột, anh nhờ người bạn này cho vay 65 ngàn và đứng tên mua căn nhà này cho anh. Sau khi mua căn nhà này xong, anh đào đất nơi anh chôn cái chum và đưa cái chum lên mặt đất, mở chum ra thấy số tiền hơn 4 trăm ngàn Mỹ kim vẫn còn nguyên vẹn, không bị hư nát, anh trả lại liền một lúc số tiền vay nợ bạn mình, số tiền còn lại anh dùng trả tiền học phí, để cuối cùng anh ra trường với văn bằng tiến sĩ luật khoa, như anh đã tâm sự với tôi trong ngày ra trường của cháu Cynthia, mà vừa được thuật lại trên đây.

Một điều làm tôi phải nể phục anh nhất, là mặc dù hiện tại anh chưa có bằng hành nghề luật sư, để trực tiếp có quyền hạn đứng ra bên vực tội trạng trước tòa, cho những người nghèo vô tình hay chủ ý vi phạm pháp luật; tuy nhiên anh cho tôi biết, là anh vẫn trích ra hàng tháng một phần tiền lương của anh, để trả cho luật sư đứng ra bên vực cho một số phạm nhân nghèo trước tòa, mỗi khi họ đến nhờ cậy anh giúp đỡ. Phải thành thật mà nói, sau hơn 32 năm đặc trách Luật Sư Đoàn Liên Bang tại Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ, tôi nhận thấy rất hiếm có luật sư nào lại có tấm lòng bác ái, biết thương

phạm nhân nghèo, như anh cựu tù nhân da màu này, đang làm việc trong ngành tư pháp Hoa Kỳ.

Lên Đường

Kim Loan

Đọc xong email của Cathy, Khôi mỉm cười khoan khoái, bước xuống phòng khách pha cho mình ly cà phê nóng của buổi sáng cuối tuần. Trời đã cuối Thu, những chiếc lá khô cuối cùng lao xao đuổi nhau theo những cơn gió nhẹ trên mặt đường, tạo nên một âm thanh vui tai. Hàng cây khô trụi lá khẳng khiu đang rung rinh trước gió, chuẩn bị cho những ngày đông dài sắp tới. Khung cảnh thật bình yên. Bình yên như tâm hồn Khôi sau những tháng ngày bấn khoản, ray rứt đã qua.

Cách đây gần ba mươi năm, Khôi rời trại tỵ nạn Thailand đến định cư ở Canada. Những người tỵ nạn đến trại sau ngày đóng cửa như Khôi đã phải trải qua nhiều năm dài đợi chờ lấy lất nơi đất tạm dung, nên khi vừa đặt chân đến xứ sở tự do, Khôi đã lao vào học hành để đền bù lại những thời gian dài lãng phí ở Thailand. Không giống như nhiều người khác vừa đi học vừa đi làm, với quyết tâm mạnh mẽ, Khôi muốn mình có một tương lai vững chắc để có thể lo được cho gia đình ở Việt Nam cũng như tạo dựng được hạnh phúc cho riêng mình sau này. Cuối cùng, Khôi cũng gặt hái được những

trái ngọt thành quả của mình, trở thành một nhà sỹ, có một cuộc sống «hình mẫu» đáng mơ ước của những con người thành đạt trên xứ người.

Khôi cũng đã bảo lãnh cha mẹ qua đây đoàn tụ, lo cho các em ổn định. Tổ ấm của Khôi cũng chẳng có gì để phàn nàn, một cô vợ xinh đẹp có một văn phòng kế toán riêng và đưa con gái ngoan ngoãn vừa bước vào đại học. Căn nhà của vợ chồng Khôi, không to lớn nguy nga, nhưng cũng đủ cho bất cứ ai bước vào cũng buông lời khen ngợi. Hàng năm, gia đình Khôi cũng biết tận hưởng những ngày vacation tuyệt vời ở khắp mọi nơi, từ những thắng cảnh đẹp ở Canada, đến nước Mỹ lãng giềng, tắm biển Hawaii, xuống miền nam Mexico nắng cháy, đi các chuyến cruise, và mới đây nhất cũng đã du lịch khắp các nước Châu Á Châu Âu.

Cuộc sống no đủ, vợ chồng Khôi cũng thường đóng góp cho những công việc từ thiện, dù là của người bản xứ Canada hay của người đồng hương. Những lần quyên góp gây quỹ trong cộng đồng Khôi đều có mặt, cuối năm Giáng Sinh về thì đóng góp cho Hội Red Cross, World Vision, và những đóng góp cho những người nghèo khó tàn tật ở Việt Nam. Với Khôi, là người Công Giáo, không những vì làm theo giáo lý đã được học khi còn nhỏ, mà đơn giản là sự công bằng, khi mình may

mắn có đời sống sung túc thì chia sẻ cho những người không có cơ hội và kém may mắn. Hơn nữa, Khôi cũng từng có những ngày thơ ấu thiếu thốn bởi đất nước chiến tranh, và nhất là hơn bốn năm trường sống trong trại tỵ nạn Thailand, những ngày thật gian khó, sống trong chờ đợi mỗi mòn và tuyệt vọng, nếu không có UNHCR (Cao ủy Tỵ nạn liên hợp quốc), và những người thiện nguyện viên người ngoại quốc và người Thái, thì những người tỵ nạn Việt Nam sẽ ra sao ? Hành trang khi lên máy bay rời khỏi xứ Thái của Khôi vẫn đậm sâu những tình cảm thân ái, không biên giới của những người bạn thiện nguyện viên mà Khôi đã có dịp gắn bó.

Khôi đến trại ở tuổi hai mươi bốn, một mình không thân nhân đi theo, cũng chẳng có người thân ở ngoại quốc tiếp tế như nhiều người khác trong trại, Khôi bị rơi vào nhóm «con bà phước» ở trại, tức là sống nhờ vào cơm Cao Ủy vốn chẳng dư giả gì. Nhờ may mắn có chút vốn liếng tiếng Anh nên Khôi xin vào làm việc thiện nguyện trong trại, kiếm thêm chút đỉnh tiền lương tượng trưng và cũng là cơ hội học thêm tiếng Anh. Nhưng quả thực, cái mà Khôi học hỏi được thật vô giá, đã biến đổi con người Khôi phải biết sống vươn lên, giúp Khôi trưởng thành hơn rất nhiều.

Những người thiện nguyện trong tổ chức YWAM (Youth With A Mision) là những người đến từ nhiều nước khác nhau : Úc, Tân tây Lan, England, South Africa nhưng họ giống nhau ở trái tim nhiệt huyết, quên đi cuộc sống cá nhân, vượt nửa quả địa cầu để sống với người tỵ nạn, nâng đỡ tinh thần và chia sẻ buồn vui với người tỵ nạn.

Tuy mang tên Youth With A Mision nhưng các thiện nguyện viên có nhiều lứa tuổi khác nhau, trong đó Khôi thân nhất với Cathy vì cùng trẻ tuổi, lại cùng phụ trách trường dạy Việt Ngữ và Anh Ngữ cho các trẻ em tỵ nạn. Ngoài giờ lên lớp, Khôi hay có những buổi đi chơi ăn uống, tâm tình với cô bạn gái này. Qua Cathy, Khôi càng khâm phục và mến yêu những người thiện nguyện mà Khôi đã có dịp tiếp xúc trong trại. Từ bà già Rainie với giọng Úc khó nghe, cô Sue trong cao ủy xã hội, Shane trong bưu điện, Mark làm trong bệnh viện... Họ làm việc trong trại cho đến chiều thì trở về khu nhà cao ủy dành cho họ ngoài thị trấn, cơm ăn đạm bạc, mọi nhu cầu đều đơn giản tối đa. Cuối tuần ngày nghỉ, họ lại vào trại làm lễ ở nhà thờ, chia sẻ Kinh Thánh, đi thăm viếng người ốm đau, trầm cảm, neo đơn.

Khôi vẫn còn ấn tượng những ngày gần lễ Giáng Sinh, sau giờ làm việc, những người thiện nguyện ra về như thường lệ, nhưng khoảng 6-7 giờ tối họ lại xin trở vào trại, đi thành một nhóm, có dân tỵ nạn hiếu kỳ nói đuổi theo sau, đi vòng quanh các khu nhà trong trại, vừa đi vừa hát những bài Thánh Ca, phân phát những viên kẹo nho nhỏ cho trẻ em, những chiếc bánh cookies cho người lớn, mà sau này Cathy cho Khôi biết những chi phí đó đều do tiền túi của từng cá nhân bỏ ra, vì Cao Ủy chỉ cho họ chỗ ăn ở hàng tháng, còn mọi nhu cầu xa xỉ khác đều phải tự lo. Đó là những «Christmas Carol» đầu tiên trong đời mà Khôi được biết và sẽ không bao giờ quên.

Buổi chiều ở trại tỵ nạn rộn ràng nhất ở khu phát nước, mọi người tập nập đến lãnh nước về nhà giặt giũ cơm nước. Khôi còn nhớ có lần nhóm bà Rannie, cô Sue đi ngang qua khu phát nước, những khuôn mặt quen thuộc nhận ra hai bà liền í ới gọi tên, họ cũng đáp lại dân tỵ nạn bằng những cái vẫy tay và nụ cười thân thiện. Có mấy đứa bé nghịch nước chạy loăng quăng làm vấy sinh lên áo quần của cô Sue, vậy mà cô vẫn mỉm cười, ngồi xuống ôm ấp nựng nịu mấy đứa trẻ. Rồi những sáng chúa nhật sau giờ lễ, họ đi thăm những bệnh nhân trong bệnh viện, hỏi thăm, ủi an rất chân thành. Khôi đã nhiều lần xúc động và tự hỏi, họ là những người không

cùng dòng máu, không cùng màu da, mà họ đối xử yêu thương với người tỵ nạn Việt Nam như thế, trong khi ở trại, đã có những đồng hương từng đánh nhau chỉ vì những tranh chấp nhỏ nhen.

Nhưng có lẽ kỷ niệm êm ái nhất và đẹp nhất là những tháng ngày gắn bó thân tình với Cathy, cô gái thiện nguyện viên xinh đẹp, dễ thương và nhỏ tuổi nhất trong nhóm YWAM.

Cathy bằng tuổi Khôi, cô mất mẹ từ khi lên mười, ba của cô là chủ tịch của hội thiện nguyện giúp người tỵ nạn ở Thailand. Cathy vừa tốt nghiệp đại học và đi theo con đường thiện nguyện của ba. Vì Khôi và Cathy cùng phụ trách trường học Việt Ngữ nên gặp gỡ nhau hàng ngày. Những giờ nghỉ trưa, đôi khi Cathy ở lại trại, theo Khôi và nhóm bạn Việt Nam về khu nhà Khôi ăn cơm Việt Nam. Cathy thích thú học thêm tiếng nói và văn hóa Việt, cũng như Khôi học thêm tiếng Anh từ Cathy. Sau bữa cơm, để trốn cái nắng cháy da của xứ Thái, hai người hay tản bộ trong khu trường học, hoặc ngồi nói chuyện dưới bóng mát của hàng cây bông giầy ngay trước văn phòng trường.

Cathy kể cho Khôi nghe những ngày ấu thơ ở quê nhà nơi vùng ngoại ô xa xôi nước Úc, cũng như Khôi kể cho Cathy về đất nước Việt Nam, về nơi chốn mình đã

sinh ra, lớn lên và mãi nhớ thương khi phải lìa xa. Có lần Cathy đã khóc nức nở khi nhắc lại kỷ niệm những ngày cuối đời của mẹ mình khi nằm trên giường bệnh, Khôi chỉ biết bối rối nhìn đôi vai cô nàng run nhẹ dưới mái tóc màu hạt dẻ và đôi mắt đỏ hoe ngượng ngùng khi Khôi trao cho cô chiếc khăn lau nước mắt. Mỗi thân tình này chưa phải là tình yêu, nhưng đó là một tình bạn quá đậm đà khi có những ngày cuối tuần không gặp Cathy thì Khôi thấy thiếu vắng, nhớ nhung, để rồi sáng thứ hai lại nôn nao chờ đón chiếc xe «van» của nhóm thiện nguyện đi vào công trại bắt đầu một tuần làm việc mới.

Ngày Khôi lên đường đi định cư Canada, trong buổi tiệc tiễn đưa, Cathy tặng Khôi một lọ thủy tinh có một trăm ngôi sao nhỏ xíu do tự tay cô xếp với hy vọng mỗi ngôi sao là một may mắn trên con đường tương lai của Khôi. Mọi người đã cho Khôi một buổi tối tuyệt vời, những tình cảm vô giá làm Khôi ghen ngào. Hôm ấy, bên những người bạn Việt Nam và những người bạn ngoại quốc, Khôi đã rất xúc động nói lời tâm tình từ trong đáy tim :

«Nếu không có các bạn, chúng tôi đã không vượt qua những tháng ngày gian khổ của trại tỵ nạn. Các bạn đã cho tôi biết về tình yêu, niềm tin và hy vọng trong mọi

hoàn cảnh của cuộc đời ! Tôi mong ước sau này sẽ có dịp đi theo bước chân các bạn, dù chỉ là một thời gian ngắn ngủi để đền đáp lại những gì các bạn đã làm cho tôi, cho đồng bào tôi !»

Rồi Khôi quay qua nắm tay Cathy, nói nhỏ : «Tôi sẽ trở về với các bạn».

Vậy mà bao nhiêu năm qua Khôi chưa làm được lời hứa ấy. Thỉnh thoảng trong những cuộc vui, hoặc đêm về thao thức vì những tháng ngày cũ, Khôi cũng tự trách mình, nhưng rồi dòng xoáy cuộc đời với chuyện cơm áo hàng ngày đã cuốn hút Khôi trở lại, bận rộn liên miên, những kế hoạch, những mục tiêu của vợ chồng con cái vẫn chờ đợi Khôi phải hoàn thành cho tròn nghĩa vụ người chồng người cha trong gia đình. Khôi lại tự nhủ, những đóng góp tiền bạc hàng năm của mình cũng tạm đủ cho lời hứa năm xưa.

Nhưng thời gian gần đây, có phải vì tuổi bắt đầu «về già» hay vì còn canh cánh lời hứa đó, mà những cuộc vui, những niềm vui mà Khôi từng tham gia đã không còn hấp dẫn Khôi như trước nữa ? Đôi khi, giữa những cuộc vui ồn ào bia rượu, các ca sỹ đang ca hát âm ỹ cho những người ra sàn nhảy, Khôi chỉ muốn bỏ về nhà, vào căn phòng của mình, uống một ly café, nghe một bản nhạc êm dịu, đọc một cuốn sách yêu thích. Nhẹ

nhàng và đơn giản như những đêm ty nạn Thailand, có Khôi và mấy người bạn với cây đàn guitar, một bình trà nóng, vài chiếc bánh kẹo và một mảnh sân ngập đầy ánh trăng, cùng nhau tâm tình, ca hát, thậm chí chỉ là im lặng nhìn nhau, vẫn cảm thấy ngọt ngào ý nghĩa của cuộc đời, tình bạn và tình yêu. Khôi bỗng thêm da diết cái thời gian khó khăn, đơn sơ, chan chứa tình người ấy biết bao.

Có phải khi cuộc sống nghề nghiệp công danh và gia đình ổn định, không còn gì để mơ ước nữa, thì người ta bắt đầu mệt mỏi và hay hồi tưởng lại quá khứ, nhất là quá khứ gian khổ ?

Mùa hè năm ngoái ở Florida, trong khi vợ con nghỉ ngơi tại hotel, Khôi đi dạo biển trong ánh chiều hoàng hôn, một chiếc thuyền con mong manh xa xa tận chân trời đã làm Khôi nhớ lại chuyến vượt biển của mình, con tàu của Khôi cũng cập bến Thailand vào một buổi chiều muộn như thế, và bao nhiêu kỷ niệm vui buồn lại ùa về, tươi sáng sống động như tuổi trẻ ngày đó của anh.

Có đêm Khôi còn nằm mơ thấy mình đang nằm trong bệnh viện của trại ty nạn, có những khuôn mặt thân quen đang ngồi xung quanh ân cần thăm hỏi, như Cathy, như Sue, như Mark, như bà Rannie, và có cả giấc mơ rõ

ràng ngày cuối năm lạnh lẽo năm ấy, Khôi và các thầy cô giáo Việt Nam ở trường học đãi nhóm thiện nguyện một bữa bánh xèo, họ ăn say mê hết mình khen ngon, Khôi còn giải thích cho Cathy biết, sở dĩ có tên «bánh xèo» vì khi đổ bột vào chảo tạo nên âm thanh «xèo xèo» làm cô ấy cười hồn nhiên như đứa trẻ.

* * *

Mới đây qua facebook Khôi liên lạc được với một người bạn tỵ nạn cũ hiện đang ở bên Úc. Anh bạn này trong chuyến về thăm Thailand đã bắt liên lạc được với vài người trong nhóm thiện nguyện YWAM cũ, trong đó có Cathy. Người bạn cũng cho Khôi biết nhóm YWAM ngày xưa, ngoại trừ mấy người đã quá già, còn tất cả những người còn lại vẫn đi khắp nơi giúp người tỵ nạn. Trời ơi, bao nhiêu năm qua, bao nhiêu người tỵ nạn như Khôi đã thay đổi cuộc đời sau khi rời trại tỵ nạn, vậy mà họ vẫn miệt mài với đời hiến thân, hy sinh vì lý tưởng cao đẹp của họ ư ? Khôi bỗng thấy buồn, xấu hổ vì lời hứa của mình cũng chỉ là môi miệng của một giây phút cao hứng bất chợt.

Khôi đã mất hơn một tháng chìm đắm trong ray rứt, băn khoăn, hồi tưởng lại những tháng ngày gian khổ nhưng đầy ý nghĩa xưa kia, rồi email cho Cathy. Thật xúc động khi Cathy vui mừng sung sướng khi nhận

được mail của Khôi. Hai người nhắc lại bao nhiêu kỷ niệm cũ.

Cathy cho biết đã lập gia đình, anh ấy tên John, có cùng lý tưởng với Cathy, hai người không có con và quyết định tiếp tục vui sống đời thiện nguyện đi khắp đó đây. Hiện vợ chồng Cathy đang ở Miến Điện, một đất nước triền miên trong khó khăn và nội chiến dưới chính phủ quân sự độc tài. Gần đây đất nước này đã có chút đổi mới, canh tân trong nội các và quốc hội, mở cửa thân thiện với thế giới phương tây để mưu cầu sự phát triển cho dân tộc. Khi Khôi ngỏ lời muốn đến đó làm thiện nguyện, Cathy mừng rỡ cho biết họ đang rất cần nhiều bác sỹ, nha sỹ đến khám bệnh, chữa răng cho những người dân nghèo ở vùng nông thôn và ngoại ô thủ đô Yangon. Thời gian ít nhất cho thiện nguyện viên là từ sáu tháng cho đến một năm, tiền vé khứ hồi tự lo, cao ủy liên hợp quốc chỉ lo phần ăn ở.

Khôi bàn với vợ, lúc đầu cô ấy phản đối yếu ớt, nhưng khi Khôi kể về những kỷ niệm thời còn ở tỵ nạn Thailand, cô ấy đã thông cảm và ủng hộ cho Khôi đi một năm, vừa thực hiện lời hứa xưa kia, vừa gặp gỡ lại bạn bè cũ, coi như một chuyến du lịch nghỉ ngơi sau bao nhiêu năm làm việc.

Đã có biết bao nhiêu chuyến đi trong đời, nhưng chưa có chuyến đi nào làm Khôi nao nức bồi hồi như chuyến đi này. Vẫn biết ở xứ này thời gian trôi qua vun vút, nhưng sao Khôi vẫn cứ mong thời gian qua mau hơn nữa, vì như email vừa rồi của Cathy vừa khẳng định lại, mọi việc đã thu xếp xong, tức là một tuần sau ngày lễ New Year năm nay, Khôi sẽ lên đường !

Kim Loan

Nghĩ Về Cái Dũng Của Người Xuất Gia

Doãn Hưng

Memphis là thành phố lớn của tiểu bang Tennessee, nổi tiếng là một trong những cái nôi của dòng nhạc Blues & Jazz của nước Mỹ. Cách đây 4 năm, tôi lái xe đến thăm Memphis chỉ để được nghe nhạc Blues «nguyên chất» tại B.B King's Blues Club, một trong những «việc đáng làm trong đời» đối với những người mê nhạc Jazz. Nghe nhạc Jazz ở Memphis sẽ thấy được dòng nhạc như chảy trong huyết quản của người da đen ở Miền Nam Hoa Kỳ.

Vào đầu tháng 10 năm nay, tôi trở lại thành phố Memphis, nhưng đó không phải là đích đến của chuyến đi. Memphis có phi trường chỉ cách Tu Viện Mộc Lan khoảng hơn một tiếng lái xe. UH, một cô bạn đồng tu đã từng cùng học với một vị thầy, cùng sinh hoạt trong một nhóm Phật tử ở Quận Cam California được chấp nhận vào ni đoàn, làm lễ xuống tóc xuất gia tại Mộc Lan. Tôi cùng một nhóm bạn nhận lời mời đến dự sự kiện trọng đại của một đời người này.

Tu Viện Mộc Lan nằm ở thị trấn nhỏ Batesville thuộc tiểu bang Mississippi, là một trong ba tu viện theo Pháp Môn Làng Mai của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh ở Hoa

Kỳ, cùng với Tu Viện Lộc Uyển ở Nam California và Tu Viện Bích Nham ở New York. Từ Memphis xuôi theo xa lộ liên bang 55 về hướng Nam, rồi đi vào những con đường mòn nhỏ xuyên qua những cánh rừng xanh ngắt, chúng tôi đến Mộc Lan lúc trời đã sập tối. Để lại Memphis những cảm xúc âm nhạc, đón nhận sự bình yên của chốn thiền môn nằm tĩnh mịch giữa rừng cây, với tháp chuông trước lối vào là cột mốc để khách phương xa nhận diện mình «đã về, đã tới». UH ra đón, chúng tôi gặp nhau tay bắt mặt mừng. Đã hơn hai năm rồi mới gặp lại, kể từ ngày UH về Mộc Lan bắt đầu thời gian thử thách trước khi được chính thức nhận vào ni đoàn.

Buổi lễ xuất gia của UH và một sư cô nữa được tổ chức vào sáng sớm hôm sau. Có khoảng hơn 100 Phật tử tham dự, Mỹ có, Việt có. Mọi người ngồi thiền tại chánh điện từ 5:30 giờ sáng, 7 giờ nghi lễ bắt đầu. Không khí trang nghiêm, thanh tịnh mà vẫn nhẹ nhàng. «Sự im lặng hùng tráng» như cách mà Thiền Sư Nhất Hạnh mô tả. Sau nghi thức xuống tóc, hai vị xin xuất gia thọ 10 giới sa di ni, nhận y áo, nhận pháp danh. Người bạn đạo UH ngày nào nay nhận pháp danh là Tâm Hải Minh, pháp tự là Chân Dũng Hạnh, chính thức gia nhập tăng đoàn có chiều dài lịch sử hơn 25 thế kỷ của Đức Phật...

Giây phút gây xúc động nhất của buổi lễ là thời điểm cạo tóc của hai vị sa di ni mới. Tôi nhớ như in bài kệ :

Cạo sạch mái tóc
 Nguyện cho mọi người
 Dứt hết phiền não
 Độ thoát cho đời

Hai vị nữ sa di quì, cầm nhang, miệng niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, trong khi được các sư cô khác cắt tóc của mình. Không phải «cắt tóc», dùng chữ «xén tóc» có lẽ đúng hơn. Tóc- một trong những biểu tượng cái đẹp của người phụ nữ- bị xén đứt khoát, từng lọn rơi xuống sàn chánh điện. Đó là sự buông bỏ, đoạn tuyệt. Những vương bận của kiếp người nay quyết rũ bỏ. Cả hai vị với gương mặt thanh thản, nhưng nước mắt vẫn ràn rụa. Những người thân có mặt xung quanh, không ai cầm được nước mắt. Thật khó mà diễn tả được cảm xúc của những giọt nước mắt của từng người vào thời điểm đó. Mỗi người khóc có thể trong những tâm trạng khác nhau, nhưng chắc chắn không phải do khổ đau. Khóc vì cảm động. Khóc vì chứng kiến giây phút thiêng liêng của một đời người. Riêng tôi rơi lệ vì cảm phục dũng khí của người em pháp hữu năm nào, nay đã thanh thản rũ sạch những luyến ái thế gian, điều mà tôi chưa thể làm được trong kiếp này.

Nhớ lại UH ngày xưa, một phụ nữ đã trải qua mọi nỗi buồn vui của thế gian. Một cô bạn thân kể lại rằng hồi trẻ, khi đi làm thành công, kiếm được nhiều tiền, UH cũng đi xe hạng sang, cũng xách túi da hàng hiệu. UT là người hát hay nhất trong nhóm Phật tử của chúng tôi, đã từng làm một CD đơn ca riêng cho mình. Rồi cũng có gia đình, có con. Rồi cũng trải qua những khổ đau thường có của đời người. Khác với người bình thường, UH luôn vượt qua những sóng gió của cuộc đời, những nỗi đau cả thể xác lẫn tinh thần bằng một nghị lực đáng khâm phục.

Bạn bè kể lại rằng UH đã có ý nguyện xuất gia từ nhiều năm trước, dành nhiều thời gian ở trong chùa mỗi khi có thể. Chuẩn bị cho mình sẵn sàng, đợi cho đến ngày sinh nhật thứ 18 của cậu con trai độc nhất, UH mới nói chuyện với con, cho biết về dự định của mình, bàn thảo về tương lai của con, và có được sự đồng thuận giữa hai mẹ con.

Nhìn lại cả một tiến trình như vậy để thấy quyết định xuất gia của UH là một quyết định của trí tuệ, của ý chí chứ không phải từ cảm xúc nhất thời. Không bi lụy, không chạy trốn, mà là sự dũng cảm dám buông bỏ. Cảm nhận được chân lý Khổ Đế bằng kinh nghiệm của chính đời mình, UH tìm đến với Đạo vì biết đó là con

đường thoát khổ rốt ráo nhất. Đi tu không phải là để tránh né những khó khăn, khổ đau của thế gian. Vào cửa thiền môn để có khả năng đối diện, vượt qua khổ đau bằng con đường Chánh Pháp.

Phật tử nào cũng được dạy về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nhưng không phải ai cũng có thể trở thành người xuất gia. Cách đây chừng 5 năm, nhóm Phật tử của chúng tôi (cùng sinh hoạt với UH) có đủ duyên lành được Thầy tổ chức cho một khóa tu giao duyên. Một số bạn được làm thủ tục xuất gia đoản kỳ, cũng xuống tóc, cũng mặc y áo tăng đoàn trong vài ngày. Thầy bảo rằng chỉ cần như vậy cũng sẽ tạo ra một duyên lành lớn, để kiếp sau tiếp tục tinh tấn tìm đến Phật-Pháp-Tăng. Thầy đề nghị tôi xuất gia đoản kỳ. Tôi suy nghĩ kỹ, rồi trả lời là mình chưa sẵn sàng. Một phần là vì tôi thấy mình chưa xứng đáng để khoác áo cà sa, dù chỉ một giây phút. Tôi kính trọng hình ảnh một vị tăng khoác áo cà sa cũng như kính trọng cả tăng đoàn thời Đức Phật. Một phần là vì tôi biết mình vẫn chưa có đủ dũng cảm để lìa bỏ ái dục, một trong những chướng ngại lớn nhất của Phật tử trên con đường giải thoát. Vẫn biết những niềm đam mê của con người là vô thường, có rồi mất, là nguồn gốc của khổ đau. Nhưng cần phải có đủ dũng khí để đoạn tuyệt với những vui buồn của một kiếp người. Cần phải có nghị lực, và đủ duyên mới làm được.

Tôi chưa thể làm được trong kiếp này, nên càng cảm phục người bạn đồng tu của mình ngày nào, nay đã dừng cảm rũ bỏ ràng buộc luyện ái để thanh thản khoác lên người chiếc áo Phật. Pháp tự Chơn Dững Hạnh thật là ý nghĩa, thể hiện đúng đúng khí, hạnh nguyện của người đạo hữu vừa chính thức gia nhập tăng đoàn của Đức Phật. Đạo Phật là đạo của Bi - Trí - Dũng. Chỉ có những người con Phật có đủ ba tố chất này mới có thể đi đến tận cùng con đường giải thoát.

Chia tay với sư cô Chơn Dững Hạnh, tôi một mình đi theo con đường mòn của thiền viện để chuẩn bị trở về nhà. Ở bên đường, bên cạnh một góc rừng, tôi đọc được trên một tấm đá bia mấy câu thơ của Thiền Sư Nhất Hạnh. Thăm thía làm sao.

*Về đi lữ khách đường xa lắm
Cát bụi sâu thương vương đã nhiều
Thanh thản ngủ trong lòng đạo cả
Cho hồn thơ ấu được nâng niu*

Doãn Hưng

Vancouver Ký Sự

10/12/2024

Nguyễn Văn Tới

Trời Vancouver đang cuối mùa hè, sắp vào Thu, vẫn còn giữ lại một chút nóng ấm của mùa qua; thời khắc giao mùa đem đến một khung cảnh lãng mạn đầy thi vị và quyến rũ. Bầu trời xanh trong điểm xuyết những đám mây trắng nhẹ nhàng trôi lơ lửng. Ánh nắng vàng nhạt của buổi chiều tà chiếu nghiêng qua kẽ lá những tia nắng lung linh trên mặt hồ lấp lánh như những hạt kim cương nhỏ dính trên áo nàng Thu.

Hàng cây hai bên đường bắt đầu khoác lên mình chiếc áo mới với các gam màu vàng nhạt, màu cam, báo hiệu một mùa thay lá sắp tới. Những cơn gió muôn màng thoảng qua xua đi cái nóng còn sót lại của mùa hè oi bức. Gió mang theo hương thơm dịu dàng của hoa cỏ và không khí trong lành của cây rừng hai bên đường xa lộ dẫn về Vancouver. Mặt trời lặn dần sau núi, ánh hoàng hôn rực rỡ phủ lên vạn vật một sắc màu cam ấm áp báo hiệu một mùa lá rụng sắp đến tạo nên một cảnh sắc tuyệt vời và không gian tĩnh lặng, bình yên trong từng nhịp thở của trái tim.

Theo thông lệ trước đây, hằng năm vào đầu tháng 9, CVKer 65 Bok Thân có tổ chức buổi tiệc gây quỹ cho địa phận Kontum. Năm nào Bok Thân cũng thành công mỹ mãn, gởi về quê nhà nhiều số tiền lớn lao dùng cho các hoạt động bác ái của địa phận. Sau dịch cúm Tàu phù, kinh tế trì trệ, dân chúng cũng ngại đám đông nên Bok Thân phải uyển chuyển tổ chức 2 năm một lần; lần này là Đêm Tình Thương lần thứ Sáu.

Mặc dù có cả cộng đoàn giáo xứ hỗ trợ sau lưng trong việc tổ chức tiệc gây quỹ, một công việc không dễ dàng chút nào, Bok Thân vẫn là người cầm chịch, đứng mũi chịu sào, tắt bật liên lạc, chạy tới chạy lui mệt phờ cả râu. Cũng may Bok Thân «mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao» nên ai cũng tưởng ngài phẻ re như con bò... không kéo xe ! Vậy mà Bok vẫn lo lắng cho anh em CVKers chỗ ăn ở, đi đứng thế nào cho thuận tiện và thoải mái.

Sự tham gia của anh em CVKers là một động lực rất lớn, khích lệ tinh thần mạnh mẽ, là một «moral support», một viên vitamin tăng lực thần kỳ giúp Bok Thân như được lên giây cót, phấn chấn tinh thần và thể xác đang hao mòn theo thời gian. Nhìn gương mặt Bok Thân sáng lên, nụ cười thật tươi khi ngài bắt tay từng anh em một. Anh em CVKers thì khỏi nói, ai nấy đều

thích thú được góp phần vào ngày đặc biệt này và nhất là có dịp gặp nhau hàn huyên tâm sự và nói dóc cho sướng sau bao năm không hoặc chưa được gặp nhau.

Thật xúc động và tràn đầy hào khí khi quan khách đi dự tiệc gây quỹ cho Kontum, lại được gặp gỡ những «công dân» Kontum một thời, khiến buổi gây quỹ thêm phần ý nghĩa biết bao nhiêu. Các bô lão, Kontum senior citizen đứng trên sân khấu mở màn, đồng ca bài «Lạy Chúa, chúng con về từ bốn phương trời, lạy Chúa chúng con về từ khắp thôn làng...». Lời ca như một làn gió mới đem đến sự thôi thúc, rộn rã trong tâm hồn tất cả khách tham dự đêm hôm đó. Ca trưởng Ngô Đình Hòa quả thật xuất sắc khiến khán thính giả vô cùng thích thú với 2 bài đồng ca của dân CVK Kontum.

Phái đoàn CVKers đi phó hội năm nay cũng khá hùng hậu, tổng số 19 người. Đầu tiên là các «võ lâm kiếm khách» đến từ miền Trung Tây gồm Bok Tâm Oklahoma dẫn đầu và hai cặp vợ chồng huynh đệ CVK 69, Hiền-Đạm và Hùng-Lan từ miền viễn Tây Hoa Kỳ, tiểu bang của các chàng chăn bò bắn súng nhanh như chớp. Trời xui đất khiến làm sao, trong chuyến bay trung chuyển, Bok Tâm và nhóm sư huynh đệ, không hẹn, lại gặp nhau trên chuyến bay từ Dallas đến Seattle, Washington. Đây là dấu hiệu báo trước buổi đại hội sẽ

đầu xuôi đuôi lọt.

Bok Tâm về hưu đã gần 3 năm nên ngài tha hồ sống kiếp lãng du đây đó. Ở đâu hú một tiếng là ngài đáp lời «tú đờ suýt». Bok tâm sự với anh em rằng bây giờ hưu rồi, ngoài việc đi giúp các giáo họ lẻ, ngài vẫn vui thích được sống bình yên, khỏe mạnh, du lịch đây đó, ăn ngon và đặc biệt là uống cũng phải thật ngon mới OK.

Phái đoàn thứ hai từ miền Nam California gồm vợ chồng CVKer 69 Thành-Lan và vợ chồng CVK 70 Thiên-Thêu, sẽ bay thẳng đến Vancouver, Canada, mà không ghé Seattle. Trong lúc nhóm này đang đăng vôn giá vũ thì CVKer 67 Cửu, bí danh là anh Chín Đòn Cò, đã đáp xuống Seattle từ rất sớm, đang rung đùi, ngồi thưởng thức mấy lon bia ướp lạnh ở phi trường, mắt dõi theo những bóng hồng đây đó. Anh Chín vốn tính vui vẻ, dễ dãi nên «tới đâu thì tới», mỗ cứ tà tà «èn doi' từng giọt đấng trên môi.

Kiến trúc sư của toàn chuyến đi và cũng là đương kim võ lâm minh chủ của cả nhóm hiệp khách giang hồ từ xứ Kỳ Hoa là CVKer 66 Đậu Quang Đại đã có mặt tại Seattle từ mấy hôm trước, chuẩn bị nghênh đón tất cả quần hùng tại phi trường SeaTac, sẵn sàng một chiếc full-size Van 15 chỗ ngồi. Khi tập hợp đầy đủ lực

lượng, cả nhóm sẽ trực chỉ hướng Bắc, El Norte, tiến thẳng đến nơi phó hội. Bỏ nhỏ anh em CVKers một câu, anh Đại đang bí mật tham gia một «chiến dịch đặc biệt», không giống như «special operation» của Uncle Putox bên xứ Nga La Tư, cho nên anh đến Seattle sớm hơn mọi người, khi nào thuận tiện, sẽ bắt mí với anh em sau.

Riêng hai vợ chồng CVKer 70 Đức-Tâm bay riêng vì đang rong chơi với mấy anh em cộc chèo khác, tiếng Mễ gọi là đám «The In-law», mà tôi gọi là «The Out-law» thì đúng hơn vì đám này khi chịu quây thì tới bên luôn. Đức-Tâm tách khỏi «đám ngoài vòng pháp luật» xong, cũng gia nhập đoàn lữ hành tiến lên phía Bắc. Dọc đường, anh em ghé đón vợ chồng anh Hòa-Liên CVKer 69, dân «lô cô», thổ địa ở Seattle.

Nhóm cuối cùng, chúng tôi đã khởi hành rất sớm từ Seattle đi Vancouver gồm vợ chồng CVKer 71 Hùng Phong-Ngọc Diệp, dân Seattle, và vợ chồng tôi, CVKer 70 Sáu Cam-Chiêu Hòa. Chúng tôi từ vùng hoang mạc, đồng khô cỏ cháy Arizona, chó ăn đá, gà... không có muối mà ăn, đã bay đến trước đó một ngày, thăm Phong, thẳng bạn thuở hàn vi ở Pleiku, rồi tranh thủ đi cỡi ngựa xem hoa, sau đó mới nhắm phía Bắc mà tiến. Dọc đường đi, chúng tôi còn phải ghé một tiền trạm mà

Bok Tâm đã dẫn dò, để mang theo một số hiện vật bán đấu giá cho buổi gây quỹ.

Tất cả chúng tôi đều tiến lên phía Bắc trục chỉ thành phố Surrey, Vancouver, giáo xứ Bernadette của Bok Thân trong cùng ngày thứ Sáu, kẻ trước người sau. Chiều hôm đó, phái đoàn xe Van đến trễ nhất vì bị «đậu phộng», đi lạc, do cái phone của bác tài Đại-Đậu, đang ở xứ nóng lên xứ lạnh nên nó cứ chạy vòng vòng, không chịu chạy thẳng dùm cho bà con nhờ. Thêm nữa, trên xe lắm người, nhiều ý, trên đường thiên lý, hay bị cái bệnh dễ lây «TO PEE or not TO PEE».

Anh em gặp nhau, tay bắt mặt mừng, vui hơn Tết. Năm nay kinh tế eo hẹp, lạm phát kinh hồn, bok Thân không còn lobster, nhưng bù lại, giáo dân của ngài chiêu đãi anh em một bữa thịnh soạn không thua nhà hàng bao nhiêu.

Ăn uống xong, ca trưởng Hòa 69 mời anh em «retouche» lại những giọng ca đang bị rỉ sét lâu năm, bị nhét dưới đáy rương, bây giờ móc ra, chà giấy nhám, xài lại nên âm thanh có hơi bị rè rè. Nghe hát xong, Bok Tâm phán «not bad, not bad». Bok Tâm khen ca trưởng không tiếc lời, ngài phán rằng nhờ làm ca trưởng nên chàng zót luôn cô ca viên xinh đẹp nhất của giáo xứ Phương Quý, bây giờ là bà xã của anh, chị Liên. Cả hai

cho ra đời mấy cô con gái «ziu», cô nào giống cha mẹ đều đẹp gái hết ráo. Có một cô đi tu, nên khi đến nhà thờ, người ta hay chào ông bà cố. CVKers nào, nhanh chân thì làm sui với anh chị Hòa-Liên, chậm chân cũng... vẫn còn cô Út.

Chia tay nhau cũng gần nửa đêm, hẹn ngày mai đi thăm một góc Vancouver, sẽ ghé cầu treo Lynn Canyon Park. Cây cầu này nhỏ hơn cầu treo Capilano nhưng «free» và phong cảnh còn hoang sơ, chưa bị thương mại hóa; trong khi cầu Capilano to hơn và «chém đẹp» hơn, mỗi người \$71.95. Sau một ngày đi bộ rã rời đôi chân, phái đoàn lo về sớm, trở lại 2 căn nhà AirBNB, tắm rửa, sửa soạn, nhất là để các phu nhân còn make-up và sửa soạn xiêm áo cho kịp giờ.

Đêm đại tiệc gây quỹ Tình Thương 6 diễn ra như mọi năm, khách tham dự lên đến hơn 500 người, chật kín nhà hàng, cho biết sẽ thành công như mong đợi. Bok Thân bận rộn tối tắm mặt mày và sau khi khách về hết, ngài phải ở lại cùng hai thiện nguyện viên lo phân dọn dẹp đến quá nửa đêm mới về.

Ngày Chúa Nhật tiếp theo, sau khi Google địa điểm, bác tài Đại-Đậu đề nghị đi khám phá một góc khác của Vancouver là bến thuyền của bán đảo nhỏ ở khu trung tâm. Đi dạo bến cảng, nghe nhạc sống, ăn uống, rồi

mướn thuyền đi trên sông. Khi ai nấy an vị trên xe Van xong, máy nổ rồi mà bác tài vẫn nhìn quanh quất trên dashboard xe như tìm kiếm gì đó, cặp thiên lý nhả đảo qua lại nhiều lần, buông một tiếng thở dài nảo nuốt hỏi tên co-pilot ngồi kế bên là Sáu Cam :

- Hey, Sáu Cam có biết cái lỗ... đồ xăng nó nằm ở chỗ nào không ?

- Anh mần tài xế mấy bữa nay mà không biết hay sao?

- Chưa hết xăng nên nó biết nó nằm chỗ mô !

Thế là Sáu Cam bốc cái phone lên, hỏi bác Google ngay lập tức. Ngồi sau lưng là hai anh em Hiền, Hùng 69, nghe lỏm câu chuyện, họ cũng Google nhanh không kém. Cả hai người đều có cùng một kết quả mà chẳng giúp được gì vì Google diễn tả rất là mơ hồ và rất là chung chung. Bè lũ «tứ nhân bang» vội xuống xe, chia nhau đi tam phương, tứ hướng, vòng quanh chiếc van, 4 cặp mắt như những tia Laser, soi rọi từng centimet trên thân xe, cố tìm ra chỗ đồ xăng nằm nơi nao. Kiểu này, con kiến cũng không lọt qua mắt chúng tôi. Quái lạ thật ! Vẫn không thấy. Chúng tôi kéo cánh cửa xe về phía sau, vẫn không thấy; tôi ra đằng sau, đưa tay nhắc bảng số xe coi phía sau nó có núp phía sau không. Thất

bại toàn tập.

Đang chán nản và tuyệt vọng vì xe gần hết xăng mà không biết phải đổ xăng ở chỗ nào trên xe. Nếu uống xăng, để xe chạy được, tôi cũng dám uống lắm chứ chẳng chơi. Chợt máy lệnh bà ngồi trên xe chỉ vào một miếng sắt nhỏ ngay phía trong, đằng trước, chỗ tiếp giáp giữa cửa xe và khung thân xe, nơi mà nãy giờ chẳng ai để ý vì nó không giống tí ti ông cụ nào với cái nắp che bình xăng thường thấy. Đưa tay bật lên, bên dưới là nắp bình xăng. Giờ ạ ! Phi ní lô đĩa (hết nước nói).

Cha nội nào thiết kế chỗ đổ xăng của chiếc xe Ford này, xứng đáng lãnh giải «Designer of the Year». Thật là dốt như quan huyện ! Mất cả 15 phút mới kiếm ra; trong khi, đơn sơ như các bà, chẳng biết tí ti gì về xe cộ, thì họ lại tìm ra. Trong trường hợp này, tôi xin phép các đồng nghiệp sửa lại một câu trong Kinh Thánh Tân Ước : Hãy trở nên đơn sơ như... các bà (những trẻ nhỏ), thì các người sẽ tìm được nắp bình xăng (nước trời). Matthew 19, 14.

Khi điều khiển một chiếc drone trên chiến trường, người phi công muốn bắn 1 trái hỏa tiễn, chỉ cần lật cái nắp nhựa trong veo có ghi chữ màu đỏ «FIRE», nhấn cái nút đỏ nằm phía dưới là... xong phim. Vậy mà chiếc xe van khó ưa này lại làm 4 tên mặt mũi sáng sủa đến

tôi sửa như chúng tôi, phải điền cái đầu chỉ vì 1 cái lỗ... đồ xăng. Than ôi ! Gã designer đáng nguyên rửa này chỉ cần in cái ký hiệu quốc tế «GASOLINE» hay hình cây xăng ngay bên trên thì người dốt như tôi cũng sẽ ngộ ra ngay cái mình muốn tìm. Đời nó thế các cụ ạ, bài học rút ra : muốn có được cái lỗ, các cụ phải ra công đào bới.

Mấy ngày đi chơi bên nhau, tham dự buổi gây quỹ, cùng dâng thánh lễ bỏ túi do Bok Tâm chủ tế, hàn huyên tâm sự, nhắc lại chuyện hồi xưa hồi xưa mà ai nấy đều băng khuâng tiếc nuối. Ngồi bên nhau với cây đàn guitar, hát những bài tình ca nhẹ nhàng, không gian âm cúng gọi lại biết bao kỷ niệm thân thương. Những mảnh vụn ký ức chợt ủa về đưa chúng tôi bập bênh sống lại thuở học trò ngày xưa dưới mái trường tiểu chủng viện thừa sai Kontum.

Ngày chia tay cũng đến, chúng tôi cố níu kéo thêm khi trở lại Seattle, ghé nhà Phong, thưởng thức tài nấu nướng tuyệt ngon của Diệp buổi trưa hôm đó. Nói ngoài đề một chút, nếu Diệp chịu mở nhà hàng thì thằng bạn nôi khổ của tôi đã thành triệu phú từ lâu rồi, nhưng số nó chưa được vinh danh trong Forbes List vì nó nói cày mửa cả mật ở Boeing mà vẫn còn thiếu \$1 nữa mới có trong Saving Account đủ 1 triệu. Đúng là số con rệp !

Chưa kịp tiêu hóa xong, chiều cùng ngày, phái đoàn lại lại ghé nhà ca trưởng Hòa-Liên với món ăn nhẹ là một nồi lẩu cá Sturgeon, một loại cá hiếm, thịt trắng phau, đậm đà, rất ngon, chỉ có sụn nhưng không có xương. Thời vua chúa ở Việt Nam còn không có cá này để mà ăn. Bây giờ phe ta cứ việc ăn «vô tư».

Sau bữa ăn, tới giờ ma men Thần Tửu nhập, anh em bắt đầu «hát tiếng lạ», với cây đàn thùng của Đại-Đậu, những bản tình ca nhạc Pháp du dương tỏa lan trong không gian ấm cúng căn nhà ca trưởng Hòa-Liên. Bok Tâm hôm nay như sống lại với những ngày «anh đàn, em hát» ngày xưa lúc mới tới Mỹ, khi ngài đang phân vân giữa hai chữ Tu và Hú; nhưng rồi khi cầm cây đàn, lại than những ngón tay sao cứng ngắt không chạy được trên phím như những «ngày xưa Hoàng Thị». Chỉ biết than thở ôi, thời oanh liệt nay còn đâu !

Buổi tối cuối cùng chia tay với Bok Thân ở Vancouver, ngài tâm sự rằng không biết có sức tổ chức thêm lần nữa hay không. Cố kiếm thêm một ít cho người nghèo và các em mồ côi ở Kontum trước khi quy ẩn về vườn, mà chỉ sợ lực bất tòng tâm. Nhìn lại anh em, ai cũng đầu đã bạc, mỗi gôi chồn chân đã nhiều. Tuy nhiên, vài anh em nhận xét Bok Thân còn «ngon cơm» lắm, chắc chắn sẽ làm được. On verra ! Chia tay nhau ra về trong

lưu luyến, ai cũng biết sẽ còn lần tới nữa vào tháng 9, năm 2026.

Nguyễn Văn Tới CVKer 70.

Chú thích : Bok tiếng Thượng Bahnar là Father/linh mục.

CVKer : Người tu học ở Chủng Viện Kontum.

Quê Ngoại

Chu Kim Long

Hoàng theo gia đình di cư vào miền Nam năm 1954, định cư tại miền ngoại ô quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định. Với chương trình trợ giúp của Tổng Ủy Di Cư, các gia đình đã tương đối ổn định đời sống và năm học mới của Trường Tiểu học Di Chuyển Xóm Mới cũng được khai giảng. Các lớp học bắt đầu từ 2 giờ chiều mỗi ngày, sau khi các lớp học buổi sáng của các xứ đạo «tan trường» thì các cha cho mượn các phòng ốc, các lớp học nằm rải rác trong các xứ đạo lân cận nhau.

Các thầy giáo và đám học trò đều là «dân Bắc kỳ di cư», một từ ngữ quen thuộc mà người dân địa phương thường gọi khi nhắc đến làn sóng những người di cư chạy trốn Cộng Sản từ miền Bắc vào miền Nam. Phải đối diện với nhiều khó khăn trong những ngày tháng mới định cư, nên ngoài những giờ dạy học, các thầy phải lo ổn định cuộc sống gia đình tương tự như những gia đình di cư khác. Vì vậy, không có những chương trình văn nghệ hay vui chơi mùa hè như những năm tháng sau này.

Được Tổng hội giáo giới cấp học bổng khi theo học các lớp bậc trung học, Hoàng đạp xe từ miền ngoại ô quận Gò Vấp lên Tân Định để theo học các lớp thuộc chương trình trung học, từ lớp đệ tứ (lớp 9) đến lớp đệ nhất (lớp 12) tại các trường trung học Huỳnh Thị Ngà, Vạn Hạnh và Cứu Thế Học Đường mỗi ngày. Tên trường Hoàng theo học được thay đổi mỗi năm, tùy theo học bổng do Tổng hội giáo giới nhận được từ các vị hiệu trưởng của mỗi trường trong niên học. Một vài tuần trước khi nghỉ hè, các bạn cùng lớp thường trao cho nhau quyển»Lưu bút ngày xanh «để viết, và Hoàng lại được nghe các bạn học người miền Nam kể cho nhau nghe về những dự tính, những câu chuyện đi về quê ngoại, quê nội trong những tháng hè năm nay, năm ngoái hay năm xưa.

Hoàng ngồi nghe các bạn cùng lớp nói chuyện về những ngày nghỉ hè và chợt nhớ mình không còn quê nội quê ngoại để về. Tuy nhiên, hình ảnh quê nội quê ngoại trong ký ức thời niên thiếu đã như những vết hằn khắc sâu vào tâm trí của Hoàng sau những ngày đêm «chạy giặc» và «tản cư «liên tục. Những người ra đời vào thập niên bốn mươi là «những trẻ em sinh ra trong những năm ôn dịch, mất mùa, giặc giã» Với nạn đói, dịch tả, đảo chính Nhật năm Ất Dậu 1945, cùng với sự kiện người Cộng Sản Việt Nam dùng bạo lực để cướp

chính quyền - mọi sinh hoạt xã hội bị xáo trộn, sinh mệnh con người như sợi chỉ treo mảnh, và tuổi thơ tan nhanh như nắng chiều mùa Thu.

Theo lời mẹ Hoàng kể, Hoàng ra đời giữa năm Ất Dậu, cả nước đang lâm vào nạn đói và dịch tả, những người già yếu và trẻ em chết đói nằm rải rác khắp nơi. Chiến tranh Quốc Cộng với thực dân Pháp và bọn phát xít Nhật đã tạo ra nạn đói Ất Dậu khi phát xít Nhật ra lệnh «bỏ lúa trồng cói» để phục vụ nhu cầu chiến tranh. Nạn chết đói xảy ra khắp hang cùng ngõ hẻm, trên đường phố, trong làng thôn. Thời khí ô nhiễm sinh ra bệnh tật, nạn dịch tả lan tràn khắp nơi.

Năm Hoàng được sinh ra thì bà nội cũng như ông bà ngoại Hoàng đã qua đời, nên Hoàng không có diễm phúc được nghe những chuyện cổ tích từ bà nội hay bà ngoại trong thời thơ ấu, mà chỉ được nghe những lời mẹ kể về quê nội quê ngoại thay cho những câu chuyện thần tiên khi Hoàng theo cha mẹ di cư vào miền Nam.

Với ba người anh trai, năm chị em gái, trùng hợp với câu mà thiên hạ thường ví von là «ngũ long công chúa». Mẹ Hoàng là con thứ sáu sau hai người chị và ba anh trai trong gia đình thuộc hai dòng họ Trần Hoàng ở làng Lai Tê, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Theo lời mẹ Hoàng kể, thời con gái của chị em mẹ Hoàng thì

đất nước đang ở trong thời kỳ «thanh bình thịnh trị», nội ngoại là dòng tộc gia thế trong thôn làng được mọi người quý mến. Làng quê với những ruộng lúa chín vàng, những đàn trâu sáng đi chiều về và những ngày mùa rộn ràng tiếng cười trong những đêm trăng đập lúa giã gạo, hội hè, đình đám... Những năm sống an bình, vô tư của thời con gái cũng như những năm tháng hạnh phúc gần gũi bên quê nội quê ngoại được mẹ Hoàng nhắc nhớ như những kỷ niệm ẩn kín trong đời.

Mẹ Hoàng kể : «Khi con chưa ra đời thì bá Lý (chị cả của mẹ Hoàng) gởi «thằng Quận» lên ở với thầy (bố) mẹ để đi học vì quê nội ở ngay cạnh thị trấn Thừa, có trường học và cũng là trụ sở của huyện Lương Tài. «Nó» học giỏi nhưng nghịch ngợm lắm, mẹ cứ phải đi xin lỗi bà con láng giềng thường xuyên. Nhưng cũng nhờ được đi học như thế mà sau này thành ông ký ông phán ở tỉnh Hải Dương đấy. Bao lâu nay bà con gọi «nó» là anh Ký Quận là vậy đó. Con cố gắng học và theo gương anh ký con bác Lý nhé». Có lẽ, với những « ân sâu nghĩa nặng » như vậy, nên năm Hoàng được sáu bảy tuổi bị những cơn ho dai dẳng hành hạ, mỗi lần ho là hai chân nhẩy căng lên theo cơn ho (Grasshopper cough) thì mẹ Hoàng lại dẫn Hoàng đi bộ đến huyện Cẩm Giàng để lên xe lửa xuống tỉnh Hải Dương cho anh Ký Quận chữa trị. Tình nghĩa di cháu của mẹ Hoàng và anh Ký

thật đậm đà, khó phai, dù với những năm tháng định cư tại miền Nam, từ Long Khánh anh vẫn thường về Xóm Mới khám bệnh và chích ngừa cho mẹ Hoàng và các chị em của mẹ Hoàng. Tình yêu thương quê ngoại như một sợi dây vô hình bàng bạc, đã nối kết mọi người trong các năm tháng thanh bình cũng như lúc loạn lạc. Những lúc rảnh rang, mẹ Hoàng thường kể cho Hoàng nghe những chuyện về quê hương. Với nét mặt mặt đắm chiêu, giọng nói chậm rãi, mẹ Hoàng đã nhắc đến năm ông bà ngoại Hoàng qua đời thì mấy anh chị mẹ Hoàng đã yên bề gia thất, mỗi người đều có những bồn phận và bận rộn với những sinh hoạt riêng tư của gia đình, ngoại trừ người em gái út mồ côi cả cha lẫn mẹ, bơ vơ trong tuổi con gái vừa mới lớn - dì út của Hoàng.

Khi Hoàng đã lớn khôn, tương tự như những chuyện của mẹ Hoàng - dì út kể lại cho Hoàng nghe những ngày tháng mồ côi, mẹ Hoàng đã đón dì về, dì đã sống và làm ruộng với thầy mẹ Hoàng, cũng như dì đã «thay tay» mẹ Hoàng, bông bé Hoàng trong những năm tháng đảo chính Nhật, với nạn dịch tả. Dì út Hoàng nói : «Trời nóng như đồ lửa, cháu bị đậu mùa nặng, những mụn đậu sưng lên, làm mủ, mà căn buồng lúc nào cũng phải đóng kín mít để tránh gió nên không khí rất ngột ngạt, oi bức, nặng mùi kinh khủng. Tuy vậy, mẹ và dì vẫn thay phiên nhau bế con bế cháu, cầu mong cho con cho

cháu mau qua cơn dịch bệnh».

Dì út Hoàng cũng thường nhắc và kể lại cho Hoàng nghe về những năm tháng mồ côi, sống với bố mẹ Hoàng và săn sóc Hoàng. Dì út kể lại như kể truyện cổ tích. Dì nói : «Những lúc không chăm sóc cháu, dì ra đồng phụ với bác (bố Hoàng) cùng với những người đang cày thuê, gieo mạ, cấy lúa từ sáng đến trời sẫm tối mới về. Có những ngày, mặt trời đã đứng bóng từ lâu, những người nông dân trên cánh đồng quanh làng đã nghỉ trưa, bá (mẹ Hoàng) đã gánh cơm nước ra mà bác vẫn mãi mê làm, bụng đói cồn cào, dì phải lên tiếng nhắc bố cháu : Anh ơi, chị đã gánh cơm nước ra lâu rồi, quá trưa rồi, anh nghỉ tay cho mọi người ăn cơm đi. Nghe dì nói vậy, bác mới chịu nghỉ trưa, bác làm việc siêng năng cần cù lắm».

Quê Hoàng, làng Phụng Giáo, cách đồn Thửa khoảng một cây số, đồn trấn đóng tại ngã ba thị trấn Thửa, một thị trấn đã bị bỏ hoang từ ngày Việt Minh phát động phong trào «Tiêu thổ kháng chiến» Năm 1951 đồn đã bị bộ đội Việt Minh tràn ngập. Sau chiến dịch bình định, thực dân Pháp đã chiếm làng, lập thành đồn bót mới, biến ngôi thánh đường thành một pháo đài kiên cố, đuổi dân làng ra ngoài khu vực thị trấn bỏ hoang. Từ đó, huyện Lương Tài rơi vào tình trạng «xôi

đậu», ngày quốc gia đêm Việt Minh, dân làng chỉ còn lại các cụ già, phụ nữ và trẻ em, những người thanh niên đã đi lính hay chạy ra tỉnh kiếm việc, trốn tránh gia nhập Mặt trận Việt Minh. Bố Hoàng là một viên chức hàng Tổng, có tên trong sổ đen của Mặt trận Việt Minh, nên nay ở nơi này mai ngủ nơi khác, gia đình Hoàng cũng như dân làng sống trong tình thế tản cư bất thường khi có tin quân Pháp đi càn, hoặc Việt Minh sẽ đánh đồn hay về làng thu thuế, bắt dân công. Dân làng sống trong cảnh một cổ hai tròng, như có sợi dây thòng lọng vô hình trên đầu, không biết bị treo cổ và chết khi nào !

Trong đêm khuya, nếu phải chạy loạn, mẹ Hoàng thường dẫn các con chạy bằng cánh đồng, xuyên qua làng Bích Khê Lạng Dương để đến làng Thọ Ninh (quê bà nội Hoàng) là làng gần nhất so với quê ngoại. Nhưng, dù là đứa bé bảy tám tuổi, Hoàng cũng biết chú áp út - con cậu mợ ruột bố Hoàng - không ưa mẹ con Hoàng, nên luôn luôn tạo ra những xích mích với anh trai Hoàng, bà mợ than phiền với mẹ Hoàng và tỏ vẻ khó chịu về việc mẹ con Hoàng «ăn nhờ ở đậu» mỗi khi tản cư. Từ đó, mẹ Hoàng dẫn các con chạy sang tá túc dài hạn bên quê ngoại.

Những tháng ngày tản cư bên quê ngoại, mẹ con Hoàng và cô em út của bố Hoàng sống trong căn nhà

ba gian hai chái của gia đình em gái mẹ Hoàng, căn nhà bỏ trống từ ngày chú tư bỏ làng đi Hiến binh ở tỉnh Hải Dương. Thời gian chạy loạn và tá túc nơi quê ngoại với những tháng năm dài, nên Hoàng nhớ như in trong đầu từng ngôi nhà của các gia đình bên quê ngoại. Bên trái căn nhà di tư Hoàng cũng bỏ trống vì gia đình cậu mợ Dinh đã bỏ làng, phó mặc cho cỏ mọc cùng rêu xanh phủ đầy sân trước và phía sau nhà. Căn nhà của chú di tư Khang mà mẹ con Hoàng tá túc bỏ hoang đã lâu nên khu vườn đầy cỏ dại, sân trước cũng đã phủ những lớp rêu màu xanh như nhà cậu mợ Dinh. Phía sau nhà chú di tư, cách một cái ao nhỏ và cây khê chua là nhà ông Chánh Hải, em ông ngoại và cũng là bố chồng cô ruột Hoàng, cô góa chồng, ở vậy nuôi con và phụng dưỡng bố mẹ chồng. Bên phải nhà chú di tư là ba ngôi nhà của các bác, anh mẹ Hoàng - theo vai vế từ nhỏ đến lớn là Bác Ba Nê, bác Chánh Duyên, bác Chánh Lãng.

Bác Ba là nhà nông thuần túy. Ngoài công việc đồng áng, bác kéo vó, đặt hom bên bờ con sông đào chạy uốn khúc đến cổng đá, gần nhà cha xứ Lai Tê với ngôi Thánh đường nguy nga, cổ kính, để bắt cá bắt tôm, tiết kiệm được một phần nào tiền chợ và gia đình lại có những món ăn tươi, ngon.

Nhà bác Chánh Duyên với sân gạch và ao cá trước mặt, còn nhà bác Chánh Lãng rộng lớn hơn, với một khu vườn và những cây mít to và cao như những cây cổ thụ - đây là ngôi nhà thừa tự, dinh cơ của ông bà ngoại Hoàng để lại cho người con trưởng. Gia đình hai bác đã chạy trốn Việt Minh xuống tỉnh Hải Dương sinh sống sau ngày bắt Lai Tê bị tấn công, đánh phá. Vì vậy, hai ngôi nhà đều bỏ hoang. Ngay bên phải cánh cổng ra vào «dinh cơ của bác Chánh Lãng» là cơ ngơi của ông Chánh Ngát em ruột ông ngoại Hoàng, cũng to lớn nhất nhì trong làng, ông đã già yếu và gia đình cậu Trùm Ngát, người con trai trưởng sống an phận sau những năm tháng hằng say hoạt động trong các tổ chức của dân làng. Khi huyện Gia Lương rơi vào vùng xôi đậu, cậu đành bó tay và sống qua ngày bên mấy mẫu ruộng trước khi bỏ làng di cư vào miền Nam.

Từ ngày hai huyện Lương Tài và Gia Lương nằm trong vùng xôi đậu, sinh hoạt quê ngoại Hoàng thật buồn tẻ. Là một xứ đạo lớn trong Giáo phận Bắc Ninh với ngôi thánh đường nguy nga, cổ kính, kiến trúc theo kỹ thuật Âu Châu với các đường nét hoa văn thật mỹ thuật và đường kiệu lát gạch chạy quanh khuôn viên ngôi thánh đường. Tất cả đã đổ vỡ và hoang phế theo thời gian. Dãy nhà cha xứ với các phòng ốc đầy đủ tiện nghi, nằm cạnh con sông đào đã hoang tàn và mục

nát cùng những lỗ đạn trên các bức tường loang lổ, rêu phong.

Từ ngày Việt Minh nổi lên, không còn bóng dáng vị linh mục ngày đêm bên đoàn chiên cũng như các sinh hoạt hội đoàn của giáo xứ như những năm tháng thanh bình xa xưa. Những giao tiếp thường nhật của dân làng mang sắc thái buông xuôi trong bầu khí bất an, nghi kỵ, dè dặt. Làng đã vắng tiếng cười, chỉ còn những nét đăm chiêu trên khuôn mặt không còn sinh khí, thấp thoáng bóng dáng các cụ già, đàn bà và con trẻ trên các con đường làng quanh co khúc khuỷu không được tu bổ, sửa chữa. Đời sống thảm lạng như chờ đợi những tai ương không biết sẽ phủ chụp lên đầu dân làng lúc nào. Từng lớp thanh thiếu niên đã bỏ làng, chạy trốn Việt Minh bắt tham gia hoặc bắt đi dân công.

Anh chị em mẹ Hoàng đã phân tán khắp nơi, chỉ còn có bác Tiên Yên và bác ba Nê đã luống tuổi ở lại làng. Hoàng đã theo anh Phẩm con bá Tiên đến nhà hai bác nhiều lần - ngôi nhà khang trang nằm cạnh bờ sông đào với chiếc vó nhỏ bé cạnh bờ sông, bên những hàng hoa dâm bụt đỏ thắm nhưng vắng tiếng cười, nếp sống thanh đạm với đức tin phó thác của hai bác là nguồn cậy trông trong thời buổi khó khăn bủa vây, nhưng nét mặt vẫn hằn lên những buồn phiền cho cuộc đời bất định

của dân làng. Cho đến bây giờ, khi nhắc đến quê ngoại, Hoàng vẫn tiếc nuối lẫn ước mong : «Giả như không có những người Cộng Sản Việt Nam thì đất nước Hoàng cũng độc lập và thanh bình, an vui như các quốc gia Thái Lan, Singapore... và như vậy, mỗi mùa hè Hoàng lại có dịp về quê ngoại theo bác Ba đi kéo vó, đặt hom và xuống nhà bác Tiên Yên ngồi bên bờ sông đào câu cá, tắm sông... thì thú vị và sung sướng biết bao».

Trong những năm tháng mẹ con Hoàng tá túc bên quê ngoại thì dì út Hoàng đã về sống với gia đình nhà chồng ở làng Nghĩa La, cách quê ngoại Hoàng chừng một hai cây số. Lâu lâu, Hoàng thấy mẹ xuống thăm dì út hoặc dì về quê ngoại thăm mẹ con Hoàng, dì út đem cho mẹ Hoàng những củ khoai lang, hay sắn (củ mì) và những trái Sung, trái Trám để muối chua ăn cơm, đôi khi dì cho những trái Chay vỏ xanh ruột hồng có vị chua như trái Sấu. Hàng ngày mẹ con Hoàng ăn cơm với dưa mắm hoặc canh cà chua lỏng bỏng nước, sống qua ngày. Cũng có ngày bác ba Nê câu hay kéo vó được cá, cho bớt mẹ con Hoàng để kho mặn ăn dần. Mỗi khi gần hết gạo, cô út - em bố Hoàng lại «băng đồng» về nhà ở phố Thừa lầy và gánh gạo cùng những thứ gia dụng mang xuống quê ngoại.

Có một lần, trời đã về chiều, nhá nhem tối mà cô

Hoàng vẫn chưa trở lại, mẹ Hoàng bảo hai anh em Hoàng cùng với anh Phàm, con người chị thứ hai của mẹ Hoàng đi ra cổng đá xem cô Hoàng đã về đến cổng làng chưa. Ba đứa trẻ vừa đi đến gần nhà ông Chu, cạnh cái cổng đá và giếng nước, gần ngôi nhà cha xứ đã bỏ hoang, thì nghe thấy những tiếng kích hỏa của đại bác (depart) từ xa vọng lại cùng với những tiếng đạn đang bay sè sè ngang qua đầu. Sống trong vùng bom đạn đã lâu, ba đứa đã quen thuộc với những âm thanh của súng đạn, nên như một phản xạ tự nhiên, tất cả nằm sấp, duỗi dài trên mặt đất cạnh cổng đá, chờ cho tầm đạn bay qua đầu rồi nổ tan ở đâu đó mới ngóc đầu đứng dậy. Rất may, cô Hoàng không bị lạc đạn giữa đường, cô về trễ sau trận pháo, nhưng an toàn.

Nằm dài trên cổng đá tránh pháo kích là một kỷ niệm khó quên, khiến Hoàng nhớ đến câu chuyện mấy người dân làng đã kể về cái cổng đá và ngôi thánh đường xa xưa : «Để có nền nhà thờ cao, phòng tránh lụt lội, dân làng đã bỏ công sức mấy tháng trời ròng rã để đào và cắt ngang mặt đường đá, đặt cổng dẫn nước từ con sông đào chảy qua khu đất bên trái ngôi nhà thờ, tương tự như «dẫn thủy nhập điền» để đào và lấy đất làm nền nhà thờ, biến dải đất trũng sâu, lớn như một con suối, cắt ngang làng, chạy đến tới sát bờ hào ngăn cách giữa ngôi «chợ phiên» với rừng tre làng.

Theo năm tháng, như vết dầu loang, Việt Minh đã lấn sâu và hoạt động công khai trong quê ngoại Hoàng, những tiếng loa vang lên trong đêm khuya tuyên truyền và đe dọa những người mà Mặt trận Việt Minh gọi là Việt gian. Những đứa trẻ như anh em Hoàng hàng ngày phải đi lên Giáp tây để «học chữ quốc ngữ». Căn nhà cụ trùm Vần bỏ hoang, nằm sâu bên phải ngôi thánh đường - nơi có những gia đình lương dân sinh sống xen kẽ, sân gạch nhà cụ là nơi tổ chức những đêm «Văn công», còn căn nhà là lớp học, ông giáo Hoàng - một người lương dân từ làng Nga Hoàng đến dạy những bài ca, bài về chống thực dân Pháp và «bè lũ Việt gian» mỗi ngày. Bài học là những bài thơ, những bài học thuộc lòng, những câu về tuyên truyền có mục đích cài cắm vào trí óc non trẻ của đám con nít. Cho đến nay, Hoàng còn nhớ lồm bồm mấy câu thơ, câu về mà ông giáo Hoàng bắt ngẫu nhiên đọc đi đọc lại :

Kìa ai nhà ngói cổng ngăn
 Kìa ai thiếu cả bát cơm hàng ngày
 Hôm qua đi chợ bán gà
 Thấy thằng quận trưởng quét nhà cho tây

...

Ngày ngày chào lá quốc kỳ
Nhớ người chiến sĩ chết vì non sông
Nhớ xưa bao vị anh hùng
Phất cờ độc lập thành công hoàn toàn

Mất quê nội, xa quê ngoại, nhưng dù đã phiêu bạt vào miền Nam, bà con nội ngoại vẫn khăng khít và tìm về sống bên nhau. Gia đình chú dì út sống cách nhà bố mẹ Hoàng ba căn nhà, chú Giáo Thuận có trình độ văn hóa và điêu khắc tượng ảnh mỹ thuật, cùng với sự quán xuyến, hoạt động trong ngành chăn nuôi của dì út, nên sau vài ba năm gia đình chú dì Hoàng đã ổn định và sung túc. Vào thập niên sáu mươi, vừa bước lên ngưỡng cửa trung học, Hoàng đã cảm nhận được những lo lắng, những băn khoăn của dì út khi thấy bố mẹ Hoàng thất bại trong kỹ nghệ dệt vải tám, vải the, phải bán cho ve chai, lạc-xoong (l'auction) những khung cử trị giá hàng chục ngàn, kéo theo những khó khăn về tài chánh cho các con ăn học và sinh sống. Hai ba lần trong một ngày, Hoàng thấy dì út qua nhà, nhỏ to với mẹ về những câu chuyện làm ăn, tìm cách gây vốn và làm lại từ đầu. Tình chị em sống chết bên nhau giữa mẹ Hoàng và dì út như hình với bóng, thật khó diễn tả. Qua dì út, cộng với sự đảm đang, tài quán xuyến và chất chịu thật khôn ngoan, mẹ Hoàng đã vực dậy một gia tài tưởng chừng gãy đổ về tài chánh, tránh được nguy cơ kéo theo một

đàn con thất học.

Trong số các anh chị em bên ngoại, dì út và mẹ Hoàng rất thân nhau. Cả hai đều rất đảm đang, hy sinh và quên mình vì đàn con, với ước mong duy nhất là các con chăm lo ăn học để vươn lên «cho bằng với người ta». Yêu thương các con đồng đều, nhưng rất yêu quý «con trưởng». Khi anh trai Hoàng bước lên ngưỡng cửa đại học là mẹ Hoàng «chạy trước lo sau» mua cho anh Hoàng cái xe máy ngay. Cũng vậy, khi vừa biết tin con trai trưởng đậu tú tài, dì út đã bảo Hoàng lấy xe máy của anh Hoàng chở dì út lên nhà máy lắp ráp xe gắn máy Ngô Văn Luông ở ngã sáu Sài Gòn để đặt cọc và ráp cho con dì út cái xe máy hiệu Gobels - một hiệu xe đang nổi tiếng nhất trong các loại xe gắn máy trên thị trường thời bấy giờ.

Năm 1991 gia đình bố mẹ Hoàng được đi định cư theo diện HO (Humanitarian Operation) của anh hai Hoàng. Sau khi đặt chân tới Hoa Kỳ, bác sỹ thuộc bệnh viện Stanford xét nghiệm mẹ Hoàng đã bị ung thư đường tiêu, nếu giải phẫu thành công thì sẽ qua khỏi, nhưng vì tuổi già nên xác suất nằm trong tỷ lệ 50/50. Mẹ Hoàng không chấp nhận giải phẫu dù được bác sỹ và các con giải thích thật lạc quan. Không còn cách nào khác, anh em Hoàng gọi điện thoại cho dì út. Từ San Diego dì lấy

vé phi cơ bay lên thăm, và mẹ Hoàng đã đồng ý vào bệnh viện Stanford để giải phẫu, sau khi hai chị em hàn huyên và tâm sự với nhau trong nước mắt cả giờ đồng hồ. Những tình nghĩa yêu thương cao vời giữa dì út và mẹ Hoàng, đã giúp mẹ Hoàng sống với con cháu thêm mười bốn năm nữa. Những lúc rảnh rỗi, Hoàng thường hát nho nhỏ một mình bài «Lòng mẹ» khi nghĩ đến tình yêu thương của mẹ và dì út. Những kỷ niệm của một đời người về quê ngoại vẫn bàng bạc và nằm sâu trong ký ức của Hoàng.

Buổi sáng cuối tuần, mùa đông chớm về với những cụm mây xám nhạt, lơ lửng trôi trên bầu trời California, không khí se se lạnh, tôi và Hoàng ngồi ngoài hàng hiên quán Coffee Lovers của Thành phố Hoa vàng nhìn trời huu quạnh. Bên hai ly cà phê sữa nóng và đĩa bánh Patechaud, Hoàng nói chậm rãi, nhỏ nhẹ, kể cho tôi nghe về quê ngoại của Hoàng thời niên thiếu. Tôi lắng nghe Hoàng kể như đang ngồi nghe một câu chuyện lịch sử hấp dẫn. Kể xong câu chuyện quê ngoại, Hoàng nói : «Sống đời viễn xứ, đất lạ quê người, những mùa nghỉ lễ cuối năm như Thanksgiving, Christmas, thấy thiên hạ kẻ lái xe, người lấy vé về quê làm Hoàng nhớ đến những ân nghĩa trong đời, nghĩ đến quê nội, quê ngoại xa xưa trong tiếc nuối.

Bất giác Hoàng hỏi tôi :

- Anh có nghe ai đó đã nói : «Biết làm sao định nghĩa được tình yêu» không ? Nói xong, Hoàng lại tự trả lời.

- Câu văn mang ý thơ, tưởng chừng chỉ liên hệ tới tình yêu lứa đôi. Nhưng Hoàng không nghĩ như vậy. Hoàng cảm thấy từ tiên thiên, trong cõi nhân sinh, tâm hồn con người đã có một tình yêu vô hình, bất biến, khiến con người đã sống hay chết cho nhau.

Nghe Hoàng giải thích xong, tôi nói : Hoàng nói và quan niệm giống như một tu sĩ quá. Hoàng lắc đầu, nói : « Không phải là tu sĩ mới nghĩ như vậy. Đời sống của dì út Hoàng bên quê ngoại đã giúp Hoàng tìm được ý lực của tình yêu trong đời, vì sau ngày dự tang lễ mẹ Hoàng ở San Jose, về lại SanDiego, sức khỏe của dì út Hoàng bỗng nhiên sa sút một cách khác thường, dì trở lên trầm tư với những năm tháng trên giường bệnh, rồi ra đi một cách thanh thản trong tiếc thương của con cháu.

Chia tay Hoàng, trên đường về nhà, tôi nghĩ Hoàng nói thật chí lý.

Chu Kim Long

Sơn Tây Ngày Về

Vin CD

(Đề tưởng nhớ đến Bố nhân ngày giỗ thứ 10 :
12/20/2024)

Chuyến đi Sơn Tây dự tính cả năm nhưng mãi đến cuối thu 2010 chúng tôi mới thực hiện được. Bố tôi đã hơn 100 tuổi nhưng thể lực tương đối vẫn còn khỏe do đó tôi dắt Bố về thăm lại cố hương trước khi có cơn gió mạnh nào đó chưa kịp thổi tắt ngọn nến vàng.

Bố mẹ tôi sống tuổi thơ ở miền quê nhỏ bé này, cùng đi học, đi làm, yêu nhau rồi lập gia đình và sau cùng di chuyển về thủ đô. Tôi sinh tại Hà Nội nhưng vì quê nội và ngoại đều gốc Sơn Tây nên mỗi khi nghe câu thơ «Quê hương là chùm khế ngọt» tôi hình dung ngay đến Sơn Tây mặc dù địa danh hữu tình này chỉ sống trong tâm khảm qua những câu chuyện gia đình.

Ngày về mang nhiều ý nghĩa, Bố sẽ thăm lại miếng đất cũ của gia đình, tuy đã 100 năm nhưng vẫn còn đó! Tôi muốn ngồi nghe Bố kể lại chuyện tuổi thơ và cả chuyện 100 năm của Bố với Mẹ nơi quê cũ... Hy vọng Bố còn khả năng nhớ lại kỷ niệm đã tròn 1 thế kỷ ! Sự việc đó trên thực tế hẳn cũng không dễ dàng.

Từ Hà Nội theo quốc lộ 32 đi về hướng Tây Bắc, khoảng 40 cây số hơn 1 tiếng đồng hồ chúng tôi đến Sơn Tây. Trung tâm thị xã là Thành Cổ, tọa lạc trên miếng đất vuông, bờ tường cao xây bằng đá ong. Đền Vọng Cung hay còn gọi là Điện Kiến Thiên ở giữa Thành được cất từ thời vua Minh Mạng thứ III để hàng năm cúng trời đất cho quốc thái dân an. Những năm chiến tranh, quan quân cố thủ trong Thành vì được bảo vệ bên ngoài bởi 1 con hào vừa dài vừa sâu. Hiện nay vẫn còn chứng tích và nước sông hào Tích Giang bao thế kỷ vẫn êm đềm chảy quanh.

Ở Sơn Tây, tôi là khách lạ nhưng mang tâm trạng sâu đậm như người trở về nguồn cội. Đầu tiên tôi tìm mua tám bản đồ tỉnh lý nhưng không ai bán, họ chỉ dẫn địa điểm Thành Cổ rồi theo 4 hướng Đông Tây Nam Bắc của hình vuông ấy là sẽ tìm ra mọi nơi. Hướng Nam đối diện với phố Quang Trung còn gọi là Cửa Tiền, Cửa Hậu ở hướng Bắc có phố Lê Lợi và nếu đi thẳng đến cuối đường sẽ gặp sông Hồng, hướng Đông là Cửa Tả nhìn ra chợ Nghệ và cuối cùng hướng Tây hay Cửa Hữu có phố Ngô Quyền. Cấu trúc đặc biệt này làm tôi liên tưởng đến thành phố New Haven thuộc bang Connecticut nơi có trường đại học Yale. New Haven cũng bắt đầu từ miếng đất vuông ở giữa tỉnh gọi là New Haven Green rồi tất cả đường phố hay cơ sở đều xây

ngang dọc chung quanh giống như Thành Cổ Sơn Tây.

Bố Mẹ tôi lúc bé sống với Ông Bà ở Cửa Hậu, từ đó lại được phân chia ra bốn khu : Hậu An, Hậu Ninh, Hậu Bình, Hậu Tĩnh. Gia đình Ông Bà ở phố Hậu An, lúc đó Bố Mẹ tôi là những đứa trẻ học trường làng. Hiện nay, nhà cửa ở khu phố này đã xây mới lại, chỉ còn 2, 3 căn lụp sụp, cửa ngõ xiêu vẹo, chắc chẳng bao lâu nữa cũng phải đập đổ nhưng đặc biệt ngôi chùa Hậu An vẫn đẹp, kiên cố, ngạo nghễ như thách đố với thời gian. Chùa tọa lạc ngay khu đất xưa, được bảo trì nên vẫn giữ được nét cổ kính, trang nghiêm. Phố Hậu An bây giờ đổi thành Lê Lai, cắt ngang phố chính Lê Lợi. Ở đây có tiệm phở Xê, nghe đồn ngon và rẻ nhất Sơn Tây. Ông Xê khi còn sống đập xích lô, chán nghề nên mở tiệm phở, bây giờ giao cho vợ con nhưng quá đông khách nên chỉ làm đến giữa trưa là đóng cửa. Tiệm phở không có bảng hiệu nhưng cả tỉnh ai cũng biết.

Mỗi sáng tôi đi bộ với Bố ăn điểm tâm phở Xê hay bánh cuốn tráng tay rồi đi bộ đến quán cà phê gần ngôi chùa cổ, khu đất xưa của Ông Bà tổ tiên. Quán có một bàn nhỏ, đối diện với phố chợ. Ngồi bên nhau, nhiều lần tôi thấy Bố nhìn xa xăm, chẳng nói lời nào vì kỷ niệm quá dày hay ghen ngạo do tất cả đã lùi vào dĩ vãng hoặc đắn đo chẳng biết bắt đầu câu chuyện đời mình từ

đâu ? Bố thích hương vị cà phê đen, tôi để ý những lúc yên lặng, Bố hớp một ngụm đắng như muốn vơi đi nỗi buồn tha hương, nỗi buồn phu thê nay đã nghìn trùng xa cách... Tôi bỏ thuốc lá đã 10 năm nhưng hôm nay, tự nhiên tay quơ lấy bao thuốc trên bàn và đốt lúc nào không hay !

Giờ phút lịch sử này quay lại từ 100 năm, chẳng biết Bố đang nghĩ gì ? Tôi thầm biết mình may mắn có đủ điều kiện, cả thời gian và sức khỏe, giống như cá hồi bơi ngược dòng trở về nguồn cội. Hơn thế nữa, tôi còn được ngồi cạnh Bố già «Người về từ trăm năm» trên mảnh đất cũ sáng nay.

Ngày nào cũng có phiên chợ, người mua kẻ bán như trảy hội, đa số là các bà, các cô. Tôi ít thấy đàn ông Sơn Tây ở nơi này, họ thường la cà các quán nhậu, tán dóc với bạn bè nếu không thì trầm ngâm với điều thuốc trên môi. Ở Sơn Tây, tôi dậy sớm lúc 5 giờ, tản bộ đường Quang Trung là đến Thành Cổ. Tôi gặp vài cô gái trẻ quét lá vàng trên phố. Khoảng 1 tiếng sau thì đèn đường tắt và loa phóng thanh rĩ rả tin tức từ quê ra tỉnh, mọi nhà vẫn đóng cửa ngủ yên như không có gì xảy ra.

Có buổi chiều, khi ánh dương vừa khuất sau đồi, tôi đến khu đất nhiều cây lá, có tên là Vườn Ổi để uống cà phê với mấy bạn. Ngồi ở vườn, với không khí ẩm đậm

miền quê, ngọn đèn mờ ảo, từ trong nhà 2 thiếu nữ tuổi đôi mươi ra tiếp chúng tôi... Được biết mảnh vườn này ở khu Hậu Bình (gần khu Hậu An của Bố Mẹ tôi) đất quê của Trung Tướng Lê Nguyên Khang tư lệnh Thủy Quân Lục Chiến miền Nam trước năm 75 và bây giờ những người cháu của ông làm chủ quán Vườn Ồi vừa rộng vừa hữu tình. Căn nhà cũ của Tướng Nguyễn Cao kỳ ở Cửa Hữu, phố Ngô Quyền. Nghe kể ông Kỳ có về thăm Sơn Tây chớp nhoáng, sáng đến chiều đi. Ông có người anh cùng cha khác mẹ tên là Nguyễn Cao Đăng qua đời mấy năm nay. Sinh thời, ông Đăng bán báo sống qua ngày, cuộc đời cơ cực bần hàn.

Ngày 30 tháng 4 năm 75, khi chiếc xe tăng đầu tiên cán dẹp cánh cửa sắt chạy thẳng vào Dinh Độc Lập; chiếc xe thứ hai từ phía sau lướt tới... Hình ảnh ấy chúng ta đã xem nhiều lần trên truyền hình nhưng truyện này có một chi tiết quan trọng tôi xin kể vì người Sơn Tây bất mãn...

Trên chiếc xe tăng đầu tiên có 3 bộ đội, họ đánh sập cửa sắt Dinh Tổng Thống nhưng cả 3 không hề được ghi công. Chiếc xe thứ 2 vượt lên, vị sĩ quan tức thì nhảy ra, leo lên Dinh cầm lá cờ xanh đỏ vàng rồi sau đó hắn được gắn huy chương và công trạng đi vào lịch sử. Trong 3 người ấy, Phụng là nông dân Sơn Tây, bây giờ

cắt tóc ở bờ hào, công an đuổi lên đuổi xuống vì làm việc nơi công cộng không có giấy phép, người thứ 2 lái xe Lam ở Saigon và người thứ 3 trở về thôn cày ruộng.

Chợ Nghệ nằm ở Cửa Tả, lấy tên của làng Nghệ, cách xa tỉnh Sơn 1 cây số. Chợ vừa xây 2 tầng ngay bên bờ hào Thành Cổ; những ngày tôi đến thì chợ chưa khánh thành và người ta họp chợ tạm gần đó. Đi chợ có cái vui là thấy sinh hoạt của tỉnh, rau cỏ, trái cây đều tươi từ quê mang ra. Tất cả gà vịt, chim chóc, cóc nhái hay hải sản cá, cua, tôm, lươn đều còn sống. Khi chọn ăn con nào thì con đó chết ! Người bán cắt cổ, giết ngay trước mặt mình rồi nhổ lông làm sạch tại chỗ. Có lần 2 chim bồ câu đã bị đập chết chỉ vì tôi chán thịt gà ! Kể từ đó, tôi không muốn trở lại phiên chợ Sơn Tây 1 lần nào nữa.

Danh lam thắng cảnh ở xứ Đoài nhiều lắm : Đền Và, Chùa Mía, Chùa Tây Phương, Núi Ba Vì... Tản Viên là ngọn cao nhất của núi Ba Vì. Từ Thành Cổ, tôi có thể nhìn thấy ngọn Tản Viên khi trời quang mây tạnh. Tản Viên là nơi xảy ra sự tích Sơn Tinh, Thủy Tinh mà chúng ta đều đã học lịch sử. Tỉnh Sơn Tây xuất phát nhiều nhân tài tập trung ở 2 địa hạt quân sự và văn chương chẳng hạn như : Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu, Quang Dũng, Chu Tử, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Ngọc

Ngạn... ngoài những tướng tá tôi kể ở trên còn có Ngô Quyền, Phùng Hưng...

«Đôi mắt người Sơn Tây» là đôi mắt có linh hồn, không phải chỉ đẹp bề ngoài mà chứa đựng cả bầu trời tâm sự bên trong. Khi về đây, tôi hỏi vài trưởng lão để tìm «Đôi mắt người Sơn Tây» thì không ai có câu trả lời rõ ràng vì không thấy cô gái nào có đôi mắt đặc biệt ấy ! Thỉnh thoảng tôi gặp vài cô gái đẹp nhưng không phải đôi mắt. Sau cùng, đọc lại bài thơ Quang Dũng : «Đôi mắt người Sơn Tây, u uẩn chiều lưu lạc, buồn viễn xứ khôn nguôi...» thì tôi không đi tìm nữa, đôi mắt ấy tôi đang sở hữu ở nhà và nhiều lần đã say đắm. Nỗi lòng này chỉ duy mình tôi hiểu...

Cuối cùng tôi đến viếng từng ngôi mộ, ông Bà Nội, ông Bà Ngoại, tôi cũng thăm tất cả họ hàng, có người chỉ biết tên chưa bao giờ gặp nhưng đã sớm nằm trong lòng đất. Nghĩa địa ở đây quanh hiu không bút nào tả được, không khí lạnh lẽo bao phủ tận chân trời, từng ngôi mộ xanh cỏ đôi khi không bia đá, không hàng lối nổi lên ngồn ngộn từ mặt đất tạo nên cảnh kinh hãi như người chết nhấp nhô trở về.

Đất xưa nên cảnh tượng hoang tàn, con người Sơn Tây nghèo khổ, đâu đâu cũng thấy đầu tắt mặt tối vì miếng cơm manh áo nên người chết phải sống trong

lạnh lùng, ít ai dành thời giờ thăm viếng bảo trì vì thế khi bước vào mộ phải chặt cây, nhổ cỏ mới tìm đến nơi. Tôi nhớ nhất Bà Ngoại, năm 54 để Bà ở lại, Bố Mẹ tôi di cư vào Nam, cứ ngỡ xa cách chỉ vài tháng là đoàn tụ nhưng chiến tranh mỗi năm mỗi khốc liệt và mỗi ngày một cách xa. Bà già yếu khóc nhiều vì nhớ thương con cháu nên lòa cả 2 mắt rồi ra đi không một ai trong gia đình ở bên Bà. Bao nhiêu kỷ niệm đẹp của tôi đều xuất phát từ tình yêu của Bà. Tôi đã đến, đốt nén hương lòng, ngậm ngùi tưởng nhớ những năm xưa, những ngày thơ ấu có bàn tay Bà nâng niu ấp ủ... Gió bão thời cuộc đã cuốn đi tất cả và cuộc đời vẫn nổi trôi !

Ngày mai tôi sẽ xa Sơn Tây, không biết bao giờ sẽ trở lại nhưng xứ Đoài với bao ân tình vừa sống lại trong ngày về bên cạnh Bố sẽ chẳng thể phai pha trong lòng tôi. Quê hương tôi là Đất Việt, có tỉnh lỵ Sơn Tây với núi Tản sông Hồng «nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương». Sơn Tây ngày về là chuyến đi cuối của Bố tôi trước khi lìa trần. Dư âm ấy đã ghi đậm trong lòng để tôi viết nên nhiều tâm sự.

Vin CD

Irvine 12/07/2024